

NGUYỄN VŨ BÌNH

**Việt Nam  
và con đường  
phục hưng đất nước**

*làng văn*  
**2012**

Tác giả giữ bản quyền cuốn sách  
Địa chỉ liên lạc:  
Nguyễn Vũ Bình  
Phòng 406, số nhà 1C  
ngách 71, ngõ Gốc Đề  
Phố Minh Khai, Hà Nội  
Việt Nam  
Điện thoại: 0987 572 844  
Email: [thanglongdoicho@gmail.com](mailto:thanglongdoicho@gmail.com)

*Xin góp chi phí thực hiện  
(tùy tâm)  
Trả qua Paypal, vào account:  
[thanglongdoicho@gmail.com](mailto:thanglongdoicho@gmail.com)*

# MỤC LỤC

Lời giới thiệu - Nguyễn Hữu Nghĩa.....	4
Ảnh Nguyễn Vũ Bình .....	6
Vài nét về tác giả.....	7
Việt nam và con đường phục hưng đất nước....	11
Đơn xin thành lập đảng Tự do – Dân chủ.....	42
Về vấn đề biên giới Việt Trung.....	45
<i>Tổ quốc ăn năn</i> – cảm nang dân chủ và phát triển Việt Nam.....	54
Bản điều trần về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam.....	68
Bản kiến nghị tập thể.....	79
Đơn xin thành lập hội.....	86
Thư ngỏ kính gửi đồng bào hải ngoại.....	89
Nguyên nhân thất bại của cao trào dân chủ 2006.....	99
Cụ Hoàng Minh Chính – người tạo ra những con đường.....	114
Tương lai nào cho phong trào dân chủ Việt Nam.....	127
Dân chủ.....	192
Thư ngỏ kính gửi nhân dân Trung Hoa.....	238
Bạt: “ <i>Tự do hay là chết</i> ” – Nguyễn Thanh Giang.....	243

## ***Lời giới thiệu***

Tập sách *Việt Nam và con đường phục hưng đất nước* mà quý vị đang xem, là công trình gom góp từ 11 năm viết lách -- hay nói cho đúng ra, “viết mà không lách” nữa -- của một sĩ phu Việt Nam sống trong nhà tù lớn tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 21.

Đây cũng là cuốn sách điện tử (tạm dịch chữ e-book) đầu tiên của nhà xuất bản Làng Văn (Canada), trước nay vốn chỉ thực hiện sách in. Đây là thí nghiệm đầu tiên về cả hai vấn đề: một, là thực hiện sách điện tử, vốn vẫn được coi là “sách ảo”, mức phổ biến có thể rộng nhưng không có sự bồi đắp về tài chính; hai, là hợp tác với một tác giả ở bên kia bức màn sắt, người mà chúng tôi chưa từng gặp mặt, chưa từng nói chuyện

qua điện thoại, chỉ “biết” nhau qua mặt chữ, nhưng cùng chung một điểm thao thức: làm sao cho dân chúng Việt Nam được hưởng tự do dân chủ thực sự.

Điều tôi e ngại là tập sách này sẽ đưa tác giả của nó trở lại nhà tù, vì quyền tự do tư tưởng, tự do phát biểu vẫn là những điều cấm kỵ ở các nước độc tài. Trước khi phát hành, chúng tôi đã báo tin cho các tổ chức nhân quyền quốc tế để sẵn sàng có phản ứng khi cần thiết.

Sau hết, mặc dù sách có ghi tuyên bố về tác quyền, nhưng vì phúc lợi chung cho dân tộc, tác giả cũng như nhà xuất bản tán thành mọi sự tiếp sức phổ biến dưới mọi hình thức, kể cả việc in thành sách.

*Nguyễn Hữu Nghĩa*



*Nguyễn Vũ Bình*

Tác giả Nguyễn Vũ Bình sinh ngày 2 tháng 11 năm 1968, tốt nghiệp Khoa Kinh tế Chính trị, Đại học Tổng Hợp Hà Nội (1985-1990), đã từng là biên tập viên *Tạp chí Cộng Sản*, cơ quan lý luận và chính trị của đảng Cộng Sản Việt Nam, trong thời gian gần 10 năm.

Ngày 02/9/2000, ông làm đơn xin thành lập đảng Tự do – Dân chủ, và đơn xin nghỉ việc tại *Tạp chí Cộng Sản*. Tháng 1 năm 2001, Ông bắt đầu vận động cho dân chủ tự do tại Việt Nam. Ông cùng 16 người khác gửi thư ngỏ cho Nhà nước CSVN, kêu gọi cải tổ thể chế và phóng thích tù nhân chính trị. Ông ủng hộ việc chống tham nhũng và tham gia thành lập Hội Chống tham nhũng tháng 9/2001. Ông cũng đã gia nhập Câu lạc bộ Dân chủ cho Việt Nam.

Tháng 7 năm 2002, Nguyễn Vũ Bình gửi một bài điều trần tới Ủy Ban Nhân Quyền thuộc Quốc Hội Hoa Kỳ, trình bày

tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam. Ngay sau đó, công an CSVN tới khám nhà và tịch thu toàn bộ sách vở, tài liệu và liên tục triệu tập ông tới Sở Công An làm việc cho tới giữa tháng 8, rồi cho giam tại nhà với sự sách nhiễu thường xuyên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2002, Nguyễn Vũ Bình chính thức bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt giam. Ông đã hai lần được tổ chức Quan sát Nhân quyền Quốc tế (Human Right Watch) trao giải Hellman-Hammet vào các năm 2002, 2007. Đó là giải danh dự dành cho những nhà văn dũng cảm đương đầu với bạo lực chính trị. Nguyễn Vũ Bình đồng thời cũng là Hội viên danh dự của 4 tổ chức Văn Bút quốc tế: Văn Bút Hoa Kỳ, Văn Bút Canada, Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại và Văn Bút Sydney.

Sau phiên xử kéo dài 3 giờ tại Toà án nhân dân Hà Nội hôm 31 tháng 12 năm 2003, Nguyễn Vũ Bình bị tuyên án 7 năm tù



giam và 3 năm quản thúc tại gia vì tội... làm gián điệp. Hội Ký Giả Không Biên Giới, Hội Quan Sát Nhân Quyền, Hội Các Nhà Báo Thế Giới và nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế cũng như chính phủ Hoa kỳ, đã chỉ trích phiên xử.

Ngày 5 tháng 5 năm 2004, toà Phúc thẩm Nhân dân Tối cao tại Hà Nội quyết định y án. Nguyễn Vũ Bình tuyên bố: "Đối với tôi, tự do hay là chết", rồi bắt đầu tuyệt thực. Ngày 18 tháng 5 năm 2004, sau 14 ngày, ông ngưng tuyệt thực, nhưng không thui chột ý chí đấu tranh. Sau cuộc tuyệt thực, ông đã sụt 14kg và di chứng để lại là bệnh đường ruột.

Ngày 9 tháng 6 năm 2007, Nguyễn Vũ Bình được phóng thích từ nhà tù Nam Hà; sau hơn 3 năm kể từ ngày được trở lại "Nhà tù lớn", mái ấm gia đình của ông không còn nữa. Vợ ông, bà Bùi thị Kim Ngân giữ hai con nhỏ, ông ra ngoài thuê nhà

sống một mình, trong sự đùm bọc và giúp đỡ của người thân và bạn bè...

## VIỆT NAM VÀ CON ĐƯỜNG PHỤC HƯNG ĐẤT NƯỚC

Sau một thời gian tăng trưởng kinh tế ở mức cao (8-9%/năm), nền kinh tế Việt Nam đang trong thời kỳ suy giảm. Năm 1998 mức tăng trưởng đạt 5,8%, năm 1999 là 5%. Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 1998 chỉ bằng 1/3 của năm 1997 và năm 1999 bằng 1/3 năm 1998. Vấn đề quan trọng là xu hướng giảm của tăng trưởng kinh tế và đầu tư nước ngoài ngày càng rõ nét. Tình trạng tham nhũng trở thành quốc nạn. Tham nhũng đã được Đảng, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân thừa nhận. Tệ nạn xã hội - nỗi đau lớn nhất của dân tộc - đang

phát triển không gì ngăn cản nổi. Gần đây, người ta khám phá ra vụ buôn bán, tiêu thụ ma túy lớn nhất từ trước tới nay, vụ án được xét xử ngày 13-6 tại Nam Định.

Trước tình hình thực tế của đất nước, có hai cách nhìn nhận, lý giải và đánh giá. Theo quan điểm chính thống của Đảng và nhà nước thì rõ ràng những thành tựu mà nước ta đạt được trong thập kỷ vừa qua là vô cùng ngoạn mục. Tuy nhiên, mấy năm cuối thập kỷ, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế - tiền tệ châu Á, mức tăng trưởng của nền kinh tế có phần giảm sút song vẫn ở mức cao nhất khu vực và châu Á. Quốc nạn tham nhũng thì Đảng và Chính phủ, Quốc hội cũng không bao giờ quên. Bài diễn văn nào, cuộc họp nào cũng nhắc tới, thậm chí những cuộc tiếp xúc ngắn ngủi giữa lãnh đạo Đảng với dân, tham nhũng cũng bị đưa ra bàn bạc, mổ xẻ. Tệ nạn xã hội đích thị là do kinh tế thị trường (mặt trái

của kinh tế thị trường). Không còn phải nghi ngờ gì nữa, chúng ta chấp nhận kinh tế thị trường cũng phải chấp nhận mặt trái của nó và tệ nạn xã hội là đương nhiên. Vấn đề là giáo dục đạo đức và khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường.

Có một cách nhìn nhận khác, trái hẳn với cách nhìn nhận thông thường, chính thống. Cách nhìn nhận này thực ra đã được các nhà cách mạng lão thành, những trí thức tâm huyết với đất nước ở trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức góp ý với Đảng và Nhà nước. Cũng là điều bình thường khi người đi sau tổng hợp và phát triển với một ý chí và quyết tâm cao trên cơ sở nhận thức của bản thân.

Đến thời điểm này, tôi cho rằng Việt Nam đang đứng trước một cuộc tổng khủng hoảng lớn nhất của chế độ hiện hành. Có thể khái quát trạng thái hiện nay của tình hình đất nước là: Bế tắc về đường lối, đình trệ về

kinh tế và dồn nén về xã hội. Sau đây sẽ phân tích từng vấn đề.

## **1- Bế tắc về đường lối**

Vấn đề lớn đầu tiên là đường lối về chính trị. Với ý thức hệ Mác- Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đang đưa đất nước vào ngõ cụt bởi những lý do:

Thứ nhất, hệ tư tưởng Mác-Lênin khái quát thực tế lịch sử từ trước cho đến thế kỷ XIX, hiện nay chúng ta đang sống ở thế kỷ XXI, không thể lấy những kết luận của thế kỷ XIX làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động ở thế kỷ XXI được.

Thứ hai, dù nói cách nào thì sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã chứng minh ý thức hệ tư tưởng Mác-

Lênin không phù hợp với lịch sử và đã bị đào thải.

Thứ ba, theo nhà toán học Phan Đình Diệu, khái niệm "Kinh tế thị trường theo định hướng XHCN" là một khái niệm mâu thuẫn. Chủ nghĩa xã hội, với tư cách là một thể chế xã hội (theo định nghĩa kinh điển), là một chế độ mà về mặt kinh tế phải xây dựng trên cơ sở công hữu hoá về tư liệu sản xuất, quản lý tập trung và kế hoạch hoá vv... rõ ràng mâu thuẫn với kinh tế thị trường. Mâu thuẫn trong cơ sở lý luận sẽ dẫn tới những biện pháp nửa vời trong thực tiễn hành động. Đây là lý do quan trọng nhất dẫn tới bế tắc về đường lối phát triển kinh tế hiện nay. Với quan điểm kinh tế Nhà nước (nòng cốt là doanh nghiệp nhà nước) giữ vai trò chủ đạo, nền kinh tế Việt Nam không thể phát triển được. Trên thế giới chưa có một nước nào mà doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả và thực tế đau đớn của

Liên Xô và các nước Đông Âu cũng như những nước gọi là CNXH, trong đó có Việt Nam còn tồn tại chẳng phải đã là những minh chứng rõ như ban ngày hay sao?

Một vấn đề rất quan trọng nữa về đường lối, đó là đường lối hội nhập. Chúng ta đều biết rằng, sự phát triển của một nền kinh tế ngày nay không thể tách rời khỏi sự phát triển của nền kinh tế khu vực và thế giới. Để thu hút vốn, kỹ thuật và trình độ quản lý cho phát triển kinh tế thì hội nhập là yêu cầu tuyệt đối đối với bất cứ nền kinh tế nào. Song hội nhập lại đòi hỏi các nền kinh tế phải đáp ứng đầy đủ những nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. Và bất kỳ nền kinh tế nào đi ngược lại hoặc chưa bảo đảm về cơ bản các nguyên tắc thị trường đều bị tổn thương trong quá trình hội nhập. Cuộc khủng hoảng kinh tế - tiền tệ châu Á vừa qua đã chứng minh rất rõ luận điểm này. Theo tôi, các nước vừa qua bị khủng hoảng



do đã vi phạm hai nguyên tắc rất quan trọng của nền kinh tế thị trường, đó là: *Thị trường phân bổ có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế và tính minh bạch và trung thực của thông tin trong nền kinh tế thị trường*. Như vậy, với nền kinh tế nước ta hiện nay, các nhà lãnh đạo đều cảm nhận được sự nguy hiểm của hội nhập và chính vì vậy đã dẫn tới sự nể sợ, bị động và bế tắc trong đường lối hội nhập.

## **2- Đình trệ về kinh tế**

Báo cáo kinh tế của Viện Kinh tế học cuối năm 1999 đã đưa nhiều số liệu về việc tồn đọng một số sản phẩm cơ bản của nền kinh tế như: xi măng, sắt, thép, phân bón, đường, v.v... cũng như tình hình thất nghiệp rất lớn trong các doanh nghiệp hiện nay. Đó là một trong những biểu hiện đình trệ của nền kinh tế. Nhưng quan trọng hơn là đi vào tìm hiểu bản chất của nền kinh tế nước ta

hiện nay. Thú thực, là một người Việt Nam nhưng tôi không thể vui mừng được trước những cái gọi là thành tựu của công cuộc đổi mới như tăng trưởng kinh tế 8-9%, tỷ lệ đói nghèo giảm từ 33% xuống còn 17% theo số liệu chính thức. Ở đây chưa bàn đến phương pháp thống kê (tính GDP) cũng như định nghĩa về hộ đói nghèo mà vấn đề là những gì đang diễn ra đằng sau những con số đó. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế có một khuyết điểm rất lớn là nó không chỉ cho người ta biết được khả năng thanh toán hay khả năng trả nợ của một nền kinh tế - và đây là điểm quan trọng nhất. Tôi hình dung nền kinh tế Việt Nam như một quỹ tín dụng nhân dân khổng lồ (dân gian gọi là chủ hụi) chưa bị vỡ nợ. Đặc điểm của những quỹ tín dụng này là khả năng che đậy thực lực tài chính bằng phương pháp vay của người sau trả cho người trước và nó chỉ bị vỡ tung khi bị phát hiện hoặc không vay được nữa.

Theo số liệu công bố chính thức, tổng số nợ của nước ta là 11 tỉ USD, nhưng số nợ thực có thể là gấp rưỡi hoặc gấp đôi (xấp xỉ 20 tỉ USD), tức là số nợ gần tương đương hoặc bằng 2/3 tổng sản phẩm quốc nội của nước ta. (GDP của Việt Nam khoảng 30 tỉ USD nhưng có người nhận định chỉ vào khoảng 20 tỉ USD). Nhưng vấn đề quan trọng là một nền kinh tế không có hiệu quả (sẽ phân tích), với đường lối và phương thức phát triển như hiện nay thì khả năng trả nợ sẽ là con số không! Điều này lý giải tại sao tất cả những số liệu, thông tin về vấn đề này đều thuộc bí mật quốc gia. Xin lấy một ví dụ cụ thể về hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Theo số liệu của Báo cáo kinh tế của Viện Kinh tế học thì số nợ quá hạn của hệ thống ngân hàng thương mại nước ta là 7% trên tổng dư nợ, cộng với 7% khoanh nợ cho các doanh nghiệp nhà nước là 14% (theo các chuyên gia nước ngoài là 23-25%). Trong

khi đó, bất kể ngân hàng nào trên thế giới, số nợ quá hạn trên tổng dư nợ là 5% thì ngân hàng đó đã phải phá sản! Như vậy hệ thống ngân hàng của nước ta có số nợ quá hạn cao gấp 3 đến 5 lần giới hạn cho phép mà vẫn tồn tại ung dung, vui vẻ. Điều mấu chốt là những thông tin này phải được giữ bí mật, nhất là đối với những người gửi tiền vào ngân hàng.

Vấn đề đói nghèo cũng có kịch bản tương tự. Đằng sau những con số mỹ miều về thành tích xoá đói giảm nghèo là cuộc sống cùng cực của những người công nhân, nông dân, những người lao động. Bởi vì những con số chỉ phản ánh được mức tăng đơn thuần về lượng của thu nhập mà không biết tới một chu kỳ "tiêu dùng mới" của toàn xã hội trong những năm qua. Trong 10 năm (1990-1999) qua, chúng ta đã bước sang một chu kỳ tiêu dùng mới với những chi tiêu cho giáo dục, y tế, những khoản đóng góp

mới, với chi tiêu cho những hủ tục ở nông thôn mới trời dấy và những khoản tiêu cực phí cho bất kỳ công việc nào, v.v. Những con số tăng lên nhỏ nhoi về thu nhập liệu có lấp đầy những chi phí phát sinh trong chu kỳ tiêu dùng mới của những hộ đói nghèo? Có nên tự hào về những con số đó không khi mà những gia đình này phải có những khoản tiền khổng lồ đối với họ thì con họ mới học lên được trung học và đại học.

Tình trạng đình trệ về kinh tế được phân tích rất rõ trong Báo cáo kinh tế của Viện Kinh tế học. Nguyên nhân trực tiếp của việc tồn đọng những sản phẩm cơ bản là do chi phí sản xuất quá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nguyên nhân về cơ cấu - mục tiêu là do: thứ nhất, phần lớn lượng vốn xã hội đầu tư vào khu vực doanh nghiệp nhà nước không có hiệu quả *"Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) sử dụng hơn 80% lượng vốn xã hội, giữ vai trò quan*

trọng trong sản xuất và đóng góp vào ngân sách nhà nước nhưng khả năng tích lũy còn rất hạn chế. Trên thực tế, tổng số nợ của DNNN năm 1999 đã lên tới khoảng 200.000 tỉ đồng. Nếu tính đầy đủ những khoản như xoá nợ, khoan nợ không phải thanh toán, bao cấp lãi suất, v.v. thì các DNNN này chẳng những không tạo ra được tích lũy mà còn khó tái tạo được nguồn vốn ban đầu. Dù muốn lập luận như thế nào chăng nữa, hơn 80% lượng vốn xã hội sử dụng theo phương cách trên vẫn là nguyên nhân của tình trạng giảm sút tăng trưởng và kìm hãm cầu" (Tạp chí Cộng sản, số 2, tháng 1-2000, trang 32); Thứ hai, khu vực kinh tế tư nhân không phát triển được. Chúng ta đều biết, kinh tế tư nhân là động lực phát triển của tất cả các nền kinh tế thị trường phát triển trên thế giới. Khu vực kinh tế này không phát triển được thì nền kinh tế cũng không thể phát triển.

Có ba nguyên nhân quan trọng làm cho khu vực kinh tế tư nhân không phát triển. Một là, không thừa nhận sở hữu tư nhân dẫn tới việc tư nhân kinh doanh không được bảo đảm và bảo vệ bằng pháp luật. Hai là, kinh tế thị trường chưa chín muồi (chưa tạo lập đầy đủ và đồng bộ các thị trường), chưa có hệ thống pháp luật cho kinh tế thị trường phát triển, dư luận xã hội đối với kinh tế tư nhân còn nhiều nặng nề, định kiến. Ba là, sự méo mó của hoạt động sản xuất kinh doanh do việc ưu tiên quá mức cho các DNNN.

Với hai nguyên nhân cơ cấu-mục tiêu nêu trên, nền kinh tế nói chung không có hiệu quả. Kết hợp với việc sụt giảm đầu tư nước ngoài và đường lối hội nhập bế tắc, sự đình trệ của nền kinh tế là một tất yếu.

### **3- Dồn nén về xã hội**

Đối với mỗi một nhà phân tích có lương tâm, vấn đề xã hội của đất nước hiện nay là nỗi đau lớn nhất bởi tính chất nghiêm trọng và khả năng khôi phục cực kỳ khó khăn, lâu dài của nó. Có thể nói, những nền tảng cơ bản của xã hội Việt Nam đã bị phá hủy hoàn toàn. Điều này thể hiện trên những phương diện sau:

- Tính trung thực xã hội đã bị phá hủy hoàn toàn. Tính trung thực xã hội là nền tảng quan trọng nhất để một xã hội phát triển lành mạnh. Song, chúng ta đều biết rằng, qua thời gian tính trung thực xã hội đã biến mất. Trước hết, sự không trung thực bắt nguồn từ hệ thống chính trị, thâm thấu vào hệ thống quản lý và lan toả ra toàn xã hội. Một đặc trưng của xã hội hiện nay là không một ai nói thật và rất sợ sự thật. Không phải ngẫu nhiên mà phương châm hành động của Đại hội VI là nói đúng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật và đánh giá đúng sự thật.



- Đạo đức xã hội đã bị phá hủy nghiêm trọng. Những quan hệ xã hội, trong đó quan hệ con người với con người là cơ bản, và quan hệ tình cảm hợp thành nền tảng đạo đức xã hội đều bị phá hủy nghiêm trọng bởi sự ra đời và lên ngôi của một thứ quan hệ "đồng chí". Thực ra quan hệ "đồng chí" không có nội dung xã hội và không thể tồn tại, song chính vì vậy mà nó đã tồn tại bằng một sự lên gân và tiêu diệt các mối quan hệ khác. Không có gì ngạc nhiên khi ngày nay người ta thường gọi những người mà mình ghét và khó chịu là "đồng chí". Trải qua một thời gian dài, khi mà quan hệ đồng chí không còn nữa thì cũng là lúc mà những quan hệ khác đã bị phá hủy hoàn toàn.

- Những giá trị xã hội và thước đo giá trị xã hội đã bị đảo lộn. Bằng sự can thiệp sâu rộng của chính trị vào tất cả các lĩnh vực và trên mọi phương diện, đến nay những giá trị xã hội và thước đo giá trị xã hội đã bị đảo

lộn hoàn toàn. Những gì là đúng, là sai, là hay, là dở không thể nào thống nhất và phân biệt được. Con người nào là tài, là giỏi, là dốt, là cơ hội, v.v. không có thước đo xã hội làm chuẩn mực đánh giá. Đây đúng là bi kịch của xã hội Việt Nam bởi vì chúng ta không thể nào huy động và sử dụng được những con người tài giỏi, trí tuệ nhất của đất nước để thoát ra khỏi tình trạng hiện nay.

- Con người bị tha hóa. Biểu hiện cuối cùng và cao nhất về sự xuống cấp xã hội là sự tha hoá của con người. Người ta không được phép nói ra những điều mình suy nghĩ, hành động theo những gì người ta cho là đúng, tức là mình không phải là mình. Có người nói rằng, con người ngày nay là con người nhị nhân cách, song theo tôi thì những người nhị nhân cách đó là những người không có nhân cách. Làm sao mà có nhân cách được trong khi tất cả các

phát biểu chính thức, những cuộc họp, hội thảo anh nghĩ một đằng lại nói một nẻo.

Lý giải nguyên nhân của tất cả những vấn đề xã hội nêu trên là một điều hết sức khó khăn. Song cũng có một vài điều để chúng ta suy nghĩ về nguyên nhân. Tuyệt đối hoá mục đích trong các hoạt động thực tiễn, tức là phải đạt được mục đích bằng mọi biện pháp, mọi giá, không cần xem xét tới hậu quả - có thể là nguyên nhân khởi nguồn, đầu tiên. Tuyệt đối hoá quyết định cấp trên - mệnh lệnh, một nguyên tắc của chiến tranh được đưa vào quản lý xã hội. Và cuối cùng, kết hợp với ảo tưởng về một xã hội dựa trên nền tảng công hữu về tư liệu sản xuất.

Trên nền của một xã hội như vậy, số lượng ngày càng tăng của tội phạm và tính chất man rợ và nghiêm trọng của tội ác không phải là điều gây quá nhiều ngạc nhiên. Vấn đề là hiện nay đang có sự dồn nén đặc biệt về xã hội được tạo ra bởi những

khó khăn của nông dân, công nhân, những ức chế của giới trí thức, những hoài nghi và lo lắng của cán bộ lão thành, cán bộ hưu trí. Có ba nguyên nhân dẫn tới những dồn nén xã hội.

\* Một là, ***điều kiện sống***, sinh hoạt khổ cực của nông dân và công nhân. Điều này không cần dẫn chứng và phân tích nhiều bởi vì đối với công nhân, tình trạng không có việc làm và thu nhập thấp là phổ biến và rõ như ban ngày. Đối với nông dân, sự cùng cực và dồn nén đã bùng nổ ở Thái Bình mà nguyên nhân cơ bản của nó đã được phân tích hoàn hảo trong bài "*Từ thực tế một xã, suy ngẫm về sự đóng góp của nông dân*" của Phó giáo sư, Tiến sĩ Lê Trọng đăng trên *Tạp chí cộng sản* số 16, tháng 8-1997. Trong bài báo có hai điều cần lưu ý, đó là sự dư thừa của lực lượng lao động từ 50-60% ở vùng đồng bằng sông Hồng. Điều này phản ánh sự bế tắc trong việc tạo lập môi trường làm

ăn thuận lợi cho nông dân. Thứ hai là mức đóng góp rất lớn của nông dân từ 13-21 khoản chiếm tới trên 70% thu nhập, dẫn tới thu nhập thực tế của nông dân ở mức cực kỳ khốn khổ: 28.400 đồng/người/tháng của lao động thuần nông và 40.000 đồng/người/tháng cho người có thêm thu nhập phụ (điều này phản ánh chính sách hà khắc đối với nông dân). Với mức thu nhập thấp, cộng với những tiêu cực phát sinh ở địa phương (cán bộ tham ô, tham nhũng, hách dịch...) những người nông dân Thái Bình nổi dậy đã thực sự cảnh báo nguy cơ tổng khủng hoảng của toàn xã hội.

\* Hai là, ***bất công xã hội do sự phân hoá giàu – nghèo***, giữa nông thôn và thành thị đang diễn ra ngày càng sâu sắc. Trong khi những người nông dân ở nông thôn, những người công nhân đang vật lộn với cuộc sống khổ cực thì lại có một tầng lớp mới (tuyệt đại bộ phận là những kẻ có chức,

có quyền nằm trong bộ máy Nhà nước, Đảng) giàu nứt đổ đổ vách, ăn tiêu xa xỉ cả đời không hết của. Trong khi hàng tiêu dùng bão hoà ở thành thị thì người nông dân ở nông thôn vẫn rách rưới, thiếu thốn và không thể nào mua nổi. Pháp luật chỉ nghiêm minh đối với những người thấp cổ bé họng và nghèo khổ nhưng lại né tránh những kẻ có quyền và có tiền.

\* Ba là, ***cảm nhận về sự bế tắc của tương lai***. Đối với người nông dân và công nhân, người ta không nhìn thấy một tương lai khả quan nào về việc làm cũng như cải thiện thu nhập của họ. Giới trí thức và những người có tâm huyết với đất nước cũng không nhìn thấy một tia sáng nào dưới đường hầm tăm tối của đường lối phát triển đất nước hiện nay. Việc không nhìn thấy lối thoát đã góp phần tạo ra sự thụ động xã hội và cuối cùng là sự dòn nén xã hội.

Trên đây là những khái quát và phân tích về tình hình đất nước. Song tất cả thực trạng này mới chỉ là tiền đề cho sự thay đổi có tính chất cách mạng của xã hội Việt Nam. Nếu dựa vào kinh nghiệm rút ra từ những nước thay đổi chế độ trong vòng 15 năm trở lại đây, chúng ta không nhìn thấy tương lai của sự thay đổi. Ở Việt Nam, sự thay đổi chế độ bắt nguồn từ sự thay đổi đường lối chính trị do những người lãnh đạo cao nhất khởi xướng bị loại trừ hoàn toàn. Mặt khác, sự sụp đổ về kinh tế dẫn tới động loạn xã hội và thay đổi về chính trị (như Anbani và Indonesia) rất khó xảy ra bởi khả năng can thiệp và tinh thần cảnh giác cao của Nhà nước trước những biến động kinh tế. Vậy thì phải chăng là sự gia tăng của ba yếu tố khó khăn kinh tế, dồn nén xã hội, sự phân hoá của tầng lớp lãnh đạo cùng với sự xuất hiện của lực lượng đối lập sẽ là câu trả lời về sự thay đổi của đất nước.

Đứng trước tình hình hiện nay, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì? Liệu Đảng Cộng sản có khả năng tự thay đổi mình và xoay chuyển được tình thế để vẫn giữ được vị trí lãnh đạo đất nước trong tương lai không? Câu trả lời là không và có.

- **Không:** Tất cả sự lựa chọn và thay đổi khó khăn nhất của Đảng CS tập trung vào hai điểm mấu chốt là Doanh nghiệp Nhà nước và chống tham nhũng. Nếu từ bỏ được quan điểm DNNN giữ vai trò chủ đạo, đồng nghĩa với việc phát triển kinh tế tư nhân, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế của đất nước và chống được tham nhũng, đồng nghĩa với việc làm trong sạch Đảng và lấy lại được uy tín trước nhân dân thì Đảng CS vẫn ung dung một mình lãnh đạo đất nước tiến vào thế kỷ XXI . Nhưng than ôi! điều đó nằm ngoài khả năng hiện thực. Bởi vì loại bỏ DNNN cũng chính là từ bỏ lợi ích



sống còn của tầng lớp lãnh đạo, lợi ích được bao phủ bởi vẻ đẹp huyền ảo (không ai hiểu được) của định hướng XHCN, của con đường đi lên CNXH hiện nay. Còn chống tham nhũng ư? Tham nhũng ở Việt Nam là phương thức tự tồn tại của tất cả những người có điều kiện tham nhũng do mức lương khốn khổ cộng với tình trạng mua quan, bán tước nở rộ hiện nay. Liệu ĐCS có thể chống được tham nhũng không?

- **Có:** Trước khi trả lời câu hỏi, cần phải có sự thống nhất về nhận thức. Nếu cho rằng tình hình đất nước hiện nay chỉ là những khó khăn tạm thời, không liên quan gì tới bản chất chế độ, thì không có gì phải bàn ở đây. Song nếu Đảng CS nhận thức được nguy cơ thực sự của tình hình đất nước, khả năng thay đổi chế độ xã hội trong tương lai gần là có thực và không tránh được, thì vấn đề là Đảng phải làm gì để tự

thay đổi và giữ được khả năng lãnh đạo (tất nhiên là không phải độc quyền lãnh đạo nữa) trong điều kiện ổn định của xã hội. Trong tình hình như vậy, Đảng CS phải có một quyết tâm và một sự hy sinh cực kỳ to lớn nhưng cần thiết. Đó là Đảng CS cần tự đặt mình vào thử thách sống còn trước khi bị xã hội làm điều đó. Và tôi tin rằng nếu Đảng CS thực sự vì dân, vì nước, thực sự muốn lấy lại lòng tin của nhân dân để tiếp tục lãnh đạo đất nước thì quyết định duy nhất đúng hiện nay là từ bỏ độc quyền lãnh đạo, đồng ý thực hiện đa nguyên tư tưởng, đa đảng đối lập. Tôi xin phân tích thêm ý nghĩa của quyết định này.

Nếu quyết định này (đồng ý thực hiện đa nguyên, đa đảng) chỉ là giải pháp để giữ vị trí lãnh đạo của Đảng CS Việt Nam trong giai đoạn nhất định, thì đối với lịch sử của đất nước, nó lại là một quyết định, một chiến công vĩ đại nhất từ trước tới nay. Nhìn

lại toàn bộ lịch sử nước ta, truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc, truyền thống chống ngoại xâm vô cùng oanh liệt nhưng nhân dân chưa bao giờ được tự do, đất nước chưa một ngày có dân chủ. Hiện nay đất nước đang ở thời điểm quyết định cho bước chuyển biến lớn nhất của lịch sử, và lịch sử đang trao trọng trách cho tất cả chúng ta. Chúng ta, trước hết là ĐCS, cần phải nắm bắt và khai thác được thời cơ có một không hai này để mở ra cho toàn xã hội một chân trời mới của sự phát triển. Tôi tin tưởng tuyệt đối và mãnh liệt rằng, dù có bất kỳ trở ngại nào, dù ý muốn chủ quan của bất kỳ cá nhân nào, lực lượng nào cản trở, dân tộc Việt Nam vẫn đi tới đích của lịch sử: *Tự do của cá nhân và Dân chủ cho toàn xã hội*.

Là một người dân Việt, với nhận thức về tình hình đất nước và xu thế không thể đảo ngược, tôi chỉ có một mong muốn duy nhất là làm sao góp phần giảm thiểu tối đa

những tổn thất mà nhân dân phải gánh chịu, nảy sinh từ bước chuyển biến đau đớn nhưng đầy vinh quang sắp tới. Lý do cũng rất đơn giản, một thay đổi lớn của lịch sử nếu không có sự chuẩn bị về tinh thần của nhân dân sẽ rơi vào hỗn loạn, dẫn tới hậu quả khôn lường cho xã hội. Chính vì vậy, cần có một lực lượng đối lập ngay trong lòng xã hội hiện nay để một mặt, thúc đẩy tất cả các yếu tố sẵn có đi tới chín muồi và mặt khác, cùng với thời gian và sự thay đổi, tạo ra nền tảng vững chắc cho một cơ cấu dân chủ trong tương lai (tránh tình trạng như nước Nga, khi thay đổi chế độ không có một chính đảng thực sự thay thế dẫn tới việc kéo dài thời gian xây dựng thiết chế dân chủ).

Trên tinh thần đó, Tôi đã làm đơn xin thành lập đảng Tự do - Dân chủ (có gửi kèm theo đây). Xin trình bày một số nét sơ lược về đảng Tự do - Dân chủ cũng như suy nghĩ

của bản thân về con đường phát triển đất nước.

Đảng Tự do - Dân chủ có mục đích tự thân là đấu tranh cho Tự do cá nhân và Dân chủ xã hội. Trong bất kỳ thời điểm nào, hoàn cảnh nào, nếu Đảng không còn đấu tranh cho Tự do và Dân chủ, thì Đảng sẽ không còn là đảng Tự do - Dân chủ. Mục tiêu cơ bản và lâu dài của đảng Tự do - Dân chủ là xây dựng một xã hội: Nhân dân tự do - giàu có, Quốc gia hùng mạnh, Xã hội dân chủ - công bằng - văn minh.

Để thực hiện được mục tiêu cao đẹp trên, cần xây dựng được tiền đề, nội dung và điều kiện cho sự phát triển đất nước. Đó là: Dân chủ hoá xã hội, Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và phát triển, Quốc tế hoá mọi hoạt động, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

***a/ Dân chủ hoá xã hội.*** Nói tới dân chủ hoá xã hội là phải tôn trọng những nguyên tắc chung của dân chủ, tức là phải thừa nhận những quyền cơ bản của con người, quyền công dân mà bất kỳ chế độ dân chủ nào cũng phải thừa nhận. Đó là quyền được sống và mưu cầu hạnh phúc, quyền được tự do ứng cử và bầu cử. Mặt khác, cần xây dựng hệ thống luật pháp làm nền tảng cơ bản cho chế độ chính trị dân chủ. Một luật pháp cần bảo đảm được những quyền con người và quyền công dân cơ bản, bảo đảm được sự phát triển và thay đổi bằng tiến hoá trong ổn định và quan trọng nhất là tạo ra khả năng lựa chọn cái tốt nhất cho đất nước. Điều cần lưu ý là xây dựng chế độ dân chủ phải là một quá trình liên tục, tự điều chỉnh, tự bổ sung và hoàn thiện. Cần huy động được sự cống hiến của mọi người, không loại trừ người nào trong quá trình thực hiện dân chủ.

***b/ Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và phát triển.*** Trong nền kinh tế thị trường thì quyền tư hữu tài sản là nền tảng phát triển, quyền sở hữu trí tuệ là động lực phát triển. Cần phải tuyệt đối bảo đảm và bảo vệ hai quyền này bằng luật pháp. Đồng thời tuân thủ nguyên tắc số một của kinh tế thị trường là: thị trường phân bổ có hiệu quả các nguồn lực. Nền kinh tế hiện đại gắn liền với xã hội thông tin, kinh tế tri thức và toàn cầu hóa. Với tiềm năng trí tuệ và khả năng sáng tạo của con người Việt Nam, chúng ta hy vọng một sự bùng nổ khi mỗi một cá nhân được tự do phát triển.

***c/ Quốc tế hoá các hoạt động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.*** Đây vừa là yêu cầu, vừa là điều kiện để phát triển của tất cả các quốc gia trên thế giới. Xét trên góc độ hội nhập, đó là việc tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại nhằm phát huy văn hoá dân

tộc lên tầm cao mới. Xét trên giác độ toàn cầu hóa, đó là thực hiện sự luân chuyển tự do của các yếu tố: nhân lực, thông tin, vốn, kỹ thuật. Trong điều kiện hiện nay, đẩy mạnh quốc tế hoá các hoạt động trên mọi lĩnh vực chính là điều kiện để thực hiện dân chủ hoá xã hội và xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại.

Bài viết này tập hợp tất cả trí tuệ và tâm huyết của bản thân tôi. Với tâm niệm rằng, cần phải có một đảng chân chính và trung thực ngay từ buổi đầu thành lập, bằng phương thức đấu tranh công khai và hoà bình cho Tự do và Dân chủ ở Việt Nam. Tôi biết rằng, có thể tôi sẽ phải hy sinh nhưng vẫn tin tưởng tuyệt đối là: Lịch sử sẽ sang trang, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ được hưởng Tự do và Dân chủ trong một tương lai không xa nữa. Và trên nền của Tự do và Dân chủ, nhân dân Việt Nam sẽ làm cho cả



thế giới phải kinh ngạc về dân tộc mình, đất nước mình không kém những gì họ đã làm trong lịch sử.

*Hà Nội, ngày 2 tháng 9 năm 2000*  
***Nguyễn Vũ Bình***

# **Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

## **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

### **ĐƠN XIN THÀNH LẬP**

### **ĐẢNG TỰ DO - DÂN CHỦ**

Kính gửi: Ông Trần Đức Lương,  
Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa  
Việt Nam

Đồng kính gửi: Ông Nông Đức Mạnh,  
Chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt  
Nam

Tên tôi là: Nguyễn Vũ Bình, phóng  
viên Tạp chí Cộng sản, thường trú tại số nhà

26, tổ 67b, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Qua một thời gian nghiên cứu, tìm hiểu về tình hình đất nước, tôi có nhận thức rằng Việt Nam hiện nay đang đứng trước một cuộc tổng khủng hoảng toàn diện về kinh tế, chính trị và xã hội. Theo nhận định của tôi, trong tương lai không xa nữa, sẽ có một sự thay đổi lớn của lịch sử đất nước và đó chính là sự thay đổi về chế độ xã hội. Việc có một lực lượng đối lập, mà đại diện là một chính đảng trong lòng xã hội hiện nay là yêu cầu bức thiết và tất yếu để giảm thiểu những tổn thất mà nhân dân phải gánh chịu trong quá trình thay đổi. Trên cơ sở nhận thức như vậy, tôi mạnh dạn làm đơn này, đề nghị và kính mong các Ông, vì tương lai đất nước, vì lợi ích của dân tộc, cho phép tôi thành lập đảng Tự Do - Dân Chủ.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội ngày 2 tháng 9 năm 2000*

Người làm đơn

***Nguyễn Vũ Bình***

## VỀ VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG

Trong thời gian gần một năm qua, những người Việt Nam yêu nước không phân biệt nguồn gốc chính trị, đều sửng sốt, đau lòng và phẫn nộ khi được biết hiệp định biên giới Việt - Trung được ký kết và phê chuẩn lén lút làm thiệt hại hàng trăm km<sup>2</sup> đất đai tổ tiên cha ông để lại. Đã có rất nhiều người lên tiếng, nhiều bài viết, bài nói và giải thích khác nhau xung quanh vấn đề này. Sau khi được tiếp cận với những bài viết và tài liệu cũng như những phản kháng, kiến nghị của rất nhiều người Việt Nam trong và ngoài nước, tôi có một số băn khoăn, thắc

mắc xung quanh vấn đề biên giới Việt - Trung. Qua thời gian nghiên cứu, tìm hiểu, tôi đã đi tới nhận thức về vấn đề này.

Trước hết, tại sao lại có sự khác biệt rất lớn giữa thông báo của Nhà nước về hiệp định biên giới trên bộ với những nguồn thông tin khác. Theo thông báo của Nhà nước Việt nam, trong số 227 km<sup>2</sup> đất đai tranh chấp suốt dọc biên giới, bằng các nguyên tắc phân chia được che chắn khá kỹ lưỡng, phía Trung Quốc được chia 114 km<sup>2</sup> và phía Việt Nam là 113 km<sup>2</sup>. Trong khi đó các nguồn tin khác lại khẳng định, diện tích đất đai phía Việt Nam bị mất là từ 720 km<sup>2</sup> - 900 km<sup>2</sup>.

Phải hiểu vấn đề này như thế nào? Liệu có phải một trong hai nguồn thông tin này không chính xác hoặc là sự bịa đặt hoàn toàn? Câu trả lời là cả hai nguồn tin này đều đúng!

Mỗi nguồn thông tin đều có cách đặt

vấn đề và cách giải thích theo cách đặt vấn đề đó. Đối với nguồn thông tin Việt nam bị mất từ  $720 \text{ km}^2$  -  $900 \text{ km}^2$  thì đối tượng so sánh là hiệp định biên giới Việt - Trung vừa ký kết, với hiệp định biên giới Pháp - Thanh. Theo đó diện tích đất đai bị mất có thể không chỉ bắt đầu từ hiệp định mới ký kết mà từ nhiều năm trước đó. Còn với thông báo chính thức của Nhà nước Việt Nam, diện tích đất đai bị tranh chấp chỉ là sự so sánh trên thực tế trong một giai đoạn nhất định, có thể là từ trước và sau cuộc chiến tranh biên giới Việt - Trung (1979 - 1986). Một ví dụ là địa danh ải Nam Quan, trên thực tế đã bị mất vào tay Trung Quốc từ khá lâu trước cuộc chiến tranh biên giới, nhưng chỉ đến bây giờ người ta mới được biết điều đó (đọc bài "*Hận Nam Quan ngày xưa, hận Nam Quan ngày nay*").

Một câu hỏi được đặt ra là việc mất đất đã diễn ra như thế nào? Tại sao vừa qua

Đảng cộng sản Việt Nam lại ký kết hiệp định đó? Và tại sao họ lại chỉ đặt vấn đề giải quyết tranh chấp đất đai trên thực tế và trong giai đoạn ngắn?

Quá trình đất đai, lãnh thổ bị Trung Quốc lấn chiếm có thể coi là hệ quả tổng hợp của sự mất cảnh giác, của cái giá phải trả đổi lấy sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc trong cuộc chiến tranh và sau cùng là của những kẻ dùng đất đai của tổ tiên cha ông để lại đổi lấy quyền lực của cá nhân và tập đoàn cầm quyền. Trong một số tài liệu đã nêu, vào những năm chiến tranh, để tránh tổn thất cho cơ quan đầu não, Đảng cộng sản đã đặt các An toàn khu sát dọc biên giới Việt - Trung và công bố đó là phần đất đai của Trung Quốc. Ngoài sự mất cảnh giác, chúng ta cũng hiểu được rằng sức ép từ phía Trung Quốc với những thủ đoạn rất tinh vi và khôn khéo đã đẩy Đảng cộng sản Việt Nam phải đánh đổi lấy sự ủng hộ và giúp đỡ



của Trung Quốc trong cuộc chiến tranh vừa qua.

Việc ký kết và phê chuẩn hiệp định biên giới Việt - Trung vừa qua mang đậm dấu ấn cá nhân của ông Lê Khả Phiêu, cựu Tổng bí thư đảng, người đứng đầu Bộ chính trị khi đó. Với cơ chế tập thể lãnh đạo, thực chất là vô trách nhiệm, người đứng đầu Bộ chính trị rất dễ dùng những thủ đoạn đơn giản để giải quyết những vấn đề quốc gia mà không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi trước mắt của những uỷ viên Bộ chính trị còn lại. Và ông ta đã đạt được mục tiêu, song cái đích cuối cùng mà ông ta nhắm tới lại không đạt được, đó là sự ủng hộ của người khổng lồ phương Bắc để duy trì chiếc ghế Tổng bí thư.

Lý do Ban lãnh đạo hiện nay giải quyết vấn đề tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải chỉ bó hẹp trong phạm vi nhất định về thời gian và không gian cũng không có gì khó

hiếu. Bình thường ra, ban lãnh đạo quốc gia phải nhân danh sự liên tục của quốc gia hay chí ít là sự liên tục của chế độ để giải quyết vấn đề biên giới, theo đó bảo đảm chủ quyền thiêng liêng của tổ quốc. Nếu những người đi trước có sai lầm phải tìm cách sửa chữa và tuyệt đối không để thiệt hại thêm một tấc đất vào tay ngoại bang. Song, đối với giới lãnh đạo hiện nay, một tâm lý và phong cách ứng xử phổ biến là chỉ quan tâm tới phạm vi, lĩnh vực và đơn vị mình quản lý để làm sao không xảy ra sự cố nào có thể ảnh hưởng tới chiếc ghế quyền lực hiện tại và khả năng thăng tiến trong tương lai. Ngoài ra, người ta không hề quan tâm tới những gì xảy ra trước khi tiếp nhận và sau khi thay đổi đối tượng quản lý. Hay nói cách khác, với sự tha hoá nhân cách và cảm nhận sự bế tắc của tương lai, thực chất giới lãnh đạo hiện nay không có trách nhiệm gì trước

vận mệnh dân tộc cũng như không hề đại diện quyền lợi của nhân dân.

Chính lối suy nghĩ như vậy về trách nhiệm mà ban lãnh đạo Đảng cộng sản đã ký kết hiệp định biên giới vừa qua. Nhưng có một điều mà họ không thể không nghĩ tới đó là trách nhiệm trước lịch sử, một trách nhiệm rất lớn, bởi vì họ phải gánh cả sai lầm của những người tiền nhiệm khi đặt bút ký và phê chuẩn hiệp định biên giới Việt - Trung.

Từ khi phát hiện ra việc ký kết và phê chuẩn hiệp định biên giới Việt Trung của ban lãnh đạo Đảng cộng sản, những người Việt Nam yêu nước đã có phản ứng quyết liệt bằng nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Chúng ta có thể tự hào về những việc đã làm và kết quả trước mắt, tạm thời ngăn chặn được Ban lãnh đạo Đảng cộng sản phê chuẩn hiệp định biên giới trên biển.

Qua sự kiện này, tôi cũng nhìn thấy

một mối lo rất lớn đang ngày một hiện diện rõ hơn. Phản ứng của người dân trước sự kiện trọng đại của dân tộc thật đáng thất vọng. Một phần không nhỏ nhân dân trong nước đã biết tới việc đất đai lãnh thổ bị cắt nhượng, nhưng chỉ có một số rất ít người đang tham gia phong trào dân chủ lên tiếng bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc. Sự thờ ơ đã phản ánh tinh thần yêu nước nói chung của nhân dân xuống tới mức đáng báo động. Sự kiện hàng ngàn hecta rừng tràm nguyên sinh ở U minh thượng và U minh hạ bị thiêu huỷ hoàn toàn không chỉ tố cáo khả năng quản lý yếu kém của giới lãnh đạo hiện nay mà còn cho thấy những tổn thất vô cùng lớn khi người dân không quan tâm tới lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Là người Việt Nam, chúng ta cần khẩn trương hành động để hun nóng tinh thần yêu nước, điều kiện không thể thiếu đối với tương lai của dân tộc trước khi quá muộn. Một trong những

việc cần làm là tiếp tục cuộc đấu tranh bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải thiêng liêng của tổ quốc.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2002*  
***Nguyễn Vũ Bình***

## **“TỔ QUỐC ĂN NĂN”-- CẨM NANG DÂN CHỦ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Tôi được đọc cuốn sách *Tổ quốc ăn năn* sớm, chỉ mấy ngày sau khi một lão thành cách mạng nhận được cuốn sách. Có thể nói, chưa có cuốn sách nào tôi đọc đi đọc lại nhiều lần như vậy. Tôi có ý định viết về cuốn sách đã lâu, song vẫn chần chừ vì sợ rằng mình không thể hiện được hết ý nghĩa của cuốn sách đối với bản thân và một phần, cũng phải có thời gian nghiền ngẫm có điểm nào bản khoăn để trao đổi cùng tác giả.

Trước khi đi vào nội dung và ý nghĩa của cuốn sách, cần làm rõ hai điều. Thứ

nhất, tôi chỉ viết lên những cảm nhận và những điều tâm đắc của mình chứ không phải là nhận xét và đánh giá về cuốn sách bởi vì tôi thực sự không đủ kiến thức và trình độ để làm việc đó; thứ hai, đây hoàn toàn là ý kiến cá nhân, dựa trên một hiểu biết và một điều kiện hoàn cảnh cụ thể của một con người cụ thể.

Việc liệt kê những ưu điểm của cuốn sách là thừa bởi bất cứ người đọc nào cũng đều nhận thấy khi được tiếp xúc với một khối lượng kiến thức khổng lồ, những triết lý thực tiễn sâu sắc, văn phong trong sáng, khúc chiết thể hiện trong toàn bộ tác phẩm. Bản thân tôi khi đọc cuốn sách đã thu lượm được rất nhiều bổ ích, vượt quá sự mong đợi bởi vì có nhiều điều rất mới mẻ mà tôi hoàn toàn chưa nghĩ tới, có những điều được khẳng định thêm và cũng có những điều cần điều chỉnh. Nhận thức của tôi được bổ sung và hoàn thiện trên một số vấn đề lớn như:

chiều sâu của sự phát triển, định hình về cấu trúc dân chủ trong tương lai, tự do là cứu cánh của phát triển, tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc.

Tâm lý và văn hoá của một dân tộc quyết định chiều sâu của sự phát triển - đây là một bất ngờ lớn, rất thú vị đối với cá nhân tôi. Trong nhận thức trước nay, cũng như rất nhiều người, tôi cho rằng nguyên nhân chính đã kìm hãm sự phát triển của đất nước là cơ chế kế hoạch hoá, quan liêu bao cấp và sự biến dạng của nó dựa trên sự độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản. Chính vì vậy mà mục tiêu của các lực lượng dân chủ chỉ đơn thuần là xoá bỏ cơ chế đó, xây dựng các thiết chế dân chủ. Điều này có thể là đúng nhưng hoàn toàn chưa đủ, tất cả những thay đổi trên phải dựa vào sự thay đổi về tâm lý và văn hoá dân tộc mới bảo đảm sự phát triển ổn vững trong tương lai. Định hướng lớn này giúp tôi hình dung được quy mô và



mức độ của những khó khăn và trở ngại cho cuộc vận động dân chủ đi tới thành công, song nó đã chỉ rõ con đường mà mình bắt buộc phải đi tới.

Cấu trúc dân chủ trong tương lai được phác hoạ tương đối rõ nét trong tác phẩm. Tác giả, với khả năng quan sát tinh tường dựa trên một kiến thức uyên bác, đã phân tích và so sánh chế độ cộng hoà tổng thống và cộng hoà nghị viện. Ông đã vượt qua được phản xạ tổng thống, được hình thành chủ yếu từ sự đồng nhất chế độ tổng thống với thành công của một quốc gia đặc thù là Hoa Kỳ, để khẳng định ưu thế vượt trội của chế độ đại nghị. Mặt khác, tác giả đã nêu bật tất cả phúc lợi mà một chế độ dân chủ tản quyền đem tới như sự phát triển đồng đều ở tất cả các khu vực, giảm thiểu những thủ tục hành chính của cơ chế tập trung, loại bỏ ảnh hưởng tiêu cực của giới quân nhân đối với sinh hoạt chính trị v.v. Tôi rất tâm đắc với

những phân tích của tác giả về cơ chế tản quyền trên nhiều điểm, ví dụ như bản khoán của tôi về ảnh hưởng tiêu cực của giới quân đội đối với các xã hội châu Á khi chuyển sang chế độ dân chủ đã được giải toả. Tóm lại, chế độ dân chủ đại nghị dựa trên cơ chế tản quyền sẽ phát huy tối đa tiềm năng cũng như đem lại tất cả phúc lợi cho người dân ở nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

Một vấn đề quan trọng trong nhận thức của tôi được củng cố là quan điểm *tự do là cứu cánh của phát triển*. Một cá nhân hay một dân tộc xét cho cùng sự hơn kém phụ thuộc vào khả năng sáng tạo, mà tiền đề của sáng tạo là tự do. Dân chủ là phương thức tổ chức xã hội bảo đảm cao nhất tự do của con người và trên nền tự do, mỗi một cá nhân phát huy tối đa khả năng sáng tạo của mình để thúc đẩy toàn xã hội tiến lên. Đây là điểm nhấn cần thiết trong tiến trình dân

chủ hoá đất nước, tránh tình trạng xã hội chỉ có dân chủ trong tuyên cử.

Tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc tôi đã từng được nghe nhưng chưa có sự chú ý cần thiết. Đúng là nếu không có những phân tích, đánh giá về con người Việt Nam, nguồn gốc những bi kịch của dân tộc trong "*Tổ quốc ăn năn*" có lẽ tôi đã bỏ qua luận điểm vô cùng quan trọng này. Tôi đồng ý với tác giả, hoà giải và hoà hợp dân tộc đang và sẽ là một triết lý mới của thế giới hiện nay. Nhưng theo thiển nghĩ của tôi, có lẽ hoà giải và hoà hợp dân tộc cũng là một nội dung mới của công cuộc đấu tranh cho nhân quyền, dân chủ. Sở dĩ tôi nghĩ như vậy vì nguồn gốc của những chia rẽ của dân tộc là do chúng ta đã không nhìn nhận cá nhân như một con người với đầy đủ quyền làm người trước khi nghĩ họ là người thiên chúa giáo, phật giáo, quốc gia, cộng sản.

Chính vì vậy mà khi thực hiện hoà giải cũng chính là lúc ta thừa nhận con người với đầy đủ quyền làm người của họ. Liên quan đến vấn đề này là thực tiễn nhưc nhối của nước ta hiện nay. Việc triệu tập cưỡng ép hơn 20 người, cắt điện thoại của 7 người, quản chế người này, người kia của giới cầm quyền hiện nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền làm người (giới hạn trong chính hiến pháp của chế độ này). Không những thế người ta còn cả một chiến dịch tố cáo và lên án những người đấu tranh cho tự do dân chủ trên báo chí. Tôi có theo dõi chiến dịch này và có người khuyên tôi viết bài tranh luận nhưng tôi từ chối. Lý do là việc tranh luận phải có diễn đàn, công khai và công bằng. Hai là, theo kinh nghiệm của tôi khi còn ở *Tạp chí Cộng sản*, bản thân những người viết bài chưa chắc đã được đọc những tài liệu mà họ tố cáo và lên án (tôi còn nhớ khi TCCS tổ chức viết bài đấu tranh với

tướng Trần Độ, khi đặt bài cộng tác viên, hỏi những tài liệu của ông Trần Độ thì Ban biên tập lại không đưa - thật khôi hài!).

Ba là, trong thời gian tôi bị triệu tập đầu tháng chín vừa qua, khi trao đổi với một công an, anh ta nói rằng khi nào có điều kiện rất muốn tranh luận với tôi về vấn đề tự do dân chủ. Nhưng chỉ lúc sau anh ta lại nói việc đấu tranh cho tự do, dân chủ là vi phạm kỷ cương phép nước, cho các anh tự do là các anh muốn đánh ai thì đánh, muốn đốt nhà ai thì đốt. Có lẽ những nhà lưỡi gươm cũng có quan điểm tương tự như anh công an kia, đồng nghĩa tự do, dân chủ với việc muốn đánh ai thì đánh, muốn đốt nhà ai thì đốt. Với những quan điểm như vậy thì không thể và không nên tranh luận. Tuy vậy, trong chiến dịch tuyên truyền vừa qua có một điểm mà tôi lưu ý, đó là ý kiến cho rằng con đường mà Đảng cộng sản lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn, đem lại nhiều điều tốt đẹp

cho nhân dân và không còn gì phải bàn luận. Tôi không nghĩ như vậy. Cách đây khoảng hai năm, tức là những ngày cuối thế kỷ, tôi có trao đổi vấn đề có nội dung tương tự với một số người, đại ý là: nước ta trong suốt thế kỷ chịu ảnh hưởng và sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng cộng sản hay nói cách khác, Đảng cộng sản là chủ thể chủ yếu lãnh đạo và quản lý đất nước.

Đến cuối thế kỷ, tổng kết lại những cái được và chưa được (mất) trên cơ sở loại bỏ yếu tố khách quan (khách quan bao giờ cũng có thuận và nghịch, không thể dùng nó để biện minh hoặc thay thế yếu tố chủ quan) thì kết quả rất rõ ràng và đau đớn: Được: Độc lập dân tộc. Mất: 1- hy sinh khoảng 4-5 triệu người, thương tật cũng khoảng con số đó; 2- Việt Nam là một trong vài chục nước nghèo nhất thế giới; 3- Nền tảng đạo đức bị phá hủy nghiêm trọng. Ý kiến này tôi chưa thấy bất kỳ ai phản đối, thậm chí có người

còn bổ sung về nội hàm của độc lập dân tộc ngày nay cũng khác trước, nhân mạnh tới độc lập về kinh tế, yếu tố này xem ra hiện nay khá mong manh. Xin hỏi các nhà tuyên huấn, với tổng kết về kết quả như vậy, vấn đề con đường có nên đặt lại và thảo luận hay không?

*Tổ quốc ăn năn* còn rất nhiều gợi mở đặc sắc cho các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá và giáo dục. Một ví dụ, tác giả đặt vấn đề, phân tích rất sâu sắc dựa vào việc khảo sát lịch sử Việt Nam, Cao Ly và đã khẳng định, Việt Nam chỉ có thể phát triển trên cơ sở sử dụng thành thạo và phát triển không ngừng tiếng Việt. Chúng ta tư duy bằng ngôn ngữ trước khi trình bày vì vậy việc phát triển và làm phong phú tiếng mẹ đẻ chính là phát triển tư duy, phát huy khả năng sáng tạo.

Sau khi nghiên cứu kỹ, tôi có một số điều băn khoăn muốn trao đổi cùng tác giả.

Trước hết, cuốn sách là một công trình khoa học lớn, công phu mà theo thiển nghĩ của tôi, tác giả đã dùng nhiều phương pháp tiếp cận, nghiên cứu mới. Hơn thế nữa, tôi được biết hiện nay đang có một sự thay đổi lớn về phương pháp luận trong khoa học. Người ta đang từ bỏ dần các phương pháp quy giản luận, tất định luận, những quy luật thống kê v.v. và đang thừa nhận từng bước các luận đề: tương lai là bất định, hỗn độn và vô trật tự chi phối hiện thực khách quan. Chính vì vậy sẽ là đầy đủ hơn nếu tác giả có một chương riêng khái quát về bức tranh đang thay đổi của phương pháp luận khoa học hiện nay. Điều này sẽ vô cùng bổ ích cho người đọc, nhất là lại được minh họa bằng những thực tiễn sống động mà tác giả đã quan sát và trải qua.

Trước đây tôi có được đọc một bài ngắn nghiên cứu về dân chủ. Ở đó người ta phân biệt các nước dân chủ trên thế giới



thành hai nhóm nước, đó là dân chủ tự do và dân chủ tuyên cử. Nhóm nước phát triển như Mỹ, Nhật, Đức, Anh, Pháp... thuộc về dân chủ tự do. Còn phần lớn các nước, cũng có đầy đủ các thiết chế dân chủ, nhưng nền kinh tế chưa phát triển thuộc về dân chủ tuyên cử. Do điều kiện hạn chế về tài liệu, tôi cũng chưa rõ cơ sở của sự phân chia này và tiêu chí để đánh giá, phân loại các nước. Nếu trong phần nói về dân chủ của cuốn sách có phân tích về vấn đề này sẽ càng tăng thêm sự sâu sắc vốn có của tác phẩm. Một ý nhỏ, trong phần khái niệm, nếu tác giả có thêm khái niệm *xã hội công dân* sẽ rất hay vì đây là một nội dung lớn của nền dân chủ nhưng độc giả trong nước còn rất xa lạ với khái niệm này.

Một vấn đề không liên quan tới nội dung mà là sự thể hiện. Trong phần "Đất nước và con người", tác giả đã phân tích và phê phán tâm lý và văn hoá của con người,

dân tộc rất mạnh dạn và dũng cảm. Tôi đồng ý với những phân tích của tác giả mặc dù có cảm giác như vừa nuốt một cái gì cực lớn và cực đắng mà dường như không nuốt nổi. Song, có cần dùng những lời lẽ quá gay gắt thế không khi mà bản thân nội dung cũng đã đủ nặng nề với độc giả?

Với tất cả nội dung của cuốn sách, *Tổ quốc ăn năn* đã thành công khi phác họa chân dung con người và dân tộc Việt Nam. Tác giả đã chỉ rõ chúng ta là ai, chúng ta từ đâu tới, tại sao chúng ta như ngày nay và chúng ta sẽ đi về đâu. Giới hạn bởi kiến thức lịch sử sẵn có, nhiều lúc tôi rất hoang mang về những vấn đề, những sự kiện lịch sử mà tác giả lật lại, song tôi vẫn tin vào tác giả như tin vào một người suốt đời suy tư và tranh đấu cho dân tộc, đất nước mình.

Thưa tác giả, ở Việt Nam đã có chim. Tôi đã nhìn thấy những đàn chim 5 đến 7 con, ở nông thôn nhiều hơn. Cân bằng sinh

thái đang trở lại, hy vọng sự cân bằng cũng sẽ trở lại trong tâm hồn người Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 31-12-2001*

***Nguyễn Vũ Bình***

# **BẢN ĐIỀU TRẦN VỀ TÌNH TRẠNG NHÂN QUYỀN TẠI VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2002*

Kính gửi: Ủy ban Nhân quyền – Quốc  
hội liên bang Hoa Kỳ!

Tôi rất xúc động khi nhận được lời  
mời tham dự cuộc điều trần trước Quốc hội  
liên bang Hoa Kỳ. Tôi xin thành thật cảm ơn  
bà Loretta Sanchez và Ủy ban Nhân quyền  
của Quốc hội đã cho tôi cơ hội quý báu này  
để phản ánh và bày tỏ quan điểm của mình  
về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam.

Về tình trạng quyền con người bị vi  
phạm, chúng tôi, những người đấu tranh cho

dân chủ và thân nhân của những người bị bắt giam, đã cùng ký vào một bản kiến nghị tập thể ngày 6 tháng 7 năm 2002 để nêu lên nhiều vụ đàn áp nhân quyền điển hình như sau:

1. Ngày 25 tháng 4 năm 2001, hai ngày sau khi ông Nông Đức Mạnh nhậm chức Tổng Bí Thư, công an Hải Phòng chặn bắt ông Vũ Cao Quận rồi tổng giam ông suốt 9 ngày chỉ để tra hỏi về các bài viết của ông và của các nhà trí thức khác.

2. Ngày 12 tháng 7 năm 2001, công an thành phố Hồ Chí Minh chặn bắt để cướp đoạt bản ghi chép những cảm nhận của Tướng Trần Độ về Đại Hội IX.

3. Ngày 5 tháng 9 năm 2001, chỉ vì lá đơn xin thành lập Hội Nhân Dân Ủng Hộ Nhà Nước Chống Tham Nhũng mà ông Phạm Quế Dương, ông Trần Khuê, ông Hoàng Minh Chính cùng gần 20 người khác đã bị bắt bớ hay bị sách nhiễu.

4. Suốt tháng 9 và tháng 10 năm 2001, nhà nước đã cho dựng lại cảnh đầu tổ khắp các khu dân cư đối với các ông Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Lê Chí Quang.

5. Cuối năm 2001, công an chặn đường bắt nhà thơ Bùi Minh Quốc, sau khi ông thực hiện một chuyến đi tìm hiểu về vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hiện nay ông đang bị quản chế 2 năm tại nhà. Cùng bị đẩy vào cảnh tù tại nhà hiện nay còn có nhà xã hội học Trần Khuê, tiến sĩ sinh vật học Hà Sĩ Phu.

6. Tháng 1 năm 2002 thứ trưởng Bộ Văn Hoá Thông Tin Phan Khắc Hải ký quyết định truy tầm và tiêu hủy một số sách của những người dân chủ. Quyết định này là một sự chà đạp trắng trợn quyền tự do tư tưởng và ngôn luận.

7. Trong mấy tháng qua, nhà cầm quyền đã bắt giam hàng loạt anh em trẻ với

những lý do không xác đáng, như Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn.

8. Cắt điện thoại cả gia đình của các ông: Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Hoàng Tiến, Trần Khuê, Trần Dũng Tiến, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Đan Quế, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Vũ Bình...

9. Sách nhiễu, giam cầm hàng loạt tín đồ và các chức sắc tôn giáo.

Từ những vụ đàn áp nêu trên và nhiều vụ xảy ra trong quá khứ, bản thân tôi có một số nhận định về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam như sau:

- Việc vi phạm quyền con người từ phía nhà cầm quyền Việt Nam đã diễn ra thường xuyên, liên tục và có hệ thống. Cùng với sự hội nhập và mở rộng thông tin, nhận thức chung của nhân dân Việt Nam đã được nâng cao. Điều này tất yếu dẫn tới việc

những tiếng nói đấu tranh cho tự do dân chủ, tự do tôn giáo, v.v.. được cất lên ngày càng nhiều và mạnh mẽ hơn. Song song với quá trình đó là sự đàn áp của nhà nước với tất cả những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Sự đàn áp này luôn luôn vi phạm những quyền cơ bản của con người mà trong chính hiến pháp, cũng như những hiến chương về quyền con người được nhà nước Việt Nam ký kết. Trong một vài năm trở lại đây, trước tình hình bùng phát của những tiếng nói dân chủ và khả năng kết hợp của họ, sự vi phạm những quyền cơ bản của con người ngày càng gia tăng cả về cường độ và tính chất trắng trợn. Xu hướng này không mất đi mà còn tiếp tục trong thời gian tới.

- Tình trạng vi phạm nhân quyền của nhà nước Việt nam trong thời gian dài rất bùng nổ, lúc được cải thiện, lúc rất nặng nề. Sự lên án và can thiệp của các chính phủ dân chủ và các tổ chức bảo vệ nhân quyền



mới chỉ đem lại những kết quả rất hạn chế. Và nhiều khi diễn ra tình trạng "bắt cóc bỏ đĩa". Có tình hình đó là do hai nguyên nhân: lực lượng dân chủ trong nước chưa đủ mạnh để có thể tự bảo vệ và sức ép quốc tế lên nhà nước Việt Nam còn rất tản mạn, thiếu tập trung và sự đồng loạt.

Qua quá trình tìm hiểu, theo dõi và nghiên cứu tình hình vi phạm nhân quyền và phong trào dân chủ, tôi có một số suy nghĩ về những giải pháp khả dĩ có thể hạn chế, ngăn chặn và tiến tới xoá bỏ tình trạng vi phạm nhân quyền.

Trước hết và trên hết, bản thân những người, nhóm người thường xuyên bị xâm phạm những quyền cơ bản cần có phương cách tự bảo vệ mình. Mục tiêu tối thượng của nhà nước Việt Nam là cô lập, chia rẽ và phân hoá những chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ để bằng mọi giá ngăn chặn sự kết hợp có thể xảy ra. Họ thực hiện điều này bằng

chiến thuật đánh tĩa, bằng tất cả các thủ thuật và thủ đoạn đối với từng đối tượng mà họ đã nghiên cứu kỹ lưỡng. Vậy thì để đối phó với tình hình đó, còn có gì khác hơn là sự co cụm và nương tựa lẫn nhau giữa những người cùng chí hướng đấu tranh cho dân chủ? Sự kết hợp này cần phải tính đến bối cảnh trong nước và quốc tế cũng như tình hình thực tế của phong trào dân chủ hiện nay. Và theo tôi, nó phải được công khai dựa trên những mục tiêu mà phần lớn nhân dân có thể ủng hộ.

Sự kết hợp của những con người can đảm thực hiện quyền con người ở Việt Nam không chỉ tạo ra sức mạnh tự bảo vệ, mà còn thay đổi đối tượng để các chính phủ dân chủ và các tổ chức bảo vệ nhân quyền thực hiện sự bảo vệ hiệu quả hơn rất nhiều. Không những thế, họ còn nhìn thấy tương lai của sự thay đổi thông qua sự kết hợp này và điều đó sẽ thúc đẩy họ quyết tâm hơn

trong việc gia tăng sức ép và sự can thiệp của mình.

Về phía những Chính phủ dân chủ và các tổ chức bảo vệ nhân quyền thì điều quan trọng nhất là tìm ra được "gót chân Asin của cộng sản Việt Nam", và cách thức gây sức ép hiệu quả nhất để bảo vệ nhân quyền. Đây quả thực không phải là điều dễ dàng bởi vì tình hình Việt Nam đầy rẫy những mâu thuẫn và làm bối rối rất nhiều nhà phân tích. Nhưng theo lô-gic thông thường thì đối với một đất nước đang trong quá trình Công nghiệp hóa, Hiện đại hoá và hơn nữa, với một số lượng khổng lồ đội ngũ nhân viên ăn lương ngân sách thuộc các hệ thống Đảng, Nhà nước, Chính phủ và đoàn thể từ trung ương đến địa phương thì cái mà họ cần chắc không ngoài đô-la. Điều quan trọng nhất là việc sử dụng tiền sai mục đích đã che giấu được tử huyệt của chế độ này.

Tuy nhiên, với khả năng xoay sở và sự lì lợm, nhà nước cộng sản này chỉ nhân nhượng và chịu thỏa hiệp khi sức ép quốc tế lên nó bảo đảm được yêu cầu đồng loạt với một quyết tâm cao. Tôi được biết là Hạ Viện Mỹ đã thông qua Dự Luật Nhân Quyền cho Việt Nam, với một tỷ lệ rất cao là 410/1. Những người đấu tranh cho dân chủ Việt Nam vô cùng phấn khởi trước sự kiện này và bày tỏ sự cảm kích đối với những dân biểu Hoa Kỳ đã hỗ trợ để dự luật này được thông qua. Trong thời gian qua, đảng Cộng sản Việt Nam đã kịch liệt phản đối và tìm cách vận động, áp lực để Hoa Kỳ hủy bỏ Dự Luật Nhân Quyền cho Việt Nam. Tôi cho rằng đây là lúc mà Hoa Kỳ phải bày tỏ quyết tâm hỗ trợ nhân dân Việt Nam bằng cách chính thức thông qua Dự Luật này, vì tôi tin rằng nó sẽ giúp cải thiện tình trạng nhân quyền tại Việt Nam.

Kính thưa quý vị,

Bối cảnh Việt Nam hiện nay tương đối thuận lợi để thực hiện những kế hoạch mang tính đột phá trong công cuộc bảo vệ nhân quyền và vận động dân chủ. Uy tín của Đảng cộng sản Việt Nam đã giảm sút tới mức thảm hại sau vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn (còn gọi là vụ án Năm Cam); kế hoạch cắt giảm thuế vào AFTA chuẩn bị bắt đầu... Và cuối cùng, tôi luôn luôn quan niệm, chỉ có thể ngăn chặn và xoá bỏ tận gốc tình trạng vi phạm nhân quyền tại Việt Nam khi thực hiện được điều đó trên phạm vi quốc gia, tức là thành công trong công cuộc dân chủ hoá đất nước. Vì vậy, tất cả những giải pháp đấu tranh bảo vệ nhân quyền cần hướng tới mục tiêu cao nhất mà nhân dân Việt Nam hằng mong ước: tự do cá nhân và dân chủ cho toàn xã hội.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý vị!

***Nguyễn Vũ Bình***

Nhà 26, tổ 67b, phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

## **BẢN KIẾN NGHỊ TẬP THỂ**

Kính gửi:

Quý vị lãnh đạo các Chính phủ Dân chủ tài trợ cho Việt nam

Quý vị lãnh đạo các định chế tài chính quốc tế WB, IMF, ADB

Quý vị Đại sứ và đại diện các định chế tài chính quốc tế tại Việt Nam

Chúng tôi, những người Việt nam ở trong và ngoài nước ký tên và có tên dưới đây xin trân trọng kiến nghị với quý vị một việc sau đây.

Trong thời gian từ khi Việt Nam mở cửa nền kinh tế đến nay, đất nước và nhân dân Việt Nam đã có được nhiều sự giúp đỡ của các Chính phủ Dân chủ, các định chế tài chính quốc tế mà quý vị hân hạnh đại diện.

Trong đó phải kể đến các khoản vay, viện trợ vô cùng quý giá mà nhờ đó nền kinh tế Việt nam đã phát triển và hội nhập khá thành công. Tuy nhiên, cũng trong thời gian qua, chúng tôi nhận thấy rằng, việc sử dụng các khoản vay, viện trợ có nhiều dấu hiệu cho thấy có sự thất thoát, lãng phí lớn và sai mục đích. Để sử dụng các khoản vay, viện trợ đúng mục đích, giảm thiểu và triệt tiêu sự thất thoát, lãng phí, chúng tôi trân trọng đề nghị quý vị tìm hiểu, xem xét và thành lập một cơ quan Giám sát độc lập tại Việt Nam của chính quý vị với sự cộng tác hỗ trợ của người dân Việt Nam. Chúng tôi nghĩ rằng, việc thành lập Cơ quan Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt nam có ý nghĩa vô cùng to lớn:

- Đối với các Chính phủ Dân chủ và các định chế tài chính quốc tế. *Thứ nhất*, bảo đảm đúng mục đích, ý nghĩa của việc tài



trợ là giúp đỡ nhân dân Việt nam, đất nước Việt Nam nói chung chứ không phải dành cho một tập đoàn lợi ích nào, một đảng phái nào nhân danh đất nước để sử dụng các khoản tài trợ này. *Thứ hai*, bảo toàn được các nguồn tài chính mà các vị đã cho vay, viện trợ. Chúng tôi biết rằng, để có được nguồn tài chính này, nhân dân và chính phủ của các quý vị và trên thế giới đã phải đổ nhiều mồ hôi và công sức. Vì vậy, việc bảo toàn các nguồn vốn cho vay là yêu cầu tiên quyết đối với các quý vị.

- Đối với Nhà nước Việt nam. *Thứ nhất*, việc thành lập cơ quan Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt nam là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng và quyết tâm của Nhà nước Việt nam trong công cuộc chống tham nhũng hiện nay. *Thứ hai*, cơ quan giám sát độc lập này sẽ giúp đỡ một phần rất lớn

trong công cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay mà Nhà nước Việt Nam đang phát động. *Thứ ba*, Nhà nước Việt Nam đồng ý và tạo điều kiện để thành lập cơ quan này là một việc làm quan trọng, có ý nghĩa chứng tỏ quyết tâm chống tham nhũng và tạo được lòng tin giúp cho việc vay vốn, xin tài trợ ngày càng thuận lợi.

- Đối với Nhân dân Việt nam. *Thứ nhất*, Nhân dân Việt Nam sẽ cảm thấy thực sự được hưởng sự giúp đỡ, hỗ trợ vô cùng quý báu của các Chính phủ Dân chủ và các định chế tài chính quốc tế. *Thứ hai*, khi các nguồn viện trợ được sử dụng đúng mục đích và được bảo toàn, nhân dân Việt Nam sẽ rất tin tưởng và đồng lòng trong việc đóng thuế để trả cho các khoản vay, viện trợ. *Thứ ba*, nhân dân Việt Nam ngày càng thêm tin tưởng vào quyết tâm chống tham nhũng của nhà nước Việt Nam.

Để hỗ trợ và giúp đỡ quý vị trong việc thành lập cũng như hoạt động sau này của Cơ quan Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt nam (viết tắt là GCV), chúng tôi sẽ đồng lòng xin phép nhà nước Việt Nam thành lập Hội những người bảo vệ các nguồn viện trợ nước ngoài tại Việt nam. Để thực hiện đúng chức năng của Hội và tránh sự hiểu lầm (có thể có từ phía nhà nước Việt Nam) chúng tôi cũng mong sự hỗ trợ và tham gia của quý vị vào việc thành lập và hoạt động của Hội.

Chúng tôi cho là với tính chất quan trọng và ý nghĩa vô cùng to lớn đối với tất cả các thành phần tham gia là các Chính phủ Dân chủ và các định chế tài chính quốc tế, Nhà nước Việt nam, Nhân dân Việt nam thì không có một lý do nào có thể cản trở việc thành lập và hoạt động của cơ quan Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện

trợ nước ngoài tại Việt nam. Vì vậy, để thể hiện quyết tâm chung, chúng tôi trân trọng thông báo với quý vị rằng: sau khi quý vị nhận được bản kiến nghị này, đến ngày 02/9/2007 trường hợp quý vị không thành lập được cơ quan giám sát độc lập nêu trên, hoặc không có ý kiến chính thức về kiến nghị của chúng tôi, Nhân dân Việt Nam sẽ không công nhận bất kỳ một khoản vay, viện trợ nào kể từ thời điểm 02/9/2007 trở đi. Đồng thời, chúng tôi sẽ xem xét, kiểm tra lại các khoản vay, viện trợ trước đây trong nỗ lực thanh toán và trả nợ của Nhà nước Việt nam.

Tất cả những điều quý vị cần liên lạc và trao đổi, xin liên hệ với những người ký tên và có địa chỉ dưới đây.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, ngày 16/7/2007*

Những người ký tên và có tên tham gia kiến nghị:

1/ Hoàng Minh Chính (đã ký)

ĐC: 26 phố Lý Thường Kiệt, Hà Nội  
Việt Nam

Mobil: 0916 131 443

Email: [lehongngoc@gmail.com](mailto:lehongngoc@gmail.com)

2/ Nguyễn Vũ Bình (đã ký)

ĐC: Số nhà 26/30/349 phố Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội

3/

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐƠN XIN THÀNH LẬP HỘI

Kính gửi:

- Các vị lãnh đạo Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam

- Các cơ quan chức năng thực hiện việc cấp phép thành lập và hoạt động của Hội

Chúng tôi, những người ký tên sau đây trân trọng xin phép quý vị lãnh đạo Nhà nước, Quốc Hội, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và các cơ quan chức năng đề được thành lập và hoạt động ***Hội những người bảo vệ các nguồn viện trợ nước ngoài tại Việt Nam***. Lý do xin thành lập Hội là để Nhân dân Việt Nam hỗ trợ và giúp đỡ

các Chính phủ Dân Chủ và các định chế tài chính quốc tế tham gia viện trợ cho Việt nam trong việc thành lập cũng như hoạt động của cơ quan Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt Nam. Chúng tôi đã có Bản kiến nghị tập thể với các Chính phủ và các định chế tài chính quốc tế về việc thành lập cơ quan Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt nam. (chúng tôi xin gửi kèm một bản tới quý vị). Chúng tôi tin là cơ quan Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt Nam sẽ được thành lập trong thời gian ngắn tới đây.

Để thực hiện đúng chức năng hoạt động của Hội và tránh sự hiểu lầm có thể tới từ phía quý vị, chúng tôi cũng đã đề nghị sự tham gia có tính chất đại diện của các Chính phủ Dân chủ và các định chế tài chính quốc tế.

Vậy chúng tôi làm đơn này đề nghị quý vị xem xét và cấp phép cho Hội những người bảo vệ các nguồn viện trợ nước ngoài tại Việt nam thành lập và hoạt động.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 16/7/2007

Những người làm đơn

1/ Hoàng Minh Chính (đã ký)

ĐC: 26 phố Lý Thường Kiệt, Hà Nội,  
Việt Nam

Mobil: 0916 131 443

Email: [lehongngoc@gmail.com](mailto:lehongngoc@gmail.com)

2/ Nguyễn Vũ Bình (đã ký)

ĐC: Số nhà 26/30/349 phố Minh  
Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội



# THƯ NGỎ KÍNH GỬI ĐỒNG BÀO HẢI NGOẠI

Kính thưa đồng bào, thưa các anh, các chị và các bạn đang tham gia tranh đấu cho tự do dân chủ tại Việt Nam!

**1-** Tôi xin hỏi các anh, các chị và các bạn một câu, tại sao trong vụ án PMU18, một vụ án được dư luận đánh giá là vụ án tham nhũng lớn nhất tại VN, Bùi Tiến Dũng lại không bị khởi tố tội danh tham nhũng, mà chỉ bị khởi tố với tội danh đánh bạc và hối lộ? Tại sao đoàn thanh tra của ngân hàng thế giới lại có kết luận không có sự tham

những trong các dự án của PMU18? Tại sao Đảng và Nhà nước VN đang tuyên truyền và phát động cuộc đấu tranh chống tham nhũng mà họ lại coi thường dư luận đến mức độ bỏ qua tội danh tham nhũng cho Bùi Tiến Dũng trong khi họ biết chắc chắn là dư luận rất quan tâm đến vụ án này và việc bỏ qua tội danh tham nhũng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến danh dự và uy tín của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay. Một lý do quan trọng nhất, duy nhất đó là người ta có thể bất chấp tất cả để không ảnh hưởng tới các nguồn viện trợ, tài trợ cho Việt Nam.

**2- Điểm mạnh nhất của Đảng cộng sản và Nhà nước VN từ trước đến nay là gì? Điểm yếu nhất của Đảng cộng sản và Nhà nước VN hiện nay là gì? Điểm mạnh nhất của họ là họ có một hệ thống tổ chức từ chính thống (như các tổ chức của Đảng, Nhà**

nước, đoàn thể) đến không chính thức như các hội, câu lạc bộ để họ tuyên truyền đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng quan trọng hơn là họ kiểm soát tất cả mọi người từ những em bé đi học mẫu giáo, cho đến những người sắp lìa xa cõi đời (hội người cao tuổi VN) khi có bất cứ người nào có dấu hiệu chống đối hoặc không đồng ý với chủ trương của họ thì họ sẽ có biện pháp ngay lập tức - đó chính là điểm mạnh nhất của họ. Trước đây những tổ chức này (hội, đoàn thể, câu lạc bộ) được tồn tại một cách chính thức và việc phải chi, tài trợ cho những tổ chức này cũng đơn giản. Nhưng hiện nay phát triển kinh tế thị trường và lòng tin vào Đảng và Nhà nước giảm sút một cách nghiêm trọng thì để tiếp tục kiểm soát được tình hình Đảng và Nhà nước VN phải làm gì? Đó là họ phải bỏ ra một khoản tiền khổng lồ để duy trì và kiểm soát hệ thống này, từ việc tăng lương

gấp rưỡi, gấp đôi mức bình thường cho lực lượng vũ trang (bộ đội, công an) đến việc phải chi cho các yêu cầu chính trị khác như tiền huân chương, tiền 20, 30 năm tuổi đảng, v.v. Trong một bài phân tích trước đây tôi có viết rằng ở một xã nông thôn hiện nay số người được hưởng trợ cấp từ 10 kg thóc trở lên đến những người ăn lương cao nhất là chủ tịch xã là 200 đến 300 người. Với một lực lượng khổng lồ hưởng trợ cấp và ăn lương như hiện nay, cộng với tình trạng đầu tư dàn trải không kiểm soát được, tình trạng tham nhũng tồi tệ hiện nay thì điểm yếu nhất của Đảng và Nhà nước VN hiện nay là rất khó khăn về tài chính để duy trì một hệ thống như hiện nay. Vậy thì ngoài tiền thuế của dân, ngoài các nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản đó chính là các nguồn viện trợ, tài trợ của nước ngoài cho VN.

**3-** Sau khi tôi gửi bản kiến nghị tới các anh, các chị và các bạn, tôi có nhận được những phản hồi ban đầu phải nói thẳng là rất buồn, thất vọng. Tôi có một cảm giác rất mơ hồ rất giống như khi tôi tuyệt thực sau phiên toà phúc thẩm. Tức là những dự tính ấp ủ của tôi có lẽ cũng sẽ đổ xuống sông xuống biển như khi tôi tuyệt thực ngày đó. Ngày đó tôi tuyệt thực là để mọi người đấu tranh cho tôi được tự do chứ tôi không hề có suy nghĩ để thể hiện khí phách hay làm tăng uy tín của cá nhân mình. Suy nghĩ của tôi là như thế này: trong cả hai phiên toà tôi đều nói rõ tôi không vi phạm pháp luật vì tội danh của tôi khi đó là cung cấp, thu thập nhằm cung cấp tin tức tài liệu khác để nước ngoài sử dụng chống Nhà nước CHXHCNVN. Tôi có hỏi toà là định nghĩa về tin tức tài liệu khác, danh mục tin tức, tài liệu khác đâu họ không trả lời được thì tôi kết luận tội danh này không đủ quy phạm

pháp luật. Đồng thời tôi hỏi họ là nước ngoài chống nhà nước VN là nước nào, tại sao họ lại chống nhà nước VN. VN không đi xâm lược, không chiếm đóng, v.v.. tại sao lại có nước nào đó chống lại nhà nước VN. Họ không trả lời được, tôi kết luận là tội danh này không có trong thực tế. Như vậy một tội danh không đủ quy phạm pháp luật, không có trong thực tế thì nó không phải là một tội danh và tôi hoàn toàn không vi phạm pháp luật. Và như vậy tôi chưa hề nói đến việc làm của tôi, còn họ hỏi thì tôi nói thôi. Cộng với bản bào chữa của hai ông luật sư thì vấn đề pháp lý được giải quyết. Còn lại là vấn đề đấu tranh của mọi người ở ngoài. Tôi tuyệt thực, một số người ở trong nước (không cần nhiều, chỉ cần 5, 10 người là được) cũng tuyên bố tuyệt thực theo và ở hải ngoại cũng có một số người tuyệt thực, nhưng địa điểm phải là Dinh Tổng thống, Thủ tướng của các nước, giới truyền thông

khi đó quan tâm đến phiên toà của tôi sẽ theo sát những người tuyệt thực này và nếu trong số những người tuyệt thực này có người nào yếu quá phải vào bệnh viện họ sẽ thông tin tới các vị lãnh đạo đất nước đó. Như vậy dù không biết NVBình là ai, đang tuyệt thực như thế nào, nhưng các vị lãnh đạo đó cũng phải quan tâm vì công dân của họ tuyệt thực nhiều ngày phải vào bệnh viện, và lúc đó họ có đủ lý do can thiệp cho tôi. Nói là tuyệt thực nhưng ở bên ngoài không cần phải tuyệt thực hoàn toàn. Đó là suy nghĩ của tôi khi tuyệt thực, tất nhiên tôi cũng nghĩ là rất khó khăn cho việc trả tự do cho tôi nhưng ít nhất đó cũng là một cơ hội cần tận dụng triệt để.

**4-** Một số người có hỏi tôi là tôi cần họ làm gì với bản kiến nghị này. Chỉ đơn giản thế này thôi: đây là một việc làm chính đáng không hề vi phạm pháp luật VN. Vấn

đề của chúng ta là để sử dụng đúng mục đích và không bị thất thoát lãng phí nguồn tài trợ của đất nước. Như vậy chúng ta phải vận động được nhiều người tham gia ký tên (ở hải ngoại) và có tên (ở trong nước) sau đó chúng ta sẽ chuyển kiến nghị này tới các địa chỉ trong kiến nghị, vận động để họ thành lập bằng được cơ quan giám sát và chống thất thoát đó, đồng thời tác động để người dân trong nước có được "Hội những người bảo vệ các nguồn viện trợ nước ngoài tại VN". Tôi xin lưu ý quý vị là những việc làm này vô cùng chính đáng, có lợi ích cho tất cả các bên tham gia và hoàn toàn không vi phạm pháp luật. Một cơ hội vô cùng quý giá, ít nhất là cho việc bảo vệ các nguồn viện trợ. Và như vậy tôi mong muốn tất cả các anh các chị ở tất cả các tổ chức họp nhau lại bàn bạc, thảo luận và có bước đi thích hợp, và các tổ chức có người ở trong nước vận động để tất cả họ tham gia đăng ký vào.



**5-** Theo suy đoán của tôi thì đây là thời điểm mà An ninh VN sẽ sử dụng tất cả những người dân chủ hai mang, do họ cài vào hoặc do họ không chế được để phá việc này. Như vậy nếu chúng ta không đồng lòng, không có quyết tâm cao thì chúng ta sẽ không thể thực hiện được mục đích của mình là việc vận động thành lập cơ quan giám sát và chống thất thoát đó, cũng như Hội những người bảo vệ các nguồn viện trợ đó. Đồng thời họ sẽ tung hết khả năng trong việc vận động quốc tế để đối phó với việc này. Vì vậy một điều kiện tiên quyết của chúng ta là phải đồng lòng, đoàn kết và sử dụng tất cả các khả năng của mình, mọi quan hệ của mình trong cuộc đấu trí vô cùng sôi động và hấp dẫn này. Tôi xin có mấy lời tâm huyết với đồng bào hải ngoại và các anh, các chị như vậy. Lần cuối cùng tôi vẫn phải nhắc đi nhắc lại rằng đây không phải là

việc làm vi phạm pháp luật mà là một việc làm vô cùng chính đáng, một cơ hội rất, rất lớn của chúng ta. Tất cả mọi người đều có thể tham gia.

Tôi cũng xin quý vị thứ lỗi vì bản kiến nghị trước, để bảo đảm tính bí mật, bất ngờ tôi đã không dùng máy tính để soạn thảo.

Tôi xin gửi lời chào, lời chúc mừng đến quý đồng bào, các anh chị và các bạn cùng với những người trong nước thực hiện thành công công việc vô cùng quan trọng và có ý nghĩa này.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2007*  
**Nguyễn Vũ Bình**

## **NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CỦA CAO TRÀO DÂN CHỦ 2006**

Giai đoạn 2005-2006, phong trào dân chủ Việt Nam đã có một sự phát triển đột biến. Sự đột biến này đã vượt ra khỏi dự đoán của rất nhiều người. Chúng ta có thể gọi giai đoạn này, và đặc biệt năm 2006, là Cao trào Dân chủ bởi những lý do sau:

- Thứ nhất, sự bùng nổ về số lượng người tham gia vào phong trào dân chủ. Có thể nói đây là yếu tố quan trọng hàng đầu, làm cơ sở cho hoạt động dân chủ đạt tới mức cao trào. Số người tham gia ở đủ mọi thành phần xã hội, đủ mọi lứa tuổi.

- Thứ hai, sự xuất hiện công khai của nhiều tổ chức chính trị, xã hội. Một loạt các Đảng phái, Hội, Ủy ban, Khối đã ra đời không cần xin phép mà chỉ tuyên bố thành lập, tuyên bố cương lĩnh, điều lệ v.v..và tự đi vào hoạt động.

- Sự thống nhất trong các tuyên ngôn, tuyên bố cũng như sự tham gia, ủng hộ và hưởng ứng cũng đạt tới mức cao trào. Điển hình là “Lời kêu gọi cho quyền thành lập Đảng phái tại Việt Nam”, “Tuyên ngôn Tự do Dân chủ 2006”. Số lượng người tham gia là 116 và 118 ở hai văn bản này đã chiếm từ 75-85% số người hoạt động dân chủ có tên tuổi ở trong nước. Đồng thời với 2.300 chữ ký của những người ủng hộ Tuyên ngôn 2006 cũng chính là bằng chứng cho thấy sự ủng hộ ở mức lý tưởng của người dân đối với phong trào dân chủ.

- Thứ tư, sự xuất hiện và đi vào hoạt động của một số tờ báo tự do mà không xin

phép. Đó là những tờ *Tự Do Ngôn Luận, Tự Do Dân Chủ, Tổ Quốc...*

- Cuối cùng, một số lượng khá đông các tù nhân Lương tâm được phóng thích đã tham gia tích cực vào hoạt động dân chủ trong hai năm 2005-2006. Đồng thời một không gian hoạt động tương đối rộng rãi trong điều kiện ĐCS và Nhà nước VN chủ động nói lỏng nhằm mục đích đưa VN gia nhập WTO và tổ chức hội nghị thượng đỉnh APEC tại Hà Nội. Yếu tố này có thể gọi là một thời cơ lớn của phong trào dân chủ.

Cao trào Dân chủ 2006 đã không chuyển hoá đến thành công có tính bước ngoặt cho phong trào dân chủ. Đây là điều đáng tiếc, một cơ hội bị bỏ lỡ. Ngược lại những sự việc sau đã nói lên sự thất bại của Cao trào Dân chủ 2006.

*Một*, một loạt các nhà hoạt động dân chủ hàng đầu, quyết liệt nhất đã bị bắt, cầm tù và một số ít phải bỏ chạy.

*Hai*, tất cả các tổ chức được thành lập trong giai đoạn này đều không còn được hoạt động công khai, bình thường. Phần lớn chỉ còn lại cái tên và những tuyên bố, hoạt động lẻ tẻ của những người đứng đầu.

*Ba*, tuyệt đại bộ phận các tờ báo ra đời giai đoạn này chỉ còn hoạt động trên mạng Internet. Số tờ báo và lượng phát hành bên ngoài Internet là không đáng kể.

*Bốn*, hoạt động của phong trào dân chủ đã lắng xuống sau đợt đàn áp dữ dội của nhà cầm quyền VN.

Để tìm ra nguyên nhân thất bại của Cao trào Dân chủ 2006 cũng như giải pháp cho phong trào dân chủ VN, chúng ta cần tìm hiểu một số vấn đề lớn về tình hình đất nước, con đường đi của phong trào dân chủ VN cũng như các khả năng lựa chọn có thể của phong trào.

**Một số vấn đề về tình hình đất nước:** Có thể nói đặc điểm quan trọng nhất của tình hình VN giai đoạn 2005-2006 là quyết tâm hội nhập của ĐCS và Nhà nước VN vào nền kinh tế thế giới. Đây cũng chính là điều kiện, thời cơ để phong trào phát triển thành cao trào. Năm 2002, có người nhận định mâu thuẫn lớn nhất, cơ bản nhất của VN là mâu thuẫn giữa mục tiêu duy trì chế độ độc tài với yêu cầu phát triển đất nước. Khi đó xu hướng hội nhập còn xuất hiện lẻ tẻ và có sự bế tắc của nền kinh tế, xã hội khi chưa hội nhập. Vậy thì đến thời điểm 2005-2006 mâu thuẫn cơ bản này đã và đang được hoá giải. Đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn cơ bản đã chuyển hoá và theo quan điểm cá nhân, tôi cho rằng *mâu thuẫn cơ bản của VN hiện nay là mâu thuẫn giữa mục tiêu duy trì nền chính trị độc quyền với yêu cầu, xu thế tất yếu đa nguyên chính trị dựa trên sự phát triển đa*

## ***nguyên và hội nhập của các lĩnh vực Kinh tế, Văn hoá, Xã hội.***

Trong mâu thuẫn cơ bản này chứa đựng hai yếu tố quan trọng để phong trào dân chủ có thể tận dụng, khai thác. Đó là những sai lầm về chính sách đối với quá trình phát triển và hội nhập của các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội có thể đẩy tới xu thế đa nguyên về chính trị. Yếu tố này không tạo ra nhiều cơ hội vì sự hạn hẹp trong từng lĩnh vực cũng như khả năng tự điều chỉnh của ĐCS và Nhà nước VN là khá cao. Yếu tố thứ hai rất quan trọng và sẽ là trọng tâm để chúng ta khai thác. Đó là sự tha hoá của đội ngũ cán bộ, đội ngũ lãnh đạo ở tất cả các lĩnh vực mà ĐCS và Nhà nước VN không thể ngăn chặn và kiểm soát được điển hình là quốc nạn tham nhũng hiện nay.

**Về con đường của phong trào dân chủ VN:** Có hai con đường đi của phong



trào dân chủ nói chung và mỗi một con đường lại chia làm hai cách thức, kịch bản khác nhau.

*Con đường thứ nhất*, đó là bạo loạn, lật đổ. Có hai cách thức của bạo loạn lật đổ, là sử dụng vũ lực, vũ trang và bạo lực, thậm chí lập chiến khu để chiến đấu và chiến thắng. Cách thức này bị loại trừ hoàn toàn ở VN, nêu ra chỉ để liệt kê cho đủ các kịch bản của sự thay đổi. Cách thứ hai của bạo loạn lật đổ đó là những biến động lớn của xã hội do sự quản lý yếu kém của chính quyền trong một thời gian dài và chính quyền không còn khả năng kiểm soát dân chúng. Đó là sự vùng của người dân đòi thay đổi chế độ xã hội (như Indonexia và Anbani trước đây). Kịch bản này tôi cho là không thể xảy ra bởi Nhà nước VN còn rất mạnh cũng như tinh thần cảnh giác cao và khả năng tự điều chỉnh của Nhà cầm quyền VN.

*Con đường thứ hai* là con đường chuyển hoá trong hoà bình. Con đường này cũng có hai kịch bản. Kịch bản thứ nhất đó là sự tự thay đổi (tự giác thực hiện đa nguyên, đa đảng) của bản thân ĐCS và Nhà nước VN. Kịch bản này lại có hai loại: loại thứ nhất là sự thống nhất quan điểm trong Đảng hay cụ thể là trong Trung ương hoặc Bộ Chính trị. Điều này theo cá nhân tôi cũng không bao giờ xảy ra bởi lợi ích quá lớn trong việc duy trì chế độ độc tài và nỗi lo sợ sự trả thù do những việc làm của ĐCS trong quá khứ cũng như hiện tại. Loại thứ hai là có một vài cá nhân ở vị trí lãnh đạo cao nhất khởi xướng và thực hiện việc thay đổi (như kiểu Goor-ba-chop và En-xin ở Liên xô và Nga trước đây). Vấn đề này tôi cũng loại trừ hoàn toàn vì đã có Goor-ba-chop và En-xin trong quá khứ thì sẽ có cơ chế để chống lại sự xuất hiện của Goor-ba-chop và En-xin trong hiện tại.

Trong kịch bản tự thay đổi này còn có một khả năng hay một tình huống giao thoa giữa tự thay đổi và kịch bản chuyển hoá trong hoà bình còn lại. Kịch bản chuyển hoá trong hoà bình còn lại sẽ là ***sự đấu tranh của những người dân chủ trong và ngoài nước với sự ủng hộ, giúp đỡ của các lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới bắt buộc ĐCS và Nhà nước VN phải nhượng bộ, thoả hiệp***. Cá nhân tôi chỉ tin tưởng duy nhất vào kịch bản này. Đương nhiên cuộc đấu tranh này sẽ sử dụng nhiều biện pháp, cách thức phối hợp với nhau. Sự giao thoa giữa một tình huống trong kịch bản tự thay đổi với kịch bản này là ở chỗ có sự xuất hiện mâu thuẫn trong nội bộ ĐCS ở cấp cao nhất và lực lượng dân chủ sẽ tận dụng thành công và đẩy tới một sự thay đổi sau những mâu thuẫn không thể hoá giải. Cá nhân tôi cũng không đặt hy vọng vào việc này bởi tôi nghĩ những mâu thuẫn trong nội bộ (kể cả ở cấp

cao nhất) chỉ là những mâu thuẫn cục bộ, còn lãnh đạo ĐCS VN vẫn thống nhất với nhau trong lợi ích toàn cục. Tuy nhiên, những mâu thuẫn này sẽ nảy sinh khi có những thách thức đặt ĐCS vào tình huống sống còn. Chúng ta cần ghi nhớ kỹ điều này để khi tình huống đó xảy ra có thể tận dụng được triệt để.

Một đặc điểm quan trọng nhất, xuyên suốt về tình hình đất nước liên quan mật thiết đến con đường, kịch bản của phong trào dân chủ VN đã không được các nhà dân chủ tính đến trong Cao trào Dân chủ 2006. Đó là dưới góc độ của cuộc đấu tranh dân chủ, VN là một quốc gia hoàn toàn khép kín, một “Vương quốc” riêng của ĐCS và Nhà nước VN. Khái niệm “Nhà Tù Lớn” cũng nói lên phần nào sự biệt lập đó. Điều đó có nghĩa là ĐCS và Nhà nước VN hoàn toàn có khả năng khống chế và ngăn chặn được toàn bộ những sự kết hợp của những

người dân chủ trong trường hợp những sự kết hợp này đe dọa đến độc quyền lãnh đạo của ĐCS.

Chính vì không thấu suốt được đặc điểm này, Cao trào Dân chủ 2006 đã đưa ra một tuyên ngôn đẹp và một chương trình hành động rất hay về lý thuyết nhưng không khả thi trong thực tế.

Có một điều lưu ý là có những ý kiến cho rằng giai đoạn này cần đặt phương thức hoạt động bí mật là một phương thức chính, tôi hoàn toàn không đồng ý. Lý do là Nhà cầm quyền VN có đầy đủ tiềm lực và khả năng để giám sát được ít nhất 80-90% các liên lạc cá nhân của những người dân chủ. Số phần trăm ít ỏi còn lại không đủ để đưa phương thức hoạt động bí mật thành một phương thức chủ yếu. Như vậy phương thức hoạt động công khai vẫn phải là chủ yếu (đương nhiên những gì có thể bí mật được vẫn cần phải bí mật).

Trong điều kiện không thể hoạt động bí mật để phát triển phong trào, mặt khác tất cả những sự kết hợp công khai đều bị ngăn chặn, phong trào dân chủ VN đã không hình thành được một lực lượng dân chủ theo đúng nghĩa, tức là có sự kết hợp trong một hay nhiều tổ chức và được hoạt động công khai. Để hình thành được một lực lượng dân chủ theo đúng nghĩa thì điều kiện tiên quyết đối với phong trào dân chủ là cần có một tổ chức công khai, đứng được, các thành viên hoạt động bình thường, công khai.

Muốn có một tổ chức công khai như vậy cần có các yêu cầu sau. Thứ nhất, những tổ chức này ít nhất giai đoạn đầu khi công khai chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung hoạt động không phải là về vấn đề dân chủ, nhân quyền. Thứ hai, phải được sự đồng ý của Nhà nước VN. Tuy nhiên khi đã nói là sự kết hợp của những người dân chủ thì yêu cầu đầu tiên dù có được thực hiện

(bắt buộc phải thực hiện) cũng không thể che giấu được Nhà cầm quyền VN mà chủ yếu là yêu cầu thứ hai, tức là sự đồng ý của Nhà cầm quyền VN. Và để Nhà cầm quyền VN đồng ý thì chắc chắn không phải là sự van xin của những người dân chủ hoặc chờ đợi ĐCS tự giác cho phép mà phải có sự đấu tranh, đánh trúng điểm yếu nhất và không chế bắt buộc ĐCS và Nhà nước VN phải nhượng bộ, thoả hiệp. Đó sẽ là điểm đột phá của phong trào dân chủ trong môi trường vô cùng khắc nghiệt và khép kín dưới sự phong toả, không chế của Nhà cầm quyền VN. Như vậy nguyên nhân thất bại của Cao trào Dân chủ 2006 chính là *chưa tìm được điểm (khâu) đột phá để hình thành một tổ chức công khai, bước ngoặt quan trọng nhất của phong trào dân chủ VN từ trước cũng như hiện nay và trong tương lai.*

Như ở trên tôi đã trình bày, sự tha hoá của đội ngũ cán bộ, đội ngũ lãnh đạo mà ĐCS và Nhà nước VN không thể ngăn chặn và kiểm soát được điển hình là quốc nạn tham nhũng chính là điểm yếu để chúng ta triệt để khai thác. Tuy nhiên, chỉ riêng những người dân chủ và phong trào dân chủ VN (cả trong và ngoài nước) cũng không thể tấn công và giành chiến thắng trong việc này (sự thất bại của việc ra đời và hoạt động của Hội chống tham nhũng năm 2001 là một minh chứng) mà cần có sự giúp sức của quốc tế.

Muốn có được sự giúp sức của quốc tế thì đương nhiên chúng ta phải lựa chọn những sự việc, vấn đề liên quan đến họ cũng như những lý do hết sức chính đáng để có thể thuyết phục được họ tham gia. Đó chính là điều mà có những người hiện nay đang thực hiện nhưng đã không có được nhiều sự



hưởng ứng, ủng hộ và tham gia từ phía những người đấu tranh dân chủ.

*Hà nội, ngày 09 tháng 8 năm 2007*

***Nguyễn Vũ Bình***

## CỤ HOÀNG MINH CHÍNH – NGƯỜI TẠO RA NHỮNG CON ĐƯỜNG

Đầu năm 2001, sau khi thôi việc tại *Tạp chí Cộng sản*, tôi có dịp gặp gỡ làm quen với các nhà đấu tranh dân chủ, trong đó có cụ Hoàng Minh Chính. Ấn tượng gặp gỡ đầu tiên là một cụ già nhỏ nhắn nhưng có giọng nói sang sảng vượt xa sức vóc của bản thân cùng một đôi mắt tinh anh. Trong suốt những năm qua, những ảnh hưởng và sự giúp đỡ, dìu dắt của cụ đối với tôi và gia đình không thể nói hết bằng lời. Nhưng trên hết tôi nhận thức được những đóng góp vô

cùng to lớn của cụ đối với phong trào Dân chủ Việt Nam.

### **Người tạo ra những con đường**

Trong công cuộc vận động Dân chủ, chúng ta đã biết tới những bài viết của các nhà đấu tranh Dân chủ, những người phản tỉnh, những nhà văn, những trí thức quan tâm tới vận mệnh đất nước. Chúng ta cũng biết tới những kiến nghị thư, phản kháng thư tập thể ban đầu từ ba đến năm người tham gia ký và tăng dần số người theo thời gian. Những đơn thư tố cáo, tố giác tham nhũng, lạm quyền được truyền tay nhau và hình thức ban đầu của tổ chức là Hội (cụ thể là Hội Chống tham nhũng). Vậy thì những hình thức đấu tranh đó từ đâu ra? Có phải đột nhiên chúng ta có được ngay những hình thức đấu tranh mà hiện nay đã trở nên rất bình thường hay đó là một cuộc đấu tranh vô cùng kiên nhẫn, bền bỉ, khôn ngoan và

rất can trường của những người đi trước. Không cần phải suy nghĩ nhiều chúng ta cũng có thể trả lời rằng đó chính là kết quả của một quá trình đấu tranh âm thầm, gian khổ trong một môi trường vô cùng khắc nghiệt của những người đi trước. Những người đã bước những bước chân đầu tiên, đã tạo ra những lối mòn, những đường mòn mà sau này trở thành những con đường để cho các thế hệ kế tiếp bước đi và phát triển nó. Trong số những người đầu tiên đó thì cụ Hoàng Minh Chính là người có công đầu và lớn nhất. Đây chính là đóng góp quan trọng nhất, vĩ đại nhất của cụ Hoàng Minh Chính đối với phong trào Dân chủ Việt Nam.

Ngay từ những ngày còn ở *Tạp chí Cộng sản*, tôi đã được đọc một số bài viết ngoài luồng và sau này tôi được biết xuất phát điểm của những bài viết đó chính là từ nhà cCụ Hoàng Minh Chính. Khi đã tới nhà cụ, tôi được cụ phát cho những bài viết. Tôi

thấy có vài ba người khi thì đến lấy bài đi photô copy, khi thì mang mấy chục bản đi tán phát. Thời gian đầu thì số lượng không nhiều (vài ba chục bản), nhưng sau đó thì số lượng ngày càng nhiều hơn đến một, hai trăm bản. Và tôi còn được biết những bản này sau khi tới một số địa điểm còn được nhân lên rất nhiều bản nữa.

Những ngày đầu tới gặp cụ Hoàng Minh Chính, tôi còn được thấy cụ và một số người đấu tranh Dân chủ rất hồ hởi và vui vẻ vì các cụ vừa ký vào một kháng nghị thư mà tôi không nhớ nội dung nhưng được các cụ nói là “Năm cụ già trên một chiếc xe tăng”. Sau đó một thời gian thì những kháng nghị thư, kiến nghị tập thể đó số người tăng lên rất nhanh 10 người, 18 người,..

Một điều đặc biệt nữa là tôi thấy nhà cụ rất đông khách, gần như lần nào tôi tới cũng đều gặp khách đang ở nhà cụ. Khách của cụ thì đầy đủ các thành phần: nông dân,

công nhân, trí thức, cựu chiến binh,... Tất cả đều được cụ tiếp đón với một thái độ nhiệt tình, trân trọng và cởi mở. Có một lần cụ chỉ vào tập bài viết (khoảng vài ba gang tay) và nói: “Cháu tưởng là để có được những cái này như ngày hôm nay mà đơn giản à?” – Vâng, tôi biết là không hề đơn giản. Cụ đã mất hàng chục năm trời kiên nhẫn tìm ra và âm thầm thực hiện cách thức để thông tin tới các tầng lớp trí thức, những người quan tâm tới vận mệnh dân tộc mà sau này Nhà nước Việt Nam đã định hình thành hẳn một tội danh: “Tán phát các tài liệu chống lại chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước”.

**Người bảo trợ về tinh thần cho các nhà đấu tranh Dân chủ, nhất là những người trẻ tuổi**

Có thể nói, bất cứ người tham gia đấu tranh Dân chủ nào ngay khi bước vào cuộc

đấu tranh đều tìm đến với cụ. Có thể là đều đã được nghe danh tiếng của cụ, có thể là biết rằng đến gặp cụ sẽ được gặp gỡ, quen biết với những người đấu tranh Dân chủ khác. Và quả thực khi đến với cụ tất cả đều được cụ trân trọng, quan tâm và giúp đỡ không khía cạnh này thì khía cạnh khác. Khi đã đến được với cụ thì mọi người đều yên tâm như đứng dưới một mái nhà chung có cụ là trụ cột cho các hoạt động chung của phong trào Dân chủ. Tôi đã được gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều người đấu tranh Dân chủ và những người này dù xuất thân, hoàn cảnh, tính cách rất khác nhau thậm chí có những người không hợp, không ưa nhau nhưng khi nói tới cụ Hoàng Minh Chính thì tất cả đều phải công nhận cụ là thủ lĩnh tinh thần của những người đấu tranh Dân chủ. Những người trẻ tuổi như tôi, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang được cụ đặc biệt quan tâm bởi vì chúng tôi là những người trẻ tuổi

đầu tiên đã tham gia vào cuộc đấu tranh dân chủ đến với cụ. Ngay từ những ngày đầu gặp gỡ, cụ đã quan tâm hỏi han về hoàn cảnh gia đình, các con và cụ rất hay cho quà các cháu nhỏ khi tôi tới thăm cụ. Sau này tôi được biết cụ đã giúp đỡ vợ và các con tôi rất nhiều trong những ngày tôi ở tù. Cụ như một người cha đối với vợ chồng tôi và như một người ông đối với các cháu nhỏ. Tôi rất tâm đắc với Phạm Hồng Sơn khi anh nói rằng tình cảm của cụ đối với anh em mình thì rất bao la.

### **Người giữ vai trò tập hợp của phong trào Dân chủ**

Tôi không được tham gia và chứng kiến cuộc đấu tranh Dân chủ thời kỳ sôi động 2005 – 2006 nên không rõ những hoạt động của cụ giai đoạn này. Nhưng thời gian gần hai năm hoạt động bên cụ trước khi bị



bắt, tôi nhận thấy rõ vai trò tập hợp của cụ trong phong trào Dân chủ. Từ việc tổ chức phân công người trong việc phát tán tài liệu Dân chủ, việc tổ chức kháng nghị, kiến nghị tập thể đến các cuộc gặp gỡ, trao đổi chung của các nhà đấu tranh Dân chủ cho tới việc hình thành Hội chống tham nhũng, cụ đã thể hiện được vai trò thủ lĩnh, tập hợp được các nhà Dân chủ trong các hoạt động đấu tranh với mục tiêu chung. Để có được vai trò tập hợp đó, cụ đã được mọi người thừa nhận cái tâm trong sáng, ngọn lửa đấu tranh cho Tự do Dân chủ vô cùng mạnh mẽ cũng như khả năng tổ chức và nhìn nhận, phân công từng con người vào công việc cụ thể. Đối với cá nhân tôi, cụ là lãnh tụ của phong trào Dân chủ không cần phải bàn cãi. Vậy nên tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe được tin nhóm này, nhóm kia đã phản đối cụ khi cụ có ý kiến đại diện cho phong trào Dân chủ.

Tôi vẫn thường tâm niệm với bản thân, và cũng có lúc tâm sự với người này, người kia, cụ Chính là người thầy của tôi trong hoạt động thực tiễn và người thầy về bản lĩnh. Tôi đã có những kỷ niệm, những bài học mà cụ đã dạy cho tôi cả trực tiếp lẫn gián tiếp. Khi tôi làm đơn xin thành lập đảng Tự do – Dân chủ (2/9/2000), tôi có chuyển lá đơn và bài viết (“Việt Nam và con đường phục hưng đất nước”) tới những nhà Dân chủ với hy vọng họ sẽ chuyển tài liệu đó ra nước ngoài. Nhưng mấy tháng liền tôi không nhận được hồi âm và khi đó tâm trạng của tôi rất bức xúc. Khi đã gặp gỡ cụ Chính và những người đấu tranh Dân chủ khác, tôi được biết cụ Chính là người đã giữ tài liệu đó nhưng không chuyển ra nước ngoài. Tôi vẫn rất bức xúc. Nhưng sau đó một thời gian, tôi đã hiểu ra và thầm cảm ơn cụ vì cụ đã giải thích là khi đó chưa biết tôi là ai, thật giả thế nào và quan trọng hơn là

cụ lo là khi chuyển những tài liệu đó ra ngoài có thể tôi sẽ bị bắt và cụ muốn bảo vệ tôi.

Kỷ niệm thứ hai là năm 2002, thời gian trước khi tôi bị bắt, tôi và một số người nữa đã đề nghị cụ tái lập đảng Dân chủ. Chúng tôi đề nghị và áp lực lên cụ rất mạnh mẽ nhưng cụ cương quyết từ chối. Khi đó tôi chưa có kinh nghiệm nên không thừa nhận sự giải thích của cụ là thời điểm đó chưa chín muồi và nếu thực hiện sẽ bị đàn áp nặng nề, dẫn tới tổn thất rất lớn cho phong trào Dân chủ mà bao nhiêu năm mới xây dựng được như vậy. Sau này khi ở trong tù, tôi đã công nhận là cụ đúng và có nhắn người ra ngoài nói với cụ là tôi hoàn toàn đồng ý với cụ về việc đó.

Một kỷ niệm nữa cho thấy cụ là người rất thực tế, khi thấy những ý kiến đúng là thực hiện ngay. Năm 2001, trong một lần ra thăm nhà cụ Trần Độ, gặp cả ông Phạm Quế

Dương ở đó. Tôi thấy cụ Trần Độ hỏi ông Phạm Quế Dương về Hội Chống tham nhũng và ông Lê Khả Phiêu, sau đó hai người cười khà khà với nhau. Tôi có gặp và hỏi cụ Chính về chuyện này. cụ Chính nói rằng đây là việc đang tiến hành, cháu nghe thì biết vậy. Đang có kế hoạch lôi kéo ông Lê Khả Phiêu đứng ra lập Hội Chống tham nhũng. Ban đầu tôi cũng không chú ý lắm đến việc này, nhưng sau đó suy nghĩ kỹ tôi thấy ý tưởng đó là rất hay. Tôi có tới nhà cụ Chính và trao đổi lại với cụ. Tôi hỏi cụ là nếu ông Lê Khả Phiêu không tham gia thì sao, hoặc nếu ông Lê Khả Phiêu tham gia nhưng sau đó bị áp lực mà bỏ giữa chừng thì thế nào? Chúng ta sẽ từ bỏ việc này hay sao? Vậy chỉ còn cách là bác cháu mình tự làm thôi. Cụ Chính nói “đúng rồi”, để bác trao đổi với ông Phạm Quế Dương và ông Trần Khuê ngay. Và sau đó có việc thành lập Hội Chống tham nhũng.

Nói về bản lĩnh của cụ Hoàng Minh Chính, tôi không đủ tư liệu để viết. Nhưng trong phạm vi mà tôi nhận thức và cảm nhận được thì đúng là tôi còn phải học tập cụ rất nhiều. Nói về bản lĩnh thì có hai vấn đề quan trọng. Đó là bản lĩnh để đương đầu với sự đàn áp và bản lĩnh để giữ vững ngọn lửa đấu tranh cách mạng trong những hoàn cảnh khó khăn, cô đơn. Với cá nhân tôi, bản lĩnh để đương đầu với sự đàn áp tôi có thể theo được cụ nhưng còn bản lĩnh để giữ vững ngọn lửa nhiệt tình cách mạng trong hoàn cảnh khó khăn, cô đơn và kiên trì cách mạng thì tôi còn phải học tập ở cụ rất nhiều. Những ngày gặp cụ khi cụ còn tỉnh táo, qua trao đổi tôi biết cụ có nhiều nỗi ưu tư về phong trào Dân chủ hiện nay. Hai bác cháu trao đổi và đều hiểu được những khó khăn và phức tạp của phong trào Dân chủ. Nhưng khi nói chuyện với những người khác, cụ vẫn thể hiện được tinh thần lạc quan. Tôi rất

mừng là những ngày tháng cuối cụ đã rất vui khi nghe được tin về Thanh niên – Sinh viên xuống đường biểu tình chống Trung Quốc thôn tính Hoàng Sa, Trường Sa.

Tôi luôn tin là hiện nay ở một nơi nào đó, cụ vẫn đang dõi theo từng bước đi của phong trào Dân chủ và phù hộ cho phong trào Dân chủ sớm có được thành công, đất nước sẽ có Dân chủ, Nhân dân được Tự do trong một ngày không xa nữa.

Tôi xin có câu đôi nôm na để tiễn đưa cụ về cõi Vĩnh hằng:

***Vì Độc Lập hiến trọn tuổi thanh xuân!  
Vì Tự Do hy sinh cả cuộc đời!***

Hà Nội, ngày 16 tháng 2 năm 2008  
(tức ngày mùng 10 tháng Giêng năm  
Mậu Tý)

***Nguyễn Vũ Bình***

# **TƯƠNG LAI NÀO CHO PHONG TRÀO DÂN CHỦ VIỆT NAM**

Tôi đã có độ lùi cần thiết về thời gian để xem xét các vấn đề của phong trào Dân chủ (PTDC). Dự án của cụ Hoàng Minh Chính và của tôi đã không được mọi người quan tâm đúng mức. Nhưng chỉ có thông qua thái độ của mọi người đối với Dự án, tôi mới có thể tìm hiểu và biết được bức tranh của PTDC hiện nay và những vấn đề rất quan trọng đặt ra đối với PTDC. Và thật mừng là Dự án đó của chúng tôi vẫn còn nguyên giá trị nếu được tái khởi động trên

cơ sở sự tham gia đông đảo của mọi người với một quyết tâm cao.

## **Phần I:**

### **Hiện tình phong trào Dân chủ Việt Nam**

#### **Một vài nét về tình hình đất nước**

Sau một năm Việt Nam vào WTO, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng 8,44%, mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt 43,64 tỉ đô-la, tăng 20%. Đầu tư nước ngoài đạt 20,3 tỉ đô-la. Cam kết viện trợ ODA đạt 5,4 tỉ đô-la... năm 2007, Việt Nam được bầu là thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Và theo báo chí quốc doanh, thế và lực của Việt Nam ngày càng được khẳng định trên trường quốc tế. Gần đây cuộc hội thảo “Việt Nam ngôi sao đang



lên ở Châu Á” do tạp chí *Nhà kinh tế* (*The Economist*) của Anh phối hợp với Việt Nam đứng ra tổ chức càng làm cho giàn đồng ca báo chí quốc doanh khó khăn trong việc lựa chọn từ ngữ để bóc thõm chế độ.

Các ý kiến phản biện tập trung vào tỉ lệ lạm phát, tỉ lệ thực hiện vốn đầu tư nước ngoài (năm 2000 cam kết 2,6 tỉ đô-la, thực hiện 2,2 tỉ đạt 92%; năm 2007 cam kết 20,2 tỉ đô-la thực hiện 4,6 tỉ đạt 24%), các vấn đề xã hội như tắc đường, ô nhiễm môi trường, vệ sinh thực phẩm v.v... “2007 là năm đầu tiên kinh tế tăng trưởng mạnh, nhưng đời sống của đại đa số người dân lại không tăng, nhiều nơi còn giảm... Đặc biệt, lạm phát tăng đến 12% trong đó lương thực, thực phẩm tăng đến 21% đã ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống người nghèo” (Lê Đăng Doanh, “Nghị sự kinh tế năm 2008: Nhìn thẳng vào sự thật”, *Tuổi Trẻ cuối tuần* số 1-08 ra ngày 6/01/2008, trang 10).

Quan điểm của người viết bài này là xã hội Việt Nam hiện nay đang phân hoá vô cùng mạnh mẽ để hình thành nên hai tầng lớp rõ rệt: tầng lớp thống trị và tầng lớp bị trị. Trong khi tầng lớp thống trị đang ngày càng ý thức được những việc làm của mình thì tầng lớp bị trị đang quần quai, vật lộn với công cuộc mưu sinh mà không hiểu được tại sao cuộc sống của mình lại khổ cực như vậy. Điều đáng tiếc là những người có lương tâm, những người đấu tranh Dân chủ chưa có sự đoàn kết cũng như những đường hướng rõ rệt để giúp cho tầng lớp bị trị hiểu được căn nguyên nỗi thống khổ của họ cũng như động viên, tổ chức họ đấu tranh giành lại tương lai của mình.

## **Bức tranh của Phong trào Dân chủ Việt Nam**

Để có thể hiểu được bức tranh của

PTDC Việt Nam, chúng ta có thể tạm chia tất cả các hoạt động dân chủ thành các nội dung lớn và xem xét từng nội dung một. Theo cá nhân tôi, tạm thời có ba nội dung lớn là những hoạt động nhằm nâng cao dân trí, động viên khích lệ tinh thần yêu nước, khuyến khích nhân dân (nhất là giới trí thức và những người trẻ tuổi) tham gia vào PTDC; những hoạt động lên án, tố cáo chế độ kết hợp với vận động và tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế cho PTDC; cuối cùng là những hoạt động với mục tiêu kết hợp giữa những người đấu tranh dân chủ, tập hợp lực lượng. Đương nhiên sự phân chia này rất tương đối và không thể không còn nhiều thiếu sót.

### ***1/ Những hoạt động nhằm nâng cao dân trí, khích lệ tinh thần yêu nước***

Đây là những hoạt động chính, quan trọng của hầu hết các tổ chức và các cá nhân tham gia PTDC. Từ những sự thật lịch sử

được phanh phui, những huyền thoại bị bóc trần, PTDC đã dựng lại chân dung chế độ Cộng sản Việt Nam, chân dung Đảng Cộng sản VN và chân dung lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt Nam một cách trung thực, chính xác. Có thể nói đây là thành tựu rất lớn của PTDC Việt Nam trong những năm qua, bởi vì thông qua việc chiêm ngưỡng những chân dung này, tất cả những người đấu tranh Dân chủ và những người có cảm tình với PTDC đều thống nhất một mục đích với quyết tâm cao: cần phải giải thể chế độ Cộng sản Việt Nam hiện nay.

Không chỉ có việc khôi phục lịch sử và giải mã các huyền thoại, PTDC Việt Nam những năm qua cũng đã liên tục theo sát tất cả các diễn biến kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá của đất nước và kịp thời thông tin, nhận định, bình luận vạch ra những dối trá, bịp bợm trong tuyên truyền của hệ thống báo chí quốc doanh VN. Cho tới hiện nay

thì hầu như không một sự lắt léo, bịp bợm và thủ đoạn nào trong tuyên truyền của ĐCS và Nhà nước VN không bị vạch mặt và phát hiện kịp thời. Những việc làm này theo thời gian sẽ cung cấp cho những người nghe, người đọc và người xem một cách nhìn, cách đọc những nội dung thông tin tuyên truyền của báo chí Nhà nước Việt Nam. Một nội dung rất quan trọng khác là việc đưa thông tin về các bài viết, những hành động, lời nói, những phiên toà kèm theo những diễn biến xung quanh phiên toà về các nhà Dân chủ VN đã có tác dụng rất lớn khích lệ tinh thần yêu nước, động viên khuyến khích giới trí thức và những người trẻ tuổi tham gia vào PTDC.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhìn rõ giới hạn của những hoạt động này cũng như những hạn chế đã xảy ra đối với PTDC trong thời gian qua. Giới hạn khó vượt qua nhất là những thông tin này rất khó đến

được với tầng lớp người lao động ở cả nông thôn và thành thị. Do thời gian làm việc dài và cường độ lao động rất cao nhưng thu nhập thấp, cộng với việc Nhà nước Việt Nam chủ động phá hoại, ngăn chặn thông tin, những công nhân và nông dân không thể tiếp cận được với những thông tin trung thực và bổ ích đối với họ. Còn đối với giới trí thức và những người trẻ tuổi, sự thờ ơ cố hữu đối với tình hình đất nước và những bức tường lửa đã làm hạn chế đi rất nhiều hiệu quả của những hoạt động này. Thời gian qua cũng đã chứng kiến những diễn biến, sự việc không hay trong nội bộ PTDC trên các diễn đàn. Vẫn biết là bất kỳ một cộng đồng nào (kể cả cộng đồng mạng) cũng có thể có những mâu thuẫn, xung đột nhưng khi thiếu đi sự kiểm soát bản thân và không có sự tâm niệm phải đặt lợi ích của phong trào lên trên cá nhân, tổ chức chúng ta đã có những hành động lời nói làm ảnh hưởng nghiêm trọng

đến PTDC. Đáng mừng là trong thời gian gần đây những việc đó đã không còn xuất hiện nhiều như trước.

## ***2/ Những hoạt động lên án, tố cáo chế độ cùng với việc vận động tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế đối với PTDC***

Là một trong những nội dung chính trong hoạt động của PTDC, những hoạt động tố cáo chế độ cùng với việc vận động tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế đã đạt được những thành công rất quan trọng. Trước hết PTDC Việt Nam đã thiết lập được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, mật thiết với các tổ chức đại diện cho các lực lượng dân chủ tiên bộ trên thế giới. Có thể nói, mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với Chính phủ, Quốc hội và chính giới Hoa Kỳ là trọng tâm trong hoạt động quốc tế vận động khai thác rất hiệu quả. Biểu hiện rõ nhất là việc Tổng thống và Phó Tổng thống Hoa Kỳ tiếp kiến bốn nhà

đổi lập Dân chủ tại Nhà Trắng, đồng thời Hoa Kỳ đã cử các phái đoàn đi tìm hiểu về tình hình Dân chủ và Nhân quyền tại Việt Nam. Nghị viện châu Âu, các chính phủ Dân chủ châu Âu và trên thế giới cùng với các tổ chức Phi chính phủ như: tổ chức Nhân quyền quốc tế, tổ chức Ân xá thế giới, tổ chức Phóng viên không biên giới, Văn bút quốc tế v.v.. là cầu nối không thể thiếu trong việc tố cáo, lên án chế độ cũng như vận động sự ủng hộ đối với PTDC Việt Nam.

Hoạt động tố cáo, lên án chế độ đã được thực hiện bằng các phương thức phong phú, đa dạng với ý thức cao của những người tham gia. Từ những buổi điều trần tại Quốc Hội Hoa Kỳ, các tấm Pa-no hình ảnh Linh mục Nguyễn Văn Lý bị bịt miệng trong phiên toà, tới những cuộc biểu tình phản đối ông Nguyễn Minh Triết tới thăm



Mỹ v.v.. thật sự là những hình ảnh sôi nổi, hiệu quả và vô cùng có ý nghĩa.

Không chỉ có vậy, những hoạt động tố cáo, lên án chế độ được thực hiện bảo đảm tính kịp thời, nóng hổi và có tính chất thời sự. Những sự việc thông thường xảy ra được đưa tin ngay trong ngày hoặc sau một ngày. Những sự việc quan trọng, nóng bỏng như các phiên toà xử các nhà Dân chủ, các cuộc biểu tình, việc bắt giữ các nhà Dân chủ v.v. được truyền tin và tường thuật tại chỗ. Thậm chí các cuộc phỏng vấn với người đấu tranh Dân chủ được thực hiện ngay tại đồn công an nơi họ đang bị giam giữ.

Cũng như những nội dung khác, những hoạt động này có những giới hạn cần phải làm rõ để cân đối các ưu tiên trong các nội dung hoạt động của PTDC. Trước hết, tuy những dẫn chứng về sự đàn áp nhân quyền, dân chủ mà PTDC có được và tố cáo với quốc tế rất sống động và đắt giá nhưng

áp lực lên Nhà cầm quyền VN lại rất hạn chế. Điển hình là tấm Pa-nô Linh mục Nguyễn Văn Lý bị bịt miệng tại phiên toà được quảng bá rộng rãi vậy mà VN vẫn được bầu vào ghế Uỷ viên không thường trực Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc không có một phiếu chống! Thứ hai, xu hướng hợp tác toàn diện của Mỹ đối với VN đang ngày càng hiện rõ. Sự quan tâm của Mỹ tới vấn đề Dân chủ, Nhân quyền thời gian vừa qua mang nhiều tính hình thức cũng như tính chất xoa dịu đối với PTDC sau một đợt đàn áp khốc liệt.

Có một vài điều tôi nghĩ chúng ta cần lưu ý trong việc vận động, tìm kiếm sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế. Đó là họ chỉ quyết liệt trong việc làm giảm nhẹ sự đàn áp của Chính quyền với PTDC và họ rất hạn chế và thụ động trong việc ủng hộ cũng như áp lực để tác động tới tiến trình Dân chủ hoá của chúng ta. Chúng ta có nhiều dự án, lộ trình,

kế hoạch cần sự giúp sức của quốc tế nhưng đều khó thành công vì đã đẩy quốc tế vào tình thế mà nhà cầm quyền VN lên tiếng “can thiệp vào công việc nội bộ của VN”. Những khó khăn trong việc vận động Thượng Viện Hoa Kỳ thông qua Dự luật Nhân quyền hiện nay là một minh chứng rất rõ ràng trong việc quốc tế muốn tránh tiếng “can thiệp vào công việc nội bộ của VN”. Vì vậy dự án Kiến nghị quốc tế việc Giám sát và Chống thất thoát trong sử dụng Viện trợ nước ngoài tại VN vừa qua có ưu thế vượt trội tất cả các dự án khác ở chỗ quốc tế có thể can thiệp, tác động vào tình hình VN một cách chính đáng, mạnh mẽ mà Nhà cầm quyền VN không thể nói rằng họ can thiệp vào công việc nội bộ của VN.

***3/ Những hoạt động với mục tiêu tập hợp lực lượng, kết hợp giữa những người đấu tranh Dân chủ***

Những hoạt động tập hợp lực lượng, kết hợp giữa những người đấu tranh Dân chủ là những hoạt động quan trọng nhất của PTDC. Đây chính là nơi cuộc đọ sức diễn ra gay go, quyết liệt nhất giữa PTDC và Nhà cầm quyền VN. Việc thắng thua, thành bại, hay dở của mỗi bên đều được quyết định rõ ràng trong lĩnh vực này. Chúng ta có thể thấy rằng, qua thời gian Nhà cầm quyền đã phải rút lui khỏi hai trận tuyến lớn là những nội dung nâng cao dân trí, kích thích tinh thần yêu nước, động viên giới trí thức, nhất là giới trẻ tham gia vào PTDC và nội dung tố cáo, lên án chế độ cũng như việc liên hệ, tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế. Để nhận thức rõ điều này chúng ta biết rằng những năm 80 và 90 của thế kỷ trước, chỉ một bài viết với một trong hai nội dung vừa nêu thì tác giả đã phải ngồi tù. Từ năm 2000 tới khoảng năm 2005, những người vừa viết bài, vừa có liên hệ với PTDC hải ngoại và

quốc tế đã lần lượt vào tù. Và đến nay những nhà dân chủ chỉ có tham gia hai nội dung này thì gần như chắc chắn không phải ngồi tù.

PTDC Việt Nam ngay từ những ngày đầu đã có ý thức và cố gắng trong mục tiêu tập hợp lực lượng. Từ những kháng nghị thư có hai, ba người ký tên đến những nhóm này, nhóm kia, Ủy ban, Cao trào... và đến Hội Chống tham nhũng năm 2001. Đến thời điểm năm 2006 thì một loạt các tổ chức ra đời. Nếu nhìn thẳng vào sự thật là những tổ chức được hình thành giai đoạn này đến nay chỉ còn là hình thức thì chúng ta phải công nhận với nhau là mục tiêu kết hợp, tập hợp lực lượng của PTDC từ trước tới nay chưa thành công. Có những nguyên nhân sau dẫn tới tình hình này là:

**Một**, chúng ta chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của mục tiêu tập hợp lực lượng. Vấn đề ở đây không phải khía cạnh

tâm quan trọng của tổ chức với bản thân PTDC (điều này hầu như ai cũng có thể nhận thấy) mà tâm quan trọng đối với tiến trình dân chủ hoá đất nước cũng như đối sách của Nhà cầm quyền VN ngăn chặn mục tiêu này. Nếu như trong số tất cả các tổ chức được thành lập giai đoạn Cao trào 2006 chỉ cần một tổ chức nhận thức được rằng việc tổ chức của mình tồn tại công khai, hoạt động bình thường được sẽ là bước ngoặt quan trọng nhất để thay đổi chế độ thì sự chuẩn bị và tiến hành lập tổ chức sẽ khác hẳn và đến nay chúng ta đã có một cục diện khác.

**Hai**, chúng ta chưa có sự thống nhất trong hành động và phương thức kết hợp, tập hợp lực lượng. Vấn đề tập hợp lực lượng là bước đột phá quan trọng nhất, mấu chốt cho thành công của PTDC. Vì vậy Nhà cầm quyền VN sẽ tìm mọi cách, mọi thủ đoạn ngăn chặn đàn áp để không cho các nhà Dân chủ tập hợp lại với nhau. Khi Nhà cầm

quyền VN đã dùng mọi biện pháp, mọi thủ đoạn thì PTDC cũng phải tập hợp tất cả các sức mạnh, khả năng, sự hỗ trợ của quốc tế vào mục tiêu này mới có hy vọng thành công. Đồng thời phương thức kết hợp là công khai để đạt mục tiêu hoạt động là công khai hay hoạt động bí mật hay nửa bí mật. Và chúng ta cần một tổ chức hay cần nhiều tổ chức là những điều mà PTDC chưa thống nhất được với nhau. Đây là lý do quan trọng nhất lý giải cho việc chưa thành công của PTDC trong mục tiêu tập hợp lực lượng.

**Ba**, hiệu quả trong đối sách của Nhà cầm quyền VN trong việc ngăn chặn, đàn áp các cố gắng kết hợp của PTDC Việt Nam. Nói gì thì nói, sau 32 năm trong đó có những giai đoạn rất thuận lợi, PTDC Việt Nam vẫn chưa có được một sự kết hợp làm điểm tựa, tựa điểm cho nhưng khát vọng tự do, dân chủ chính là do những nỗ lực ngăn chặn, đàn áp của Nhà cầm quyền VN.

Những chiến thuật làm biến chất các tôn giáo, cài cắm người vào PTDC cả trong và ngoài nước gây mâu thuẫn, chia rẽ trong nội bộ PTDC và đặc biệt đối với Giáo Hội Phật giáo VN Thống nhất họ dùng chiến thuật trong đánh ra, ngoài đánh vào vô cùng thâm độc đã chứng tỏ PTDC Việt Nam có một đối thủ vô cùng lợi hại. Chúng ta cần phải nhận thức, đánh giá đúng đối thủ mới hy vọng chiến thắng trong cuộc vận động Dân chủ đầy cam go này.

Trong thời điểm hiện nay, khi mà những người quyết tâm nhất trong mục tiêu tập hợp lực lượng đã bị bắt, khi mà quy luật tạm lắng đang diễn ra sau một cao trào bị đàn áp khốc liệt, vấn đề kết hợp giữa những người dân chủ đang gặp khó khăn và thử thách. Trong khi đó Nhà cầm quyền VN lại đang thực hiện nhiều âm mưu, quỷ kế rất đáng ngại nhằm không chế, biến chất PTDC



trong nước cũng như PTDC Việt Nam nói chung.

## **Phần II:**

### **Một chiến lược đáng sợ**

Trong lịch sử ngành an ninh VN, một trong những nghiệp vụ hay “chiến thuật” thành công nhất là cài cắm người vào hàng ngũ đối phương. Trong hai cuộc chiến tranh khốc liệt vừa qua, chiến thắng của Cộng sản VN mang đậm dấu ấn của chiến thuật này. PTDC nếu không nhìn nhận đúng chiến lược tấn công của an ninh VN chủ yếu dựa vào chiến thuật cài cắm người, chắc chắn sẽ nhận thất bại đau đớn. Đến thời điểm này, mục đích của việc cài cắm người vào PTDC Việt Nam có thể không chỉ còn là thu thập thông tin, gây mâu thuẫn, chia rẽ trong nội bộ phong trào nữa mà phải chăng đã chuyển sang một chiến lược hoàn toàn mới. Đó là

không chế PTDC trong nước làm cơ sở cho việc chuyển đổi chế độ sang một cấu trúc toàn trị mới. Có nhiều cơ sở và chỉ dấu để xây dựng nên giả thiết này. Trước hết tôi xin đi vào những lý do hay những cơ sở cũng như những chỉ dấu mà Nhà cầm quyền VN có thể đang suy tính tới việc chuyển đổi chế độ sang một cấu trúc toàn trị mới.

### ***1/ Những lý do và cơ sở cho việc chuyển đổi mô hình toàn trị***

Trong những bài viết trước, tôi có nhận định rằng việc chuyển hoá chế độ hiện nay sang một thể chế dân chủ bằng con đường hoà bình không thể do ĐCS và Nhà nước VN chủ động thực hiện. Lý do là lợi ích quá lớn trong việc duy trì chế độ cũng như sự an toàn của ĐCS và cá nhân các quan chức không cho phép họ chủ động chuyển hoá chế độ sang một thể chế dân chủ thực sự. Chính vì vậy việc chuyển đổi mô

hình toàn trị này là chuyển từ mô hình toàn trị độc đảng sang mô hình toàn trị dựa trên liên minh Tiên - Quyền khoác chiếc áo dân chủ nửa vờ và hình thức. Mặt khác, sự chuyển đổi này (dù chỉ khoác áo dân chủ nửa vờ và hình thức) chỉ xảy ra khi các lợi ích và sự an toàn của liên minh Tiên - Quyền được bảo đảm và bảo vệ. Có những lý do và cơ sở cho việc chuyển đổi mô hình toàn trị như sau:

*Yêu cầu nội tại của việc phát triển kinh tế và hội nhập:* Để duy trì một mức tăng trưởng khá cao như hiện nay, nền kinh tế đã phải hội nhập sâu rộng và thực hiện các luật chơi chung của thế giới. Một khi nền kinh tế vận hành theo những luật lệ chung của nền kinh tế thị trường thì các lĩnh vực khác như hành chính, xã hội, chính trị cũng phải có những chuyển đổi mới bảo đảm sự vận hành các nguyên tắc của thị trường. Lý do này mang rất nhiều tính lý

thuyết nhưng cũng được đề cập tới vì phản ánh nguyện vọng của một bộ phận doanh nghiệp làm ăn chân chính và những người có tâm trong bộ máy hành pháp.

*Mong muốn thay đổi ở chính những nhóm người có tiếng nói quyết định đường hướng, tương lai của ĐCS và Nhà nước VN.* Mong muốn thay đổi này có thể xuất phát từ nhiều lý do: từ cảm giác quá đỗi với khối tài sản thu được qua quá trình tham nhũng, từ cảm giác bức bối, không thể chịu nổi với môi trường sống tự nhiên và xã hội hiện nay. (Vì tuy có tiền và có quyền nhưng những cá nhân này và gia đình vẫn phải sống trong môi trường ô nhiễm, nạn tắc đường, thực phẩm không vệ sinh, an toàn...) hay đơn giản là thỉnh thoảng lương tâm trỗi dậy. Tuy nhiên những mong muốn này chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ để những mong muốn này biến thành chiến lược hành động phải là niềm tin, niềm tin vào lợi ích

và sự an toàn được bảo đảm và bảo vệ sau khi thực hiện việc chuyển đổi mô hình toàn trị.

*Niềm tin vào tương lai:* Có thể nói rằng những thay đổi của nước Nga từ mấy năm trở lại đây đã truyền cảm hứng rất lớn cho những nhóm quyền lực ở VN, nhất là những người xuất thân và đang trong ngành an ninh. Sự quay trở lại mô hình toàn trị sau cuộc cách mạng dân chủ thực sự ở Nga đã gây dựng một niềm tin rất lớn cho việc chuyển đổi mô hình toàn trị của VN. Không những thế, những kinh nghiệm thực tiễn trong việc giúp đỡ đảng Nhân dân Cam-pu-chia giữ vững quyền lực, không chế được chính trường Cam-pu-chia đã tiếp thêm sức mạnh cho quyết tâm chuyển đổi này (sở dĩ Trung quốc không thể tranh giành ảnh hưởng được với VN ở Cam-pu-chia là vì lý do này cũng như ở Lào là do VN đã giúp

nhóm thân VN trong đảng Nhân dân Cách mạng Lào giữ vững quyền lực).

## ***2/ Những chỉ dấu góp phần xây dựng giả thuyết "chuyển đổi mô hình toàn trị"***

Trước hết việc đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ trong thời gian gần đây của Nhà nước VN là một chỉ dấu quan trọng. Việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới cũng như đẩy mạnh hợp tác với các nước Phương tây tất yếu sẽ dẫn tới thể chế Dân chủ ít nhất là về mặt hình thức. Thời gian gần đây, việc ngầm cho thanh niên, sinh viên biểu tình phản đối Trung quốc về vấn đề Hoàng Sa, Trường Sa của Nhà cầm quyền VN là một phản ứng mới. Điều này ít nhiều đã thể hiện động thái ngả theo Phương tây, đồng thời gián tiếp tạo ưu thế cho nhóm thân Phương tây trong nội bộ ĐCS Việt Nam.

Thứ hai, trong thời gian mấy năm trở lại đây, một số người thuộc các tổ chức Dân chủ hải ngoại về nước hoạt động bị bắt đều bị gán cho nhãn “khủng bố”. Điển hình nhất là một số người của đảng Việt Tân vừa bị bắt thời gian qua. Đây là việc rất không bình thường bởi vì từ lâu cả phong trào Dân chủ và Nhà cầm quyền VN đều hiểu rõ những hoạt động vũ trang, bạo lực không còn được ủng hộ và tiến hành bởi các tổ chức. Mặt khác, có rất nhiều tội danh khác có thể gán cho những người của Việt Tân bị bắt nhưng Nhà cầm quyền không làm vậy. Thậm chí họ còn làm một động tác rất lộ bịch về khẩu súng để cố gán, khép các hoạt động của Việt Tân vào việc “khủng bố”. Không thể có một giải thích nào khả dĩ hơn giải thích sau: Nhà cầm quyền VN đã làm như vậy để trong tương lai họ không phải đối thoại, thương lượng và thoả hiệp với các tổ chức “khủng

bố”. Thực chất, đó là những tổ chức có tiềm lực và chống Cộng quyết liệt.

Thứ ba, một chỉ dấu rất quan trọng nữa là việc đẩy mạnh cài cắm người vào PTDC trong vài năm gần đây và cả hiện nay. Trước khi phân tích vấn đề này, tôi có một lời xin lỗi những ai là người Dân chủ thực sự, nằm trong sự nghi ngờ mà những phân tích của tôi đưa ra. Tôi không nhằm vào bất kỳ một cá nhân nào mà chỉ vì đây là một vấn đề rất hệ trọng của PTDC mà tôi buộc phải nêu ra. Có hai dạng Dân chủ hai mang, đó là người được chủ động cài cắm vào và người của PTDC bị khống chế. Người được cài cắm có hai loại, loại có nghiệp vụ an ninh và loại bình thường mà bên hình sự gọi là đặc tình. Người của PTDC bị khống chế vì nhiều lý do nhưng chủ yếu là sợ tù đày. Việc cài cắm người của an ninh VN được thực hiện từ rất sớm (từ năm 54 di cư ra nước ngoài) và bùng nổ



trong cao trào Dân chủ 2006. Những người Dân chủ hai mang hiện nay có không gian hoạt động rộng rãi, không đơn thuần thực hiện việc cung cấp thông tin hoặc gây mâu thuẫn chia rẽ trong nội bộ PTDC nữa mà là xây dựng quan hệ, uy tín để chuẩn bị cho một chiến lược lớn là chuyển đổi mô hình toàn trị. Chúng ta không loại trừ những người này sử dụng khổ nhục kế vì ngoài tù đầy ra thì khổ nhục kế là biện pháp gây uy tín nhanh và mạnh nhất.

Làm thế nào để phát hiện ra người Dân chủ hai mang? Đây là vấn đề vô cùng khó khăn, phức tạp và tế nhị. Lý do quan trọng nhất là những hoạt động “Dân chủ” của họ thì mọi người đều biết nhưng còn khía cạnh hai mang thì rất khó để ai biết được. Hơn nữa ngoài việc những người này rất kín đáo, kín kẽ ra thì một số người Dân chủ hai mang bị khống chế đã không tuân thủ hoàn toàn sự khống chế và có những

hành động như để chuộc lại những việc làm không đúng đắn của mình. Tuy nhiên, mức độ triệt để trong đàn áp của Nhà nước VN chính là những gợi ý cho việc phát hiện những kẻ nằm vùng này.

An ninh VN sẽ sử dụng những người hai mang này như thế nào trong việc chuyển đổi mô hình toàn trị? Những người này sẽ thâm nhập vào các tổ chức, thậm chí lập ra tổ chức, dùng “uy tín”, “ảnh hưởng” của mình tập hợp những người Dân chủ mới tham gia, chưa có kinh nghiệm, quan điểm chưa định hình rõ nhằm khống chế về đa số, làm “mềm” hoá các quan điểm Dân chủ. Khi những người này đã khống chế được đa số và làm biến chất các quan điểm Dân chủ thực sự trong các tổ chức, cùng với một số cá nhân, tổ chức khác (có thể cả hải ngoại) không có hoặc không giữ được lý tưởng Dân chủ thực sự, thống nhất được “quan điểm Dân chủ” thì tiến trình chuyển đổi sẽ

diễn ra. Đương nhiên, những tổ chức và cá nhân Dân chủ thực sự, nhất là ở Hải ngoại sẽ có cách để bị gạt ra ngoài hoặc ít nhất là mất lợi thế trong một thời gian dài.

Trên đây là những phân tích về cơ sở, lý do và những chỉ dấu có thể có của một chiến lược đáng sợ của Nhà cầm quyền VN. Rất khó để có kết luận về quá trình chuyển đổi này, nhưng có một điều chắc chắn, PTDC cần đặc biệt lưu ý: Chỉ cần với số lượng người mà an ninh VN cài cắm và khống chế được hiện nay, trong những trường hợp cần thiết phải huy động phần lớn số đó, Nhà cầm quyền VN đã có thể triệt tiêu phần lớn sức mạnh của PTDC trong bất cứ kế hoạch nào.

### **Phần III:**

### **Con đường của chúng ta**

Qua một thời gian quan sát và suy

ngầm, tôi nhận thấy PTDC Việt Nam chưa xây dựng được một đường hướng chung, rõ ràng làm cơ sở cho những kế hoạch, con đường, chiến lược của các cá nhân, tổ chức và cả PTDC. Đó chính là những vấn đề mà bất cứ một cá nhân, tổ chức nào cũng đều phải suy nghĩ, tính toán để đặt mục tiêu, kế hoạch để dự liệu và phối hợp trong hoạt động nhằm đưa PTDC phát triển lên một tầm cao mới.

Tôi cho là tương lai của PTDC sẽ phụ thuộc vào việc PTDC Việt Nam có xây dựng được một đường hướng chung trên cơ sở mỗi một cá nhân, tổ chức. PTDC trong nước, PTDC hải ngoại sẽ trả lời bốn câu hỏi (vấn đề, nội dung) sau: 1- Trong tương lai có hay không một cuộc nổi dậy, xuống đường của Nhân dân làm sụp đổ chế độ Cộng sản Việt Nam hay ít ra là bắt buộc ĐCS và Nhà nước VN nhượng bộ và từ nhượng bộ đó sẽ thay đổi chế độ? 2- Có hay

không một sự chuyển đổi hình thức toàn trị của Nhà cầm quyền VN? Nếu có thì chúng ta có đổi sách như thế nào? 3- Chúng ta có nhất thiết phải có một tổ chức công khai của những người Dân chủ trong nước hay không? Nếu có thì thực hiện bằng cách nào? 4- Môi trường quan, phối hợp của cá nhân, tổ chức và PTDC trong nước với cá nhân, tổ chức và PTDC hải ngoại như thế nào cho hiệu quả? Đương nhiên sau đây sẽ là câu trả lời của cá nhân tôi về bốn vấn đề, nội dung này.

***1/ Trong tương lai có hay không một cuộc nổi dậy, xuống đường của Nhân dân Việt Nam?***

Trước khi đi vào nội dung này có hai điểm cần lưu ý.

Thứ nhất, các cuộc nổi dậy của nhân dân thường có hai loại, một loại dự đoán được và một loại không thể dự đoán. Loại dự đoán được thường có chung một số yếu

tổ, kết hợp với thời cơ mang tính khách quan, điển hình là cuộc Cách mạng Tháng Tám của Việt Nam. Loại không dự đoán được như Indonexia, từ cơn bão về tài chính tiền tệ sụp đổ về kinh tế kéo theo sự sụp đổ của chính phủ. Kể cả đối với VN, nếu như có một cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu bất ngờ xảy ra tác động vào nền kinh tế VN vốn rất phụ thuộc vào nền kinh tế thế giới, dẫn tới sụp đổ nền kinh tế và xảy ra động loạn về chính trị - thì đó là những cuộc nổi dậy không thể dự đoán được. Như vậy việc trả lời cho câu hỏi (nội dung) này chính là việc tìm ra những yếu tố chung cho các cuộc nổi dậy có thể dự đoán được và đối chiếu vào với trường hợp của Việt Nam. Các chiến lược, kế hoạch của các cá nhân, tổ chức cần phải dựa vào việc trả lời câu hỏi có thể dự đoán được. Còn một cuộc nổi dậy không thể dự đoán được chỉ nên đặt trong các kế hoạch và chiến lược dự phòng.

Thứ hai, có nhiều người đã nói, đã gọi cuộc cách mạng Dân chủ Việt Nam là cuộc cách mạng sắc màu. Đây là điều hoàn toàn không đúng. Các cuộc cách mạng sắc màu ở Ucraina, Grudia vừa qua hoàn toàn khác với cuộc cách mạng đang và sẽ diễn ra ở Việt Nam bởi vì các cuộc cách mạng sắc màu đó diễn ra ở các đất nước đã có khung pháp lý Dân chủ (mặc dù chưa hoàn chỉnh) và nhân dân ở các nước đó đã sống trong không gian Dân chủ một thời gian. Nhưng ở Việt Nam thì hoàn toàn chưa có hai yếu tố này. Vậy nên nếu muốn so sánh thì so sánh với cuộc cách mạng Dân chủ ở Liên Xô và Đông Âu.

Thông thường các cuộc nổi dậy của nhân dân có ba yếu tố không thể thiếu: một là, mong muốn thay đổi chế độ của phần lớn người dân; hai là, có một hay nhiều tổ chức có cùng mục tiêu vận động, kích động, hướng dẫn và tổ chức nhân dân xuống đường, nổi dậy; ba là, yếu tố thời cơ bao

gồm những sai lầm trong chính sách cụ thể của nhà cầm quyền tại một thời điểm, những biến động kinh tế-xã hội, những khoảng trống quyền lực v.v...

Để có thể hiểu rõ hơn, chúng ta có thể lấy cuộc Cách mạng Tháng Tám làm ví dụ. Mong muốn thay đổi chế độ của phần lớn người dân VN là thoát khỏi ách đô hộ của Thực dân Pháp, muốn nước nhà có độc lập, nhân dân có tự do. Mong muốn này đã có từ rất lâu, nó tiềm ẩn trong mỗi con người VN từ khi còn nhỏ cho đến lúc trưởng thành. Và đây là yếu tố quan trọng nhất của cuộc cách mạng tháng Tám. Yếu tố thứ hai, có một hay nhiều tổ chức có cùng mục tiêu vận động nhân dân nổi dậy đó là mặt trận Việt Minh với rất nhiều tổ chức cơ sở đảng ở khắp nơi trên đất nước. Và thời cơ chính là khoảng trống quyền lực sau khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương.



Đối với tình hình Việt Nam hiện nay ta sẽ xem xét từng yếu tố một.

**a-** Mong muốn thay đổi chế độ của phần lớn người dân. Đây là vấn đề rất phức tạp. Nếu chỉ nhìn từ bên ngoài hoặc không phân tích thấu đáo từng vấn đề sẽ không thể có kết luận chính xác. Có thể hình dung như sau. Ước muốn thay đổi chế độ của phần lớn người dân đã có nhưng *mong muốn thay đổi* thì lại chưa có. Tại sao lại như vậy? chúng ta đều hiểu là ước muốn của con người thường là những điều cao đẹp, phần lớn là thoát ly khỏi điều kiện hoàn cảnh và các so sánh lợi ích cụ thể thực tế của cá nhân; còn mong muốn là những điều thoát ra từ hoàn cảnh điều kiện thực tế, cụ thể và những cân nhắc lợi ích rất rõ ràng. Nói cách khác, mong muốn có động cơ từ những lợi ích thiết thực, cụ thể. Như vậy ước muốn thay đổi của phần lớn người dân VN có thể

bắt nguồn từ những khó khăn, bế tắc của cuộc sống; những cảm nhận mơ hồ về nguyên nhân nổi thống khổ của người lao động; từ những cảm nhận, bế tắc của chính những người trong guồng máy chính quyền hiện nay; thậm chí từ sự cảm thông với nỗi khổ của người công nhân, nông dân... Nhưng từ ước muốn thay đổi chế độ của phần lớn người dân đến mong muốn thay đổi lại có những khoảng cách và chướng ngại rất khó (nếu không muốn nói là không thể) vượt qua:

Phần lớn người dân chưa hiểu rõ, đích xác căn nguyên nổi thống khổ của bản thân và gia đình, tầng lớp, giai cấp mình. Như trên đã nói, phần lớn người dân cảm nhận được những khó khăn bế tắc trong cuộc sống hiện nay là do chế độ này, nhưng để nhận thức rõ, chính xác từ đó hình thành thái độ dứt khoát đối với chế độ hiện nay là rất khó khăn. Có thể có những ví dụ sau:

người dân đô thị, người dân nông thôn mất đất cho các khu đô thị, khu công nghiệp đều biết rằng quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá này các cán bộ có tham nhũng, kiểm chác trong các dự án này. Nhưng người ta lại không biết rằng trên bình diện quốc gia, chính sách cướp đất của Nhà nước là để duy trì nổi thống khổ của họ. Đồng thời người ta cũng không biết rằng mức độ thua thiệt, khổ sở của người dân chính là do sự tranh giành, đồng loã và phân phối lợi ích từ các nhóm quyền lực. Người công nhân cũng không biết rằng, mức lương khốn khổ mà họ nhận được hiện nay chính là do Nhà nước quy định để dùng làm lợi thế thu hút đầu tư nước ngoài. Họ cũng không biết được các công đoàn của Nhà nước chính là để ngăn chặn người công nhân không được chống đối lại giới chủ.

Tương lai của sự thay đổi hay những sự lựa chọn khác: trong rất nhiều trường

hợp, mong muốn thay đổi được thúc đẩy bởi chính các sự lựa chọn khác nhau hay người dân thấy được tương lai của sự thay đổi. Tuy nhiên ở Việt Nam, người dân chưa hề thấy được các dấu hiệu nào của sự thay đổi (các đảng phái thực sự xuất hiện, báo chí tự nhân ra đời và hoạt động...) và hoàn toàn chưa có một sự lựa chọn nào khác ngoài ĐCS và hệ thống chính trị hiện thời.

Những so sánh lợi ích thiết thực, cụ thể: Đây là lý do quan trọng nhất ngăn chặn ước muốn thay đổi chuyển hoá thành mong muốn thay đổi. Chính tại nút thắt này, Nhà cầm quyền VN đã thành công trong việc giữ vững “ổn định chính trị” trong một thời gian dài. Như trên vừa nói, mong muốn thay đổi có động cơ từ những so sánh lợi ích thiết thực, cụ thể của bản thân cá nhân và gia đình. Có nghĩa là nếu thay đổi chế độ thì tương lai sẽ ra sao, nguồn thu hiện nay của gia đình sẽ lấy từ đâu ra? (có người nói với

tôi: Cựu chiến binh hiện nay cũng rất căm tức chế độ này nhưng thay đổi nó thì thu nhập của họ trông vào đâu?). Nhà cầm quyền VN đã thực hiện hai chính sách rất thâm độc, xảo quyết để gắn chặt lợi ích của một bộ phận không nhỏ người dân với sự tồn vong của chế độ này. Đó là chính sách tăng lương cho bộ đội và công an, những công cụ để bảo vệ chế độ và chính sách chi cho yêu cầu chính trị. Việc tăng lương cho bộ đội và công an đã có từ lâu và khá dễ để nhận ra thâm ý bên trong. Còn việc chi cho các yêu cầu chính trị thì rất khó để phát hiện và thấy được sự thâm độc của chính sách này. Chính sách chi cho yêu cầu chính trị được thực hiện bằng các khoản chi thường xuyên (phụ cấp thường xuyên) và chi không thường xuyên. Trong hệ thống chính trị của VN hiện nay, ngoài những đối tượng được hưởng lương chính thức (cán bộ đảng, cán bộ nhà nước) thì còn một hệ thống các tổ

chức vệ tinh như Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, các Hội... Đó là những tổ chức ngoại vi của ĐCS để thực hiện việc giám sát nhân dân và hiện nay còn là đối tượng để chi theo yêu cầu chính trị. Mặt khác, trong những năm gần đây Nhà cầm quyền VN đã thực hiện chính sách chi cho yêu cầu chính trị dưới danh nghĩa cải thiện mức sống cho người có công. Đây là một khoản chi khổng lồ mà Nhà nước VN đã bỏ ra để mua sự “ổn định chính trị”. Chỉ tính riêng năm 2007, Nhà nước dành 10 nghìn tỷ đồng cải thiện mức sống người có công: “Theo bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, với mục tiêu từng bước cải thiện mức sống của người có công với đất nước và cách mạng, trong năm 2007, Nhà nước đã dành hơn 10 nghìn tỷ đồng thực hiện chính sách ưu đãi với hơn 8 triệu lượt người,...” (Báo *Nhân Dân*, ngày 24 tháng 01 năm 2008, trang 1). Trong các khoản chi này chúng ta thấy có những khoản

chi rất lạ lùng như chi cho người 20, 30, 40 năm tuổi đảng nhưng đã chết được mấy năm. Nói tóm lại, tổng số người hưởng lương, hưởng phụ cấp thường xuyên và số người hưởng phụ cấp không thường xuyên ở Việt Nam hiện nay đã lên tới con số khoảng 20-30 triệu người. Ngoài ra Nhà cầm quyền VN còn chi cho yêu cầu chính trị bằng các danh nghĩa cho vay xoá đói giảm nghèo, cho sinh viên nghèo vay vốn...

Như vậy điều mà chúng ta, những người Dân chủ cảm nhận được và hay nhắc tới đó là ước muốn thay đổi chế độ của phần lớn dân chúng. Còn mong muốn thay đổi mới chỉ có ở một bộ phận nhỏ người dân vì nhiều lý do, trong đó có lý do quan trọng là Nhà nước VN đã chủ động ngăn chặn bằng những thủ đoạn thâm độc và xảo quyệt.

**b-** Có một hay nhiều tổ chức có cùng mục tiêu vận động, hướng dẫn, tổ chức nhân

dân. Có thể nhận thấy ngay là ở Việt Nam hiện nay chưa có một tổ chức nào, dù là bí mật hay công khai thực hiện việc vận động và hướng dẫn và tổ chức nhân dân. Có một vài tổ chức đã có cố gắng trong việc tạo lập mối liên hệ với người dân (như cứu trợ đồng bào lũ lụt, gặp gỡ, ứ lạo, giúp đỡ “Dân oan”) nhưng đều bị nhà cầm quyền VN đánh phá quyết liệt phải trở lại thế cố thủ. Việc chưa có một tổ chức để vận động cho tự do dân chủ là lẽ đương nhiên trong xã hội XHCN.

**c- Yếu tố thời cơ:** Thật đau lòng và đáng tiếc trong khi hai yếu tố cơ bản nói trên chưa hình thành thì chúng ta có rất nhiều yếu tố thời cơ xuất hiện. Trong vòng một năm qua (2007) chúng ta đã chứng kiến ba yếu tố thời cơ lớn lần lượt xuất hiện: trước hết là các cuộc biểu tình của “Dân Oan”; cuộc biểu tình của thanh niên-sinh



viên chống Trung Quốc thôn tính Hoàng Sa, Trường Sa; cuộc cầu nguyện tập thể của Công giáo đòi lại đất đai của Giáo hội.

*Về phong trào “Dân Oan” hiện nay:*

Quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá hiện nay đang diễn ra ở khắp các địa phương xuất hiện các “Dân Oan”. Các dân oan này phần lớn liên quan đến việc mất đất đai, đền bù không thoả đáng có một con số tuyệt đối là khá lớn. Nhưng bản chất cuộc đấu tranh của họ là đòi quyền lợi cá nhân mình (khi đã được đáp ứng thì không còn mục tiêu đấu tranh); hơn nữa lại chưa có một tổ chức nào có thể đứng ra vận động, hướng dẫn họ đồng thời liên kết các dân oan ở các địa phương lại. Vậy nên PTDC, đương nhiên cần có sự giúp đỡ ủng hộ dân oan, cũng chỉ nên đặt mục tiêu duy trì mối liên hệ và tìm kiếm, phát hiện các nhân tố tích cực kết nạp vào hàng ngũ của mình.

*Cuộc biểu tình của Thanh niên, sinh viên chống Trung quốc thôn tính Hoàng Sa, Trường Sa:* Sự kiện thanh niên, sinh viên biểu tình có ý nghĩa rất lớn trên nhiều khía cạnh. Từ hiệu quả của việc tiếp cận thông tin tự do, việc phá tan nỗi sợ hãi để xuống đường biểu tình thể hiện tinh thần yêu nước, đến việc nhận rõ bản chất của ĐCS và Nhà nước qua việc đàn áp các cuộc biểu tình ... Tuy nhiên, ý nghĩa thiết thực nhất lại là qua sự kiện này có một số khá đông thanh niên, sinh viên và trí thức đã và đang sẵn sàng tham gia vào PTDC. Điều đau lòng nhất là những người yêu nước, những người dân chủ lo lắng cho sự toàn vẹn lãnh thổ lại không ở vị thế và có quyền hành để giải quyết vấn đề. Một lo lắng nữa là trong tương lai, khi cuộc cách mạng dân chủ ở VN diễn ra (tôi luôn tin là sẽ trước Trung quốc) nếu Trung quốc xâm chiếm nốt quần đảo

Trường Sa thì chúng ta sẽ làm thế nào và lấy gì để bảo vệ đất nước?

*Câu nguyện tập thể đòi lại đất đai của Giáo hội Công giáo:* Một sự kiện lạ lùng và bất ngờ. Trên khía cạnh ngòi nổ cho cuộc cách mạng Dân chủ thì sự kiện này phải được đặt cao hơn hai sự kiện trên. Một mặt, đây là nguyện vọng và đòi hỏi chính đáng của một tổ chức chặt chẽ, có hơn 6 triệu thành viên, lại có sự ủng hộ của một tổ chức quốc tế có một tỷ người trên khắp thế giới. Mặt khác tính chất nan giải trong việc giải quyết thoả đáng sự việc cũng hứa hẹn những biến động không nhỏ trong tương lai. Tuy nhiên diễn biến của sự việc này phụ thuộc vào hai yếu tố quan trọng: thứ nhất, sự đoàn kết cao và kiên trì trong hàng ngũ Giáo phẩm của Giáo hội Công giáo VN, và thứ hai, cách thức giải quyết, ứng xử của Nhà nước Việt Nam. Yếu tố thứ nhất vẫn là một ẩn số bởi những thủ đoạn và việc sử dụng

những người cài cắm và khống chế được của Nhà nước VN. Yếu tố thứ hai hoàn toàn nằm trong tay Nhà nước Việt Nam. Một khi đã nằm trong tay Nhà nước Việt Nam thì rất khó có sai sót xảy ra bởi vì họ cũng hiểu nhanh và rõ ràng vấn đề hệ trọng này. PTDC Việt Nam cần có tiếng nói ủng hộ cuộc đấu tranh ôn hoà và chính đáng của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Cá nhân tôi xin thắp một ngọn nến cầu nguyện để Nhà cầm quyền VN trả lại đất đai cho Giáo hội Công giáo.

Một khía cạnh nữa để thấy được những khó khăn trong việc nổi dậy của nhân dân là so sánh với các nước Đông Âu trong cuộc cách mạng Dân chủ. Cuộc cách mạng của các nước Đông Âu thành công đã có hai nguyên nhân trực tiếp và hai nguyên nhân gián tiếp mà Việt Nam không có. Hai nguyên nhân trực tiếp là cuộc cách mạng Dân chủ Đông Âu nằm trong một chiến lược

toàn cầu của Mỹ và đồng minh trong việc giải thể các chế độ Công sản, và cam kết của Liên Xô không sử dụng vũ lực để bảo vệ các Nhà nước Cộng sản ở Đông Âu. Hai nguyên nhân gián tiếp là nhân dân các nước Đông Âu trước khi đi theo chủ nghĩa Cộng sản đã có một không gian dân chủ nhất định và các nước này nằm cạnh các nước Dân chủ ở Châu Âu.

Tựu trung lại, câu trả lời cho vấn đề thứ nhất có hay không một cuộc nổi dậy của nhân dân là: trong khả năng có thể dự đoán được sẽ không có một cuộc nổi dậy của nhân dân bởi vì chưa có đủ các yếu tố cho một cuộc nổi dậy của toàn dân. Nhưng những diễn biến gần đây (năm 2007) có thể gợi ý cho một cuộc nổi dậy bất ngờ của nhân dân nếu có thêm một yếu tố nữa: Suy thoái kinh tế toàn cầu.

## ***2/ Có hay không một cuộc chuyển đổi hình thức toàn trị của Nhà cầm quyền VN?***

Câu trả lời là có. Thời gian và kịch bản của quá trình chuyển đổi này vẫn là một ẩn số. Việc chuyển đổi này sẽ diễn ra với một điều kiện tiên quyết là bảo đảm và bảo vệ lợi ích và sự an toàn của các nhóm quyền lực hiện nay. Như vậy thực chất là các nhóm quyền lực này vẫn giữ được quyền lực. Điều này đồng nghĩa với việc sẽ không có chỗ cho lý tưởng Dân chủ thực sự. Chúng ta hãy nhìn vào quá trình chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam, sau 20 năm đổi mới, kinh tế quốc doanh vẫn là chủ đạo. Một nền kinh tế không phải kế hoạch, cũng chẳng ra thị trường - một mớ hỗn độn. Một sự chuyển đổi về chính trị, nếu cũng do ĐCS chủ trương cũng sẽ có một kết cục tương tự.

Phong trào Dân chủ cần phải làm gì?

Trước hết chúng ta cần phải làm một điều gì đó trước khi quá trình này diễn ra để có được thể chủ động. Sau nữa cần nhận thức được sự phân hoá trong PTDC chắc chắn sẽ xảy ra. Cuối cùng, những cá nhân và tổ chức thực sự vì lý tưởng Dân chủ cần nhanh chóng liên kết tạo ra sức mạnh để đối phó với nhà cầm quyền VN trong “ván bài dân chủ” của họ.

### ***3/ Một tổ chức công khai của những người Dân chủ?***

Như trên đã trình bày, trong khả năng dự đoán được sẽ không có một cuộc nổi dậy của nhân dân. Như vậy chúng ta buộc phải tính tới cách thức đấu tranh để có được sự thoả hiệp, nhượng bộ của ĐCS và Nhà nước VN. Muốn có được sự thoả hiệp, nhượng bộ thì chúng ta phải có sức mạnh, tấn công vào điểm yếu của ĐCS và Nhà nước VN - điều này tất yếu phải có một tổ chức công khai

cho những người Dân chủ đấu tranh nhằm vào chỗ yếu nhất của Nhà nước Việt Nam. Trong trường hợp có sự sụp đổ bất ngờ của nền kinh tế dẫn đến sụp đổ chế độ, chúng ta đã có một tổ chức công khai mà PTDC chủ động xây dựng nên, tránh được những kẻ cơ hội và cò mồi của ĐCS Việt Nam. Mặt khác, nếu như chúng ta có đồng thuận trong việc Nhà cầm quyền VN đang suy tính tới một chiến lược chuyển đổi mô hình toàn trị ở Việt Nam thì chúng ta càng cần phải xúc tiến gấp việc có một tổ chức công khai cho những nhà Dân chủ. Như vậy dù tình hình ở phía trước mắt có diễn biến ra sao thì việc có một tổ chức công khai cho các nhà Dân chủ vẫn là yêu cầu bắt buộc để phong trào Dân chủ chủ động đối phó với các diễn biến và thủ đoạn rất cao tay của Nhà nước VN.



#### ***4/ Mỗi quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức và PTDC bên trong và bên ngoài***

Đây là một đề tài tế nhị, ít được nhắc đến. Nhưng nếu né tránh, không thảo luận rót ráo, vấn đề này sẽ dẫn tới những sự ngộ nhận, những khó khăn trong xác lập mối quan hệ trong ngoài và sự phối hợp đem lại hiệu quả cho cả phong trào Dân chủ nói chung. Có những biểu hiện dễ thấy vấn đề này hoàn toàn không đơn giản. Có tác giả đã viết đại khái là: từ đâu và từ bao giờ người ta lại đặt đầu não của tổ chức ở nơi mà đối phương có thể tiêu diệt... hoặc: hãy từ bỏ ngôn ngữ giả dối trong nước là quyết định, ngoài nước là quan trọng (yểm trợ). Cá nhân tôi cũng được một số tổ chức hải ngoại đề nghị tham gia với nhiệm vụ cụ thể là âm thầm phát triển tổ chức đó ở trong nước.

Nhìn nhận kỹ càng hơn ta có thể thấy hai xu hướng. Các tổ chức lớn, lâu năm hoạt

động tương đối có bài bản thì luôn xác định hải ngoại là quyết định dù có nói ra hay không nói ra (có người đã thẳng thắn nói ra như trên). Các cá nhân và tổ chức nhỏ thì có quan điểm ngược lại. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải xem xét khách quan mỗi quan hệ, tương quan, sự phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức và PTDC trong nước và hải ngoại.

Ở đây cần phân định rõ các nội dung. Khi nói tới yếu tố quyết định, tôi hiểu thế này. Những cá nhân, tổ chức và phong trào Dân chủ trong nước là đối tượng quản lý trực tiếp hay có thể nói là nạn nhân trực tiếp của chế độ độc tài đảng trị. Việc đấu tranh của họ trước hết là để tự giải phóng bản thân và gia đình và sau là đồng bào mình khỏi chế độ độc tài.. Và họ chính là chủ thể của cuộc đấu tranh Dân chủ này. Những cá nhân, tổ chức và phong trào Dân chủ hải ngoại có thể trong quá khứ có nhiều cá nhân

đã từng là nạn nhân của chế độ độc tài đảng trị. Nhưng sau một thời gian sống ở nước ngoài thì họ chỉ bị ảnh hưởng gián tiếp của chế độ độc tài đảng trị trong nước (không được về thăm quê hương, gia đình họ hàng, bạn bè là nạn nhân trực tiếp...) vì vậy mục đích đấu tranh không phải là tự giải phóng mà chỉ là vì nghĩa lớn đối với quê hương, đất nước. Yếu tố quyết định là đấu tranh cho mình, vì mình.

Còn vấn đề đặt đầu não của tổ chức ở đâu để bảo đảm an toàn chỉ là một khía cạnh nhỏ của tổ chức. Sẽ có người lập luận rằng chỉ có những người trong nước hàng ngày, hàng giờ chịu sự quản lý, đối diện với Nhà cầm quyền VN, sống cùng người dân thì mới có được những chiến lược, sách lược, kế hoạch chuẩn xác kịp thời phù hợp với tình hình. Tuy nhiên, giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra quan trọng hơn lý thuyết. Hiện nay, theo suy nghĩ của cá nhân tôi, đang có

xu hướng là tất cả các tổ chức trong và ngoài nước dường như đang rất hài lòng với tổ chức của mình và đặt vấn đề phát triển tổ chức của mình lên trên mọi nhiệm vụ khác. Điều này là đúng và lý tưởng nếu như trong tương lai xảy ra tình huống sau: ĐCS Việt Nam đột nhiên tuyên bố Việt Nam chuyển sang chế độ đa nguyên đa đảng và mời tất cả các tổ chức đăng ký công khai và chuẩn bị cho một cuộc tổng tuyển cử tự do. Còn trường hợp phải đấu tranh quyết liệt, gian khổ để các tổ chức, đảng phái có được chỗ đứng trong nền chính trị đa nguyên thì xu hướng này thật đáng lo ngại.

Một xu hướng nữa là do lo ngại cho những người trong nước có thể bị đàn áp, các tổ chức ở hải ngoại chủ yếu phát triển tổ chức một cách bí mật. Phương thức này gặp hai khó khăn trở ngại lớn. Thứ nhất sẽ rất khó khăn, thu hút, kết nạp thêm người vì việc nhận thức ý nghĩa, sự cần thiết tham gia

vào tổ chức, đảng phái khó khăn bao nhiêu đối với người dân thì ngược lại họ dễ dàng nhận thấy sự nguy hiểm khi tham gia vào các tổ chức bí mật bấy nhiêu. Thứ hai, đây là lỗ hổng chết người để an ninh Việt Nam cài người vào các tổ chức. Cá nhân tôi cho rằng, nếu như các tổ chức ở hải ngoại bí mật phát triển ở Việt Nam thì số người của an ninh Việt Nam trong đó ít nhất cũng phải trên 50%. Giải thích điều này không khó. Phần lớn những người tham gia đấu tranh Dân chủ là vì tấm lòng, họ không được đào tạo (và nếu có đào tạo thì cũng rất sơ sài) tất cả các nghiệp vụ để hoạt động bí mật. Trong khi đó, Nhà nước VN có nhiều cơ quan tình báo, phản gián với đầy đủ nghiệp vụ và phương tiện trong tay thì làm sao họ lại không phát hiện được các tổ chức hoạt động bí mật. Tuy nhiên, nguyên tắc của họ là âm thầm theo dõi và cài cắm người vào các tổ chức đó. Trường hợp cần thiết như vụ việc

các đảng viên cao cấp của Việt Tân về nước hoạt động, họ mới ra tay (hoặc như các vụ việc của tổ chức Việt Nam Tự do của ông Nguyễn Hữu Chánh đều bị phát hiện và vô hiệu hoá).

Chính vì các lý do trên, nên chẳng các tổ chức cần hướng mục tiêu vào các hoạt động để được công nhận sự tồn tại của các tổ chức, đảng phái trước khi tìm kiếm lợi thế cho tổ chức của mình. Trong vấn đề này, như nội dung thứ ba đã đề cập về việc cần có một tổ chức công khai, các tổ chức cần xem xét để ủng hộ, thúc đẩy việc hình thành một tổ chức công khai trong nước (có thể một tổ chức, đảng phái đã có sẵn ra công khai). Một tổ chức công khai trong nước là tiền đề, cơ sở cho việc công nhận tất cả các tổ chức, đảng phái khác.

## **Về dự án: “Giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt Nam”**

Tôi xin trình bày thật ngắn gọn một lần nữa dự án này vì thật ngạc nhiên đến nay có những người vẫn không hiểu được thật đúng và đầy đủ dự án. Làm việc này tôi không hy vọng nhiều vào sự thay đổi nhận thức của mọi người mà chỉ yên tâm cho bản thân mình vì đã cố gắng hết mọi khả năng.

Trước hết và trên hết, đây là một dự án giám sát các nguồn viện trợ nước ngoài để sử dụng đúng mục đích và không bị thất thoát. Việc giám sát và chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại VN đem lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia: các Chính phủ Dân chủ, các Định chế tài chính quốc tế; Nhà nước Việt Nam; Nhân dân Việt Nam. Khi thực hiện thành công dự án này sẽ xuất hiện các lợi thế lớn cho

PTDC bởi vì việc chống tham nhũng là việc bất khả thi của ĐCS và Nhà nước VN. Đồng thời nếu như có một hội như Hội bảo vệ các nguồn Viện trợ nước ngoài tại Việt Nam được thành lập sẽ là tiền đề cho một tổ chức công khai của những người Dân chủ.

*Những ưu thế lớn của Dự án:* Như trên đã trình bày, dự án này có một ưu thế lớn là sự chính đáng, hợp lý, hợp tình. Đồng thời việc đề nghị sự giúp đỡ của quốc tế khác với hầu hết các dự án mà PTDC đã và đang đưa ra. Đó là sự giúp sức, can thiệp của quốc tế là không hề bị giới hạn và Nhà nước VN không thể phản đối với lý do muôn thuở “can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam”. Một ưu thế khác là khi thực hiện dự án này, thể chủ động hoàn toàn thuộc về chúng ta và sự giúp sức của quốc tế (cũng là do sự vận động của PTDC). Dù cho Nhà nước Việt Nam có tài giỏi và nỗ lực bao nhiêu thì trong dự án này họ vẫn ở thế



bị động. Cuối cùng, như có người đã thừa nhận với tôi, dự án này hoàn toàn nằm trong tầm tay của các tổ chức Dân chủ hải ngoại. Việc thực hiện dự án này so với những công việc họ đã và đang làm không hề khó khăn, phức tạp (chưa nói tới kết quả).

*Khó khăn của Dự án:* Khó khăn lớn nhất của Dự án là cần có sự đồng thuận rất cao đối với PTDC, nhất là ở hải ngoại. Bởi vì dự án này đánh trúng vào điểm yếu nhất của ĐCS và Nhà nước VN, là vấn đề sống còn đối với chế độ hiện nay đương nhiên họ sẽ tung hết các khả năng để vô hiệu hoá những cố gắng của PTDC. Như vậy, chỉ có những cố gắng cao nhất của PTDC, với sự tham gia của hầu hết các cá nhân, tổ chức mới hy vọng có thành công. Đó chính là lý do mà những người đưa ra dự án đã gửi dự án tới tất cả mọi tổ chức cá nhân chứ không chuyên riêng cho một vài tổ chức hoặc cá nhân. Vậy nên mong muốn lớn nhất của

chúng tôi là Dự án được đưa ra bàn bạc, thảo luận công khai để tìm kiếm sự đồng thuận và sau đó là thực hiện hoặc không thực hiện.

*Những phản biện mà Dự án nhận được:*

+ Có người đã viết và nói rằng, do tình trạng tham nhũng ở Việt Nam rất trầm trọng và tất cả đều nằm trong hệ thống Nhà nước nên việc kiến nghị đó là ảo tưởng, không khả thi. Thật đáng tiếc là những người này không đọc kỹ và hiểu đúng các văn bản. Dự án kiến nghị các Chính phủ Dân chủ, các Định chế tài chính quốc tế việc thành lập một cơ quan giám sát độc lập (của quốc tế) đối với các nguồn Viện trợ nước ngoài tại Việt nam. Còn Đơn xin thành lập Hội là có Hội để giúp đỡ Cơ quan Giám sát đó hoạt động cho có hiệu quả chứ không phải Hội đứng ra giám sát. Việc có giám sát

được hay không, có hiệu quả hay không không phụ thuộc vào Nhà nước Việt Nam, các cán bộ tham nhũng của Nhà nước Việt Nam mà phụ thuộc vào cơ chế, cách thức giám sát và những người thực hiện việc giám sát.

+ Có những người lại cho rằng, các định chế tài chính quốc tế có nhiều người có trình độ, nghiệp vụ và kinh nghiệm còn không thực hiện nổi việc giám sát thì làm sao dự án này có thể thực hiện thành công được. Xin trả lời rằng, những người thực hiện việc giám sát vẫn là các cán bộ, nhân viên của quốc tế (các chính phủ dân chủ, các định chế tài chính quốc tế vì đó là cơ quan giám sát của quốc tế) với sự giúp sức của người Việt Nam đang sống ở Việt Nam hiểu rõ các thủ đoạn, cách thức mà những người Việt Nam (quan chức) đã và đang sử dụng để tham nhũng. Và tôi khẳng định chúng ta

hoàn toàn có thể có cơ chế để giám sát hiệu quả các nguồn viện trợ này.

+ Làm sao để quốc tế giúp sức khi mà mỗi một định chế tài chính đều có cơ quan giám sát, theo dõi riêng đang hoạt động. Trước hết, để có được sự giúp sức của quốc tế trong mối quan hệ với các quốc gia như hiện nay không phải là dễ. Những người đề xuất dự án đều biết rằng, trên bình diện vay nợ của quốc gia thì các khoản vay, viện trợ này của quốc tế là không thể mất được (dù có thay đổi chế độ vẫn phải trả nợ), hơn nữa Việt Nam có được sự quan tâm của quốc tế cũng vì vị thế của Việt Nam trong mối tương quan với Trung quốc. Tuy nhiên, chúng ta cần tác động vào vấn đề lương tâm, danh dự và trách nhiệm của các chủ nợ đối với nhân dân Việt Nam. Đồng thời chúng ta còn có những sự ủng hộ, giúp sức của bạn bè quốc tế, những lực lượng Dân chủ tiến bộ

trên thế giới. Còn việc mỗi một định chế tài chính đều có một cơ quan giám sát đang hoạt động riêng biệt, chúng ta có những ví dụ phản biện giá trị như vụ việc PMU18, khi mà cơ quan thanh tra của Ngân hàng thế giới đã có kết luận không có tiêu cực, tham nhũng trong các dự án của PMU18. Ví dụ này mới nhìn vào thấy bất lợi cho dự án (giám sát và chống thất thoát) nhưng thực ra lại là thuận lợi bởi vì việc Bùi Tiến Dũng và PMU 18 tham nhũng thì một đứa trẻ ở Việt Nam đều biết và kết luận của các thanh tra Ngân hàng thế giới không hề khó hiểu. Chúng ta chỉ cần trả lời hai câu hỏi sau là sẽ hiểu ra được vấn đề. Câu 1, các thanh sát viên của Ngân hàng thế giới khi thanh tra các dự án của PMU 18 có cần sự giúp đỡ của các cơ quan hữu trách ở Việt Nam không? Câu 2, nếu như cuộc thanh tra này phát hiện được PMU 18 tham nhũng có ảnh

hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn vay, viện trợ của Việt Nam không?

## **Kết luận**

Cuối bài viết, tôi có đôi lời tâm huyết. Hiện nay chúng ta có những tổ chức ở trong nước, phần nhiều mang tính hình thức. Một sự kết hợp thực sự trong nước đang gặp rất nhiều khó khăn. Thời gian và cơ hội cho những người có lý tưởng dân chủ thực sự không còn nhiều. Trong khi chờ đợi một biến động lớn chưa biết khi nào tới thì chúng ta vẫn có một khả năng tạo được sự đột phá bằng việc cố gắng có một tổ chức công khai của những người Dân chủ. Dự án “Giám sát và Chống thất thoát trong sử dụng viện trợ nước ngoài tại Việt Nam” là một gợi ý. Hoặc nếu có một dự án khác khả thi hơn cũng rất tốt. Tôi rất mong muốn và đề

ngợi các tổ chức Dân chủ, các cá nhân trong và ngoài nước nghiên cứu bốn vấn đề (nội dung) đã nêu ở trên, thảo luận và đi tới thống nhất một đường hướng chung, rõ ràng cho PTDC nhằm giúp tạo ra bước ngoặt, nâng PTDC lên một tầm cao mới ngõ hầu đạt được kết quả chúng ta hằng mong muốn trong những năm tiếp theo. Tôi vẫn rất hy vọng và tin tưởng một mùa xuân mới của dân tộc sẽ đến trong một tương lai gần.

*Hà Nội, ngày 28/02/2008*

(Viết từ ngày 08/01/2008 đến ngày 02/02/2008)

***Nguyễn Vũ Bình***

# DÂN CHỦ

## Chương I CƠ SỞ TƯ TƯỞNG

Lịch sử xã hội loài người là lịch sử quá trình con người đấu tranh tìm kiếm tự do. Quá trình này bao gồm giai đoạn tự do nguyên thủy của con người, giai đoạn mất tự do và cuối cùng là giai đoạn con người tìm được tự do trong toàn thức (ý thức toàn thể, toàn diện).

Nhu cầu có tính nền tảng của con người là tự bảo tồn. Chính nhu cầu căn bản này của cuộc sống con người đã đưa con người từ tự do nguyên thủy đến chỗ mất tự do. Đó là một giai đoạn lịch sử rất dài, khởi



đầu từ xung đột và dẫn tới sự diệt vong của một số bộ lạc. Ý thức tự bảo tồn nòi giống con người với tư cách bộ lạc xuất hiện. Sự hình thành tập thể để bảo tồn nòi giống bắt buộc con người phải tuân theo những quy định và sự quản lý, lãnh đạo chính là bước đi đầu tiên của con người tới chỗ mất tự do. Cùng với tiến trình của lịch sử, sự xuất hiện tù binh, quá trình phóng thích tù binh và hoà nhập vào xã hội đã làm phai nhạt ý thức bảo tồn nòi giống với tư cách bộ lạc. Thay vào đó là ưu tư bảo tồn con người với tư cách một vùng, một khu vực địa lý – đây chính là quá trình xuất hiện các lãnh địa và lãnh chúa... tiếp theo là vương quốc, nhà nước dân tộc. Nếu nhu cầu tự bảo tồn của con người buổi bình minh đưa đến sự mất tự do của mình thì chính nhu cầu tự bảo tồn con người với tư cách nhân loại – trên phạm vi toàn cầu – chính là bước cuối cùng để con người đạt được tự do trong toàn thức.

Có hai quan niệm làm cơ sở cho cách thức tổ chức đời sống của con người. Một quan niệm cho rằng xã hội, hoặc quốc gia là một thực tại bên trên cá nhân các công dân. Quốc gia có thể sử dụng sức mạnh của nó trên các công dân nhân danh toàn thể dân chúng. Quan niệm thứ hai cho rằng, không có cái được gọi là xã hội. Chỉ có các cá nhân cùng nhau quyết định các nguyên tắc và các quy định nhằm mang lại phúc lợi cho nhau, và cùng nhau hợp đoàn để làm những điều vượt quá khả năng của một con người hoặc một gia đình. Những lập luận trong cuốn sách này đặt trên cơ sở Chủ nghĩa Tự do. Theo đó, cá nhân là một thực thể độc đáo, hoàn toàn độc lập, giữ vai trò quyết định và phải được ưu tiên trên hết so với cộng đồng, tập thể, xã hội, nhà nước. Cá nhân hoàn toàn có đầy đủ lý trí và năng lực để làm chủ bản thân và quyết định tất cả các hành vi của mình, do đó cá nhân được hoàn toàn tự do

trong mọi hành động, miễn là hành động của cá nhân này không làm tổn hại đến cá nhân khác.

Sở dĩ có sự tồn tại song song hai quan niệm trên bởi vì nó phản ánh thực tiễn vận động của hai cấu trúc dân chủ tương đối khác nhau hiện nay. Một bên là thể chế dân chủ Hoa Kỳ, đặt hoàn toàn trên cơ sở của chủ nghĩa tự do, được hình thành và xây dựng trong một hoàn cảnh đặc biệt. Và một bên là toàn bộ các nhà nước dân chủ còn lại hiện nay. Tính chất giằng co của hai quan niệm trên càng thêm quyết liệt bởi cấu trúc dân chủ Hoa Kỳ, có ưu thế vượt trội nhưng lại không (chưa) áp dụng được cho bất cứ quốc gia nào. Đồng thời, sự mong manh của các thể chế dân chủ ngoài Hoa Kỳ và Tây Âu đã tiếp sức cho sự tồn tại của quan niệm đặt xã hội lên trên cá nhân.

Tại sao nền dân chủ Hoa Kỳ, đặt trên nền tảng là chủ nghĩa tự do, trên thực tế đã

thể hiện ưu thế vượt trội, lại chưa áp dụng được cho bất kỳ quốc gia nào? Tại sao các nền dân chủ ngoài Hoa Kỳ và Tây Âu lại mong manh và vô cùng khó khăn để vượt qua cái ngưỡng dân chủ tuyên cử để trở thành dân chủ tự do? Bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay có vai trò gì và tác động như thế nào trong hành trình tìm kiếm tự do của loài người?

Trước hết cần phân biệt sự khác nhau của hai hình thái dân chủ Hoa Kỳ và Tây Âu. Điểm khác biệt quan trọng nhất là quá trình hình thành nền dân chủ Hoa Kỳ đi cùng với quá trình hình thành quốc gia dân tộc, của những con người bình đẳng, không bị ràng buộc vào quá khứ và vào bất cứ vấn đề gì. Chính vì vậy, quốc gia (chính quyền) được xây dựng phản ánh nguyện vọng bảo đảm và bảo vệ tự do cho các thành viên. Nền dân chủ của các nước Tây Âu ra đời dựa trên nhu cầu giải phóng con người khỏi

sự áp bức của các chính quyền chuyên chế trước đó. Việc giải phóng con người như vậy (tự do con người có được) diễn ra từng bước, tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể và tương quan giữa các lực lượng tiến bộ và bảo thủ của các cuộc cách mạng. Mặt khác, các dân tộc của Tây Âu đã được hình thành trước khi con người có tự do. Yếu tố dân tộc rất quan trọng vì nó là cốt lõi của quốc gia – dân tộc, phản ánh nhu cầu tự bảo tồn nội giống với tư cách một quốc gia dân tộc.

Các quốc gia dân chủ ngoài Hoa Kỳ và Tây Âu cũng có quá trình hình thành nền dân chủ giống như sự hình thành nền dân chủ của các nước Tây Âu, tức là quá trình giải phóng con người trên cơ sở các dân tộc sẵn có. Tuy vậy, do đi tiên phong giải phóng con người nên các nền dân chủ Tây Âu đã phải dò tìm và tự thiết kế lấy các thiết chế dân chủ của mình. Các nước khác, dù nền dân chủ hình thành từ các cuộc cách mạng

xã hội toàn diện hay những thay đổi lớn trong từng lĩnh vực, cũng đã có (và ứng dụng) các kinh nghiệm, cơ chế, cấu trúc của các nền dân chủ trước đó. Do không có các điều kiện hình thành nền dân chủ giống như Hoa Kỳ, tức là nền dân chủ hình thành cùng với sự hình thành quốc gia, dân tộc trên cơ sở những con người bình đẳng, không có ràng buộc gì từ quá khứ là một nguyên nhân quan trọng mà hình thái dân chủ ưu việt của Hoa Kỳ chưa áp dụng được cho bất kỳ quốc gia nào. Nhưng quan trọng hơn, các nguyên lý để xây dựng nên các nền dân chủ được rút ra từ hai hình thái dân chủ Hoa Kỳ và Tây Âu chưa phản ánh được một cách chính xác các yếu tố cốt lõi của một kết cấu dân chủ thực sự. Đó chính là lý do cho sự mong manh của các nền dân chủ ngoài Hoa Kỳ và Tây Âu hiện nay.

Bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay mở ra một cơ hội vô cùng rộng lớn cho việc hình

thành và xây dựng các nền dân chủ. Không những thế, toàn cầu hoá đã làm phát lộ khả năng kết nối các nền dân chủ, thúc đẩy và mở rộng quy mô dân chủ trên phạm vi toàn cầu, đưa con người bước sang ***vương quốc của tự do.***

## Chương II

# **KHÁI NIỆM, TIỀN ĐỀ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA DÂN CHỦ**

Dân chủ là một phương thức tổ chức xã hội bảo đảm cao nhất tự do của con người.

Tự do của con người là một ý niệm. Nó bao gồm quyền con người và khả năng tự bảo vệ quyền con người của mỗi một cá nhân.

Vì vậy:

***Dân chủ là phương thức tổ chức xã hội bảo đảm cao nhất quyền con người và khả năng tự bảo vệ quyền con người của mỗi một cá nhân***

Chúng ta đều biết rằng, có một sự tương đối trong các khái niệm của triết học chính trị. Mặt khác, dân chủ là một vấn đề lớn, phức tạp và liên quan tới nhiều phương diện của cuộc sống. Chính vì vậy, đã có rất nhiều các định nghĩa về dân chủ. Vậy thì định nghĩa trên đây được khái quát từ đâu và tại sao lại là như vậy?

Nghiên cứu sự hình thành và phát triển của hình thái dân chủ Hoa Kỳ, một hình thái dân chủ vượt trội, vững chắc lại được hình thành trong các điều kiện đặc biệt lý tưởng, có một câu hỏi được đặt ra là, những yếu tố nào đã khiến cho cấu trúc dân chủ Hoa Kỳ tồn tại và tự hoàn thiện qua rất nhiều thử thách như vậy? Có hai yếu tố quan trọng nhất, xuyên suốt giữ cho con tàu



dân chủ Hoa Kỳ không chệch hướng mà vẫn băng băng tiến lên phía trước, đó là sự bình đẳng của những con người buổi đầu tham gia thiết kế cấu trúc dân chủ đó (sau này phát triển lên thành sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật) và ý thức tự bảo vệ quyền con người của mỗi thành viên (sau này chuyển hoá thành khả năng tự bảo vệ quyền con người của mỗi cá nhân trong xã hội).

Như vậy, có hai yếu tố cốt lõi bảo đảm sự bền vững và tự hoàn thiện của thể chế chính trị dân chủ Hoa Kỳ. Yếu tố thứ hai, đã được khái quát thành định nghĩa về dân chủ. Yếu tố thứ nhất, sự bình đẳng của các cá nhân trong xã hội chính là tiền đề của dân chủ. Nhưng đối với Hoa Kỳ, sự bình đẳng ban đầu là tự nhiên, phát triển thành sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật. Còn đối với các quốc gia khác, không có

được sự may mắn này thì làm thế nào để có được sự bình đẳng?

*Tiền đề của dân chủ: là sự chấp nhận và thừa nhận sự khác nhau và khác biệt của mỗi cá nhân con người, mỗi một nhóm người, tập thể đại diện cho từng sắc tộc, tôn giáo, vùng và địa phương*

Như vậy, muốn có được sự bình đẳng thì cá nhân và xã hội cần phải chấp nhận và thừa nhận sự khác nhau và khác biệt của con người trên hai phương diện: cá nhân – là sự khác nhau về chủng tộc, hình thức, tính cách...; tập thể - sự khác nhau giữa các sắc tộc, tôn giáo, vùng và địa phương.

Cần nhấn mạnh rằng, trải qua chiều dài của lịch sử, sự khác nhau và khác biệt giữa những cá nhân và nhóm người là rất lớn. Vì vậy, nói tới tiền đề của dân chủ cũng có nghĩa là nói tới quá trình xây dựng tiền đề. Một câu hỏi quan trọng được đặt ra là, làm thế nào để có sự thừa nhận và chấp

nhận lẫn nhau giữa những con người, sắc tộc, tôn giáo, các địa phương đã có mâu thuẫn, hiềm khích và thù hận trong quá khứ, thậm chí hiện tại? Chúng ta cần xây dựng một triết lý, một văn hoá ứng xử tuy không mới nhưng chưa trở thành phổ biến: tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc.

Như vậy, việc xây dựng tiền đề của dân chủ, trong phần lớn các quốc gia, là xây dựng tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc.

Một nền dân chủ muốn được xây dựng thành công cũng cần phải có những điều kiện xã hội nhất định. Có những điều kiện tiên quyết (bắt buộc, phải có ngay lập tức) và những điều kiện cần có được xây dựng theo thời gian.

*Điều kiện tiên quyết:* Không có chiến tranh hoặc nội chiến. Bởi vì chiến tranh là trạng thái không bình thường của con người và toàn xã hội. Không thể xây dựng một xã

hội dân chủ trong điều kiện con người và xã hội trong trạng thái không bình thường.

*Điều kiện cần có:* - không có sự phân biệt và kỳ thị chủng tộc; - không có sự phân biệt và xung đột sắc tộc; - không có sự phân biệt và xung đột tôn giáo.

Ở đây cụm từ phân biệt và xung đột phải được hiểu theo ý nghĩa của từ ghép, bởi vì có thể có phân biệt và giúp đỡ một số sắc tộc ít người, hoặc một tôn giáo là quốc giáo chỉ được phân biệt với ý nghĩa số đông dân chúng đi theo tôn giáo đó.

Sự khác nhau và khác biệt của con người và tập thể cũng chính là đặc trưng quan trọng của một nền dân chủ. Mỗi một con người, với khả năng nhận thức, sở thích và điều kiện sống khác nhau sẽ theo đuổi các việc làm, ngành nghề khác nhau và sẽ đạt được các kết quả khác nhau trong xã hội. Tương tự như vậy, một tập thể đại diện cho một sắc tộc, một tôn giáo, một địa phương

đều có những đặc điểm, đặc trưng riêng biệt. Sự đa dạng, phong phú trong hình ảnh của mỗi cá nhân, tập thể phản ánh sự chín muồi của tiền đề và các điều kiện của dân chủ, cũng như bản thân nền dân chủ.

### Chương III

## **NỘI DUNG CỦA DÂN CHỦ**

Có rất nhiều nội dung và vấn đề trong một phương thức tổ chức xã hội. Song, bất kỳ một phương thức tổ chức xã hội nào cũng phải giải quyết ba vấn đề cơ bản sau đây của xã hội: 1 – vấn đề Chính quyền; 2 – Vấn đề Luật; 3 – Vấn đề con người.

Bản chất của phương thức tổ chức xã hội sẽ được dùng làm cơ sở để giải quyết ba vấn đề trên. Điều đó cũng có nghĩa là, cách thức giải quyết ba vấn đề trên sẽ bộc lộ bản chất của một phương thức tổ chức xã hội.

Phương thức tổ chức xã hội dân chủ sẽ giải quyết ba vấn đề bằng các nội dung sau.

### 1/ Vấn đề Chính quyền

Hiện nay có hai cách hiểu khi đề cập tới vấn đề chính quyền. Hiểu theo nghĩa rộng, chính quyền được hiểu là Nhà nước với ba chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp, đồng thời đại diện quốc gia. Theo nghĩa hẹp, chính quyền đồng nghĩa với chính phủ, thực hiện chức năng hành pháp. Nhưng trong nhiều trường hợp và văn bản, chính quyền đồng nghĩa với Nhà nước. Dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp thì bản chất của chính quyền dân chủ không thay đổi: *là một định chế được xây dựng để bảo đảm và bảo vệ quyền con người trong một phạm vi địa lý nhất định.*

Xuất phát từ bản chất của chính quyền dân chủ, có hai nội dung chính cần được xem xét, lý giải và thực hiện.

a/ Chính quyền là một định chế được xây dựng để bảo đảm quyền con người: Đúng vậy, quyền con người, yếu tố cốt lõi trong nền dân chủ, dù được tất cả mọi người trong xã hội công nhận và thừa nhận, cũng không phải bỗng dưng mà có. Nó phải được tổ chức trên bình diện xã hội, cực kỳ khoa học và vô cùng công phu, gian khổ. Những khó khăn và hạn chế trong việc bảo đảm quyền con người ở các nước dân chủ ngoài Hoa Kỳ và Tây Âu phần lớn do việc tổ chức và xây dựng chính quyền còn nhiều bất cập. Tuy nhiên, khi đã xác định chính quyền được xây dựng để bảo đảm quyền con người là chúng ta đã đóng khung được một phần chức năng của chính quyền, từ đó tổ chức chính quyền hợp lý và hiệu quả hơn.

b/ Chính quyền là một định chế được xây dựng để bảo vệ quyền con người. Trong hoạt động sống của mình, quyền con người thường bị vi phạm bởi việc sử dụng sức

manh. Trong xã hội văn minh, việc sử dụng sức mạnh cần phải bị loại trừ. Quyền sống của con người kéo theo quyền tự vệ, sử dụng sức mạnh trả đũa nhắm vào những kẻ đã ra tay sử dụng sức mạnh trước. Nhưng việc dùng sức mạnh trả đũa không thể tùy thuộc vào ý muốn của mỗi một cá nhân. Nó đòi hỏi những luật khách quan, do các bằng chứng đưa ra để xác định một tội ác và chứng minh ai đã phạm tội ác đó. Khi sức mạnh bị cấm trong quan hệ xã hội, con người cần một thể chế nắm nhiệm vụ bảo vệ các quyền lợi của họ, dưới sự điều chỉnh của một tập hợp các luật lệ khách quan.

Mặt khác, trong xã hội tự do, một người không bị bắt buộc giao dịch với người khác. Họ chỉ giao dịch trên cơ sở tự nguyện, có hợp đồng nếu giao dịch diễn ra trong một thời gian. Nếu hợp đồng bị phá vỡ do quyết định tùy tiện của một bên sẽ gây tổn hại tài chính và thảm họa cho người kia...và ở đây



cũng cần một thể chế làm chức năng trọng tài giải quyết các bất đồng giữa mọi người với nhau, theo luật khách quan.

Ngoài ra, quá trình xây dựng các định chế của một chính quyền là quá trình phức tạp, chưa có nguyên lý chuẩn xác, là quá trình tìm tòi, trải nghiệm. Bản thân quá trình xây dựng và vận hành định chế chính quyền cũng bao hàm trong nó những vi phạm quyền con người. Vì vậy, trong định chế chính quyền được lập ra cũng phải bao hàm trong nó một cơ chế để cá nhân có thể tự bảo vệ quyền con người của mình.

Như vậy, chính quyền được xây dựng để bảo đảm quyền con người, bảo vệ con người khỏi tội ác, khỏi các thế lực ngoại xâm, làm trọng tài giải quyết tranh chấp giữa con người theo luật khách quan và cũng là để cá nhân tự bảo vệ quyền con người của mình.

## 2– Vấn đề Luật

Theo nghĩa chung nhất, luật là những quy định để điều chỉnh hành vi của con người trong xã hội. Bất kỳ xã hội nào cũng cần và cũng có luật. Sự khác nhau về luật giữa các phương thức tổ chức xã hội khác nhau là nguồn gốc, chức năng, việc thực hiện và bảo vệ luật. Trong một xã hội dân chủ, điều đặc biệt dễ thấy nhất là luật có mặt ở khắp mọi nơi, tất cả các lĩnh vực, ngành nghề, các cấp trong đời sống, sinh hoạt của mọi tầng lớp người dân. Theo ý nghĩa cơ học, sự đa dạng, phong phú và số lượng luật phản ánh mức độ của một xã hội văn minh. Số lượng luật chính là số lượng các tương quan lợi ích được đưa vào điều chỉnh. Chúng ta xem xét mối tương quan của luật đối với quyền con người, và cao hơn nữa, là đối với tự do trong xã hội dân chủ.

Các quyền con người muốn được ra đời cần phải có luật, bản thân quyền con

người tồn tại bằng luật, và việc bảo vệ quyền con người cũng phải dùng công cụ là luật. Tương tự như vậy, khả năng bảo vệ quyền con người của mỗi cá nhân (ngoại trừ yếu tố khát vọng, động cơ của bản thân con người) đều được bảo đảm và liên quan mật thiết tới luật. Như vậy, ta có thể kết luận: *luật chính là bà đỡ, là hiện thân, là linh hồn của tự do và cũng là công cụ để bảo vệ tự do*. Chúng ta xây dựng nên luật, đối xử với luật như thế nào cũng chính là chúng ta xây dựng nên tự do và đối xử với tự do như vậy. Đây chính là tinh thần thượng tôn pháp luật trong các xã hội dân chủ.

Để bảo đảm đúng tinh thần thượng tôn pháp luật, một xã hội dân chủ cần đặt luật như một đối tượng đặc biệt cần được xây dựng và hoàn thiện với tư cách một cơ chế, một cấu trúc và một thiết chế. Đồng thời, định hướng nội dung của luật không gì

khác hơn ngoài việc: bảo đảm và bảo vệ quyền con người.

a- Luật là đối tượng đặc biệt, được xây dựng và hoàn thiện với tư cách là một cơ chế, một cấu trúc và một thiết chế

Trong quá trình xây dựng chính quyền, việc xây dựng và thực thi luật cũng được đặt ra và thực hiện, đặc biệt có cả một cơ chế tam quyền phân lập để làm việc này. Tuy nhiên, khi chúng ta đặt luật là một đối tượng đặc biệt, như một chỉnh thể riêng biệt và hoàn chỉnh thì sẽ có sự khác biệt rất lớn, từ quan niệm đến việc tập trung sự chú ý và nguồn lực, cũng như sự giám sát của nhân dân và sẽ dẫn tới sự khác biệt tích cực trong xây dựng, thực thi và hoàn thiện luật.

Sự tách biệt lập pháp, hành pháp và tư pháp thực ra là sự phân công chức năng để bảo đảm luật được ra đời và hình thành phản ánh đúng nguyện vọng của người dân, để việc thực thi luật được bình đẳng và nghiêm

minh, để luật được bảo vệ một cách khách quan và công bằng. Tức là quá trình xây dựng và vận hành, thực thi và bảo vệ luật không bị bóp méo bởi việc tập trung nhiều chức năng trong tay một chủ thể. Mặt khác, để sự vận hành trôi chảy, từ lúc hình thành cho tới khi thực thi và bảo vệ luật không bị tắc nghẽn, chúng ta cần có một cấu trúc xã hội tương ứng với cơ chế phân công chức năng. Sau một thời gian, khi mà cả cơ chế và cấu trúc xã hội, trải qua quá trình tìm tòi, trải nghiệm, đã bảo đảm được chức năng, nhiệm vụ của mình, chúng ta cần xác lập một thiết chế xã hội dựa trên cơ chế và cấu trúc đó.

b- Chức năng của luật: bảo đảm và bảo vệ quyền con người

Để thực hiện được chức năng bảo đảm và bảo vệ quyền con người, luật và hệ thống luật cần thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Xác quyết quyền con người: không nghi ngờ gì nữa, yêu cầu quan trọng nhất đối với luật là xác quyết quyền con người. Đó là các quyền cơ bản về tự do cá nhân của con người bao gồm: quyền sống, quyền sở hữu, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng, quyền mưu cầu hạnh phúc. Xác quyết các quyền cơ bản về tự do dân sự - chính trị như: quyền tự do ứng cử, bầu cử; quyền tự do hội họp và lập hội; quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật; quyền được tổ tụng đúng đắn và xét xử công bằng.... Luật cũng phải xác quyết một hệ thống các quyền đi theo các quyền cơ bản và các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội và đời sống.

- Luật tham gia quá trình xây dựng cơ chế, cấu trúc và thiết chế xã hội bảo đảm và bảo vệ quyền con người. Quá trình xây dựng chính quyền, quá trình xây dựng cơ chế, cấu trúc và thiết chế xã hội đều có sự tham gia

của luật. Những định hướng nội dung bảo đảm và bảo vệ quyền con người của luật giúp cho các quá trình này được thực hiện nhanh chóng, hoạt động được hiệu quả và bền vững hơn bởi sự cộng hưởng mục đích.

- Luật tham gia xây dựng nhận thức về quyền con người, về tự do, dân chủ và ý thức tự bảo vệ quyền con người cho người dân. Vai trò của nhận thức về quyền con người, về tự do, dân chủ để từ đó hình thành ý thức tự bảo vệ quyền con người của người dân là vô cùng quan trọng. Việc nhận thức này không thể do người dân tự tìm hiểu mà cần phải được sự hướng dẫn, giáo dục và quy định bằng luật pháp đối với các cơ quan chức năng của chính quyền. Vì vậy, việc tham gia xây dựng nhận thức cho người dân về quyền con người và về tự do, dân chủ là nội dung quan trọng trong chức năng bảo đảm và bảo vệ quyền con người của luật.

### 3- Vấn đề con người

Các phương thức tổ chức xã hội đều phải giải quyết vấn đề con người. Một cách giản dị: ai, nhóm người nào chi phối quá trình xây dựng và hoạt động của chính quyền, của hệ thống luật? và hệ thống chính quyền và luật pháp đó hoạt động đem lại và bảo vệ lợi ích cho ai, nhóm người nào? Phương thức tổ chức xã hội dân chủ đã xác quyết, trong nguyên lý và trong các hiến pháp dân chủ: nhân dân chính là chủ thể của quá trình xây dựng và hoạt động của hệ thống chính quyền và luật pháp. Đồng thời hoạt động của chính quyền và hệ thống luật pháp bảo đảm và bảo vệ lợi ích của nhân dân. Nói cách khác, quyền lực thuộc về nhân dân. Vấn đề đặt ra ở đây là, làm thế nào để người dân *thực sự* tham gia vào quá trình xây dựng các thể chế xã hội và làm thế nào để các thể chế xã hội đó bảo đảm quyền con người và khả năng tự bảo vệ quyền con



người của mỗi cá nhân? Có hai nội dung phương thức tổ chức xã hội dân chủ cần thực hiện. Đó là xây dựng nhận thức về quyền con người, về tự do, dân chủ cho người dân và xây dựng cơ chế để mỗi cá nhân có thể tự bảo vệ quyền con người của mình.

a. Nhận thức về quyền con người, về tự do, dân chủ

Quyền con người là một khái niệm rất mới trong lịch sử nhân loại. Có hai luận thuyết về nguồn gốc quyền con người, một số người khẳng định quyền là tặng phẩm của Chúa trời, số người khác thì cho rằng quyền là tặng phẩm của xã hội. Nhưng trên thực tế, nguồn gốc quyền là bản chất con người. Con người là thực thể thuộc một loài đặc biệt - thực thể có lý trí – con người không thể hành động hiệu quả dưới sự cưỡng ép, quyền là điều kiện cần cho sự tồn tại đặc biệt của con người. Vậy, quyền là

nguyên tắc đạo đức xác định và thừa nhận sự tự do hành động của con người trong một xã hội nhất định. Chỉ có một quyền cơ bản mà thôi – tất cả các quyền khác là kết quả hoặc hệ quả tất yếu của quyền cơ bản này – quyền của con người đối với đời sống cá nhân. Đời sống là một quá trình hành động tự duy trì và tự sinh sôi; quyền đối với đời sống tức là quyền hành động tự duy trì và tự sinh sôi – có nghĩa là: tự do tiến hành tất cả các hành động mà tự nhiên đòi hỏi từ một thực thể có lý trí, để hỗ trợ, thúc đẩy, hoàn thành và hưởng thụ đời sống riêng của mình. Đó là ý nghĩa của quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Trong thực tế cuộc sống, quyền con người được xác định trên hai phương diện: quyền tự do cá nhân con người và quyền tự do chính trị-dân sự của con người (quyền công dân).

- Quyền tự do cá nhân con người bao gồm các quyền cơ bản sau:

+ Quyền Sống: là nguồn của mọi quyền

+ Quyền sở hữu tài sản: là cách duy nhất để thi hành các quyền. Không có quyền sở hữu, tất cả các quyền khác là bất khả thi. Bởi vì con người phải tự mình duy trì đời sống của mình, cho nên người nào không có quyền đối với sản phẩm do nỗ lực cá nhân mình tạo ra thì sẽ không có cách nào sống được. Người nào sản xuất và bị những kẻ khác chiếm đoạt sản phẩm, thì người đó ắt là nô lệ.

+ Quyền tự do ngôn luận: là quyền tự do thể hiện, trình bày ý kiến mà không bị can thiệp, đàn áp và trừng phạt.

+ Quyền tự do tín ngưỡng: quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào đó. Thể hiện tinh thần khoan dung tôn giáo, kết

quả đấu tranh hàng nghìn năm của con người.

+ Quyền mưu cầu hạnh phúc: là quyền làm những gì cá nhân coi là cần thiết để đạt được hạnh phúc.

- Quyền tự do chính trị-dân sự của con người (quyền công dân) bao gồm:

- + Quyền tự do ứng cử và bầu cử
- + Quyền tự do báo chí
- + Quyền tự do hội họp và lập hội
- + Quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật

+ Quyền được tổ tụng đúng đắn và xét xử công bằng

Ngoài ra, còn một số các quyền khác để thể hiện và thực thi các quyền cơ bản của con người. Ví dụ: quyền tự do cư trú, tự do đi lại, quyền thừa kế, quyền được bảo vệ nhân phẩm ..vv..

Nhận thức của người dân về tự do, dân chủ cần nhấn mạnh phương diện tham

gia xây dựng hệ thống chính quyền, hệ thống luật pháp của người dân. Cùng với đó là hệ thống thủ tục, trình tự, các địa chỉ để người dân có thể khiếu nại, tố cáo, khởi kiện nhằm bảo vệ các quyền tự do của họ. Mặt khác, kiến thức về tự do, dân chủ cần phải được trình bày đơn giản, dễ hiểu, và quan trọng hơn, phải gắn chặt và liên quan mật thiết với cuộc sống người dân.

b. Xây dựng cơ chế bảo đảm khả năng tự bảo vệ quyền con người của mỗi cá nhân: Toà án Nhân quyền

Đây là yếu tố, là cơ chế quan trọng nhất của nội dung dân chủ, của thiết chế dân chủ, của phương thức tổ chức dân chủ. Đây là yếu tố cốt lõi, hạt nhân của cấu trúc tự hoàn thiện của bất kỳ nền dân chủ nào. Xây dựng được cơ chế này, thực hiện được nội dung này, nền dân chủ sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách và tự đi tới trạng thái hoàn thiện. Có hai nguyên nhân lý giải điều này:

Thứ nhất, quyền con người là đối tượng luôn luôn bị xâm hại, bị vi phạm mọi nơi, mọi lúc và mọi hoàn cảnh. Sự vi phạm quyền con người là do:

- Việc xây dựng hệ thống chính quyền và luật pháp, với mục đích bảo đảm và bảo vệ quyền con người, là quá trình phức tạp cần tìm tòi, trải nghiệm. Bản thân quá trình này cũng bao hàm trong nó sự vi phạm quyền con người.

- Sự căm dỗ tự nhiên về quyền lực và lợi ích đối với cá nhân tham gia xây dựng các thiết chế dân chủ sẽ hàng ngày, hàng giờ đưa tới sự vi phạm quyền con người cả trên phạm vi cá nhân và tập thể.

- Vấn đề tội phạm

Vì vậy, việc bảo vệ quyền con người phải được đặt lên hàng đầu và phải có cơ chế để thực hiện việc bảo vệ đó.

Thứ hai, không ai có thể bảo vệ quyền con người hiệu quả bằng chính bản thân cá

nhân bảo vệ quyền con người cho mình. Đồng thời, toà án Nhân quyền cũng là nơi tôn nghiêm và hiệu quả nhất để bảo vệ quyền con người, nhất là đối với những người nghèo và dân thường.

## Chương IV

### **HIỆN THỰC HOÁ DÂN CHỦ**

Xét dưới góc độ dân chủ, các quốc gia trên thế giới hiện nay được nhiều người nhìn nhận có ba mức độ khác nhau. Các quốc gia có nền dân chủ tương đối hoàn hảo, còn gọi là dân chủ tự do, gồm Hoa Kỳ và các quốc gia Tây Âu. Các quốc gia cũng có thể chế dân chủ, nhưng đi sâu vào quyền con người mới chỉ dừng ở mức dân chủ trong tuyên cử. Và cuối cùng là các quốc gia chưa có dân chủ bao gồm độc tài cá nhân, độc tài tập thể hoặc toàn trị.

Trên góc độ hiện thực hoá dân chủ, theo các nội dung cuốn sách này đưa ra, thì không có gì nhiều để vận dụng (hoặc áp dụng) đối với các quốc gia dân chủ tự do. Tuy nhiên, các toà án nhân quyền vẫn là một yêu cầu cần đặt ra trong việc hoàn thiện các thể chế dân chủ. Đồng thời, các nhà nước của Hoa Kỳ và Tây Âu hiện nay vẫn quá công kênh so với chức năng thực sự của nó cũng như xu hướng hoà hợp và toàn cầu hoá đặt căn bản trên nhận thức chung về trách nhiệm toàn cầu của các quốc gia hiện nay.

Hiện thực hoá dân chủ, vì vậy, đặt ra chủ yếu đối với các quốc gia đã có các thể chế dân chủ nhưng người dân chưa thực sự tự do và trong tương lai, là các quốc gia độc tài chuyển sang dân chủ. Như ở đầu cuốn sách có đề cập, tình trạng các quốc gia đã có những thể chế nhất định, nhưng người dân chưa được tự do, xuất phát từ những nguyên lý để xây dựng nền dân chủ chưa phản ánh



được các yếu tố cốt lõi của một kết cấu dân chủ thực sự. Nhưng mặt khác, cách thức xây dựng, trình tự tiến hành để xây dựng các thể chế dân chủ cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc các quốc gia khó vượt qua ngưỡng dân chủ tuyên cử để trở thành dân chủ tự do.

Các quốc gia thường bắt đầu tiến trình xây dựng thể chế dân chủ, sau một cuộc cách mạng ôn hoà hoặc bạo lực, bằng việc soạn thảo một hiến pháp dân chủ (thuê các nhà hiến pháp nổi tiếng trên thế giới); định hình các đảng phái chính trị quốc gia; xây dựng lộ trình bầu cử quốc hội, chính quyền (chế độ tổng thống hoặc bán tổng thống); tiến hành vận động tranh cử và thực hiện tổng tuyển cử. Người ta cho rằng, thành công trong xây dựng thể chế dân chủ chính là việc giữ cho các tiến trình trên diễn ra trôi chảy, không có biến động làm thay đổi hoặc phá vỡ tiến trình đó. Điều nguy

hiếm hơn, là sự mặc định các thể chế vừa xây dựng cho toàn bộ tiến trình dân chủ. Ví dụ, có lập luận cho rằng, hiến pháp phản ánh tương quan lực lượng giữa các đảng phái vào thời điểm xây dựng hiến pháp?!? Nhận xét toàn bộ quá trình này, chúng ta nhận thấy hoạt động xây dựng thể chế dân chủ chỉ diễn ra trên bình diện quốc gia, với một số ít người tham gia. Còn người dân, có lẽ chỉ có một việc duy nhất là đi bỏ phiếu, trong tình trạng nhận thức một điều duy nhất là hình như đất nước vừa thay đổi chế độ!

Đó là một tiến trình đảo ngược, hay như người Việt Nam thường nói “xây nhà từ nóc”. Điều quan trọng nhất trong cách thức tiến hành xây dựng thể chế dân chủ là, nó phải được diễn ra từ/ở đơn vị dân chủ cơ sở - là đơn vị địa lý, hành chính nhỏ nhất có thể xây dựng thể chế dân chủ - đồng thời được toàn thể người dân tham gia. Toàn bộ nội dung của dân chủ phải được thực hiện trên

bình diện dân chủ cơ sở, và gắn chặt với cuộc sống của người dân. Chỉ có ở đây, người dân mới thực sự tham gia vào xây dựng hệ thống chính quyền, hệ thống luật cũng như cơ chế về toà án nhân quyền để họ tự bảo vệ quyền con người của mình. Tất cả các hoạt động xây dựng thể chế dân chủ ở cấp cao hơn cấp cơ sở chỉ có mục đích mở đường, hỗ trợ và tạo điều kiện để bảo đảm yêu cầu cho việc xây dựng và hoạt động của thể chế dân chủ ở cơ sở. Thước đo quyền con người, mức độ dân chủ của quốc gia không phải bằng sinh hoạt chính trị dân chủ trên bình diện quốc gia mà bằng quyền con người, mức độ tham gia của người dân, khả năng tự bảo vệ quyền con người của người dân trong không gian sinh hoạt dân chủ cơ sở.

Trên tinh thần này, một chính quyền (hay nhà nước) chỉ nên là một chính quyền gọn nhẹ, thực hiện các chức năng tối thiểu

để duy trì sinh hoạt quốc gia. Các chức năng chính yếu của nhà nước, là đại diện quốc gia, duy trì đoàn kết dân tộc; xây dựng và duy trì lực lượng vũ trang (quân đội và cảnh sát); toà án để giải quyết tranh chấp giữa con người với nhau. Và, một chức năng quan trọng là thúc đẩy, hỗ trợ và tạo điều kiện cho tiến trình xây dựng và hoạt động của thể chế dân chủ ở cơ sở.

Tựu trung lại, đối với các quốc gia đã có hình thái dân chủ tuyên cử, thì việc hiện thực hoá dân chủ cần được tiến hành như thế nào?

- Trước hết, cần trang bị nhận thức về quyền con người, về tự do, về phương thức tổ chức xã hội bảo đảm tự do của con người (dân chủ) cho mọi người dân, mà ban đầu là tầng lớp tinh hoa, có ý chí để hiện thực hoá dân chủ. Lưu ý rằng, việc trang bị nhận thức trên cho mọi người dân là việc làm bắt buộc. Vì vậy, cần xây dựng kiến thức về tự do,

dân chủ thật đơn giản, dễ hiểu và phải gắn với cuộc sống của người dân.

- Xây dựng thể chế xã hội dân chủ bao gồm chính quyền, hệ thống luật và cơ chế tự bảo vệ quyền con người (toà án nhân quyền) trong không gian dân chủ cơ sở. Để thực hiện được điều này, trước hết phải xoá bỏ sự mặc định về thể chế chính trị đang tồn tại; chuyển trọng tâm xây dựng thể chế xã hội trên bình diện quốc gia sang bình diện cơ sở; đặt toàn bộ việc xây dựng và hoạt động của các thể chế cấp trên cơ sở trong phạm vi ảnh hưởng của cấp cơ sở. Nói cách khác, sự tồn tại và hoạt động của các thể chế ngoài cấp cơ sở chỉ để phục vụ cho việc xây dựng và hoạt động của thể chế dân chủ cơ sở.

- Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay, vấn đề xây dựng thể chế dân chủ cần được đặt trong xu thế dân chủ hoá toàn cầu. Có nghĩa rằng, các quyền con

người được tuyên ngôn nhân quyền đặt ra phải được bảo đảm, đồng thời tham khảo và tham chiếu các thể chế dân chủ của các quốc gia khác nhau để đi tới sự kết nối tự do trên toàn thế giới.

Lô-gic của cuốn sách thật ra không khó hiểu: Dân chủ là phương thức tổ chức xã hội bảo đảm cao nhất quyền con người và khả năng tự bảo vệ quyền con người của mỗi cá nhân. Muốn bảo đảm được quyền con người thì người dân phải trực tiếp tham gia vào việc xây dựng thể chế xã hội đó, vì vậy nội dung xây dựng thể chế xã hội trước hết và cơ bản phải được xây dựng tại cơ sở - tức đơn vị dân chủ nhỏ nhất - gắn liền với cuộc sống của nhân dân. Mặt khác, khả năng tự bảo vệ quyền con người của mỗi cá nhân phụ thuộc vào nhận thức của người dân về các quyền con người, về tự do, dân chủ. Đồng thời, cần có cơ chế để bảo vệ quyền con người, đó là toà án nhân quyền. Như

vậy, Dân chủ là quá trình xây dựng thể chế xã hội và nhận thức của con người để bảo đảm và bảo vệ quyền con người của mỗi một cá nhân.

## Chương V

### **DÂN CHỦ HOÁ TOÀN CẦU**

Hiện nay con người đang sống ở giai đoạn có ý nghĩa nhất trong lịch sử. Đó là giai đoạn con người bắt đầu thời kỳ xác định chính xác mục tiêu và phương thức để đạt được tự do mà con người đã tìm kiếm hàng vạn năm qua. Tự do của con người đang sống trên trái đất, đúng nghĩa nhất, phải là tự do hoàn toàn. Có nghĩa là một con người khi ở Mỹ, ở Xô-ma-li, ở Nhật Bản, ở Bắc Triều Tiên, ở Pháp, ở Vê-nê-zuê-na đều phải được tự do như nhau. Dân chủ phải được xây dựng, với cùng nguyên lý, ở tất cả các

châu lục, các bờ đại dương và tất cả các quốc gia. Tóm lại, đó là tiến trình dân chủ hoá toàn cầu.

Cơ sở quan trọng nhất để nói rằng chúng ta đang trong tiến trình dân chủ hoá toàn cầu là các tiến trình tự nhiên của lịch sử đang kích hoạt nhu cầu tự bảo tồn của con người với tư cách nhân loại, trên phạm vi toàn cầu. Một cách dễ hiểu, con người hiện đang phải đối mặt với nguy cơ tự diệt vong, bị diệt vong trong tương lai gần.

- Nguy cơ tự diệt vong: có hai nguy cơ hiển hiện trước mắt, đó là chiến tranh nguyên tử trên phạm vi toàn cầu và thảm họa môi trường sinh thái toàn cầu.

- Nguy cơ bị diệt vong: các lý thuyết, dấu hiệu về ngày tận thế và khả năng nhân loại bị tấn công bởi người ngoài trái đất, bởi một nền văn minh khác.

Sự hợp tác tự nguyện của con người trên phạm vi toàn cầu được dẫn dắt bởi bản



năng và tiềm thức nhân loại (nhu cầu tự bảo tồn con người) sẽ được kết hợp với nhận thức, ý thức của con người được phản ánh từ thực tiễn cuộc sống, đó là:

+ Nhận thức về sự phụ thuộc ngày càng tăng giữa các quốc gia, khởi nguồn từ toàn cầu hoá kinh tế, lan sang các lĩnh vực văn hóa, xã hội và chính trị.

+ Nhận thức về sự thiệt hại chung, sự vô nghĩa của xung đột, của chiến tranh giữa các quốc gia.

Tiến trình dân chủ hoá toàn cầu, đã và đang diễn ra, sẽ được xác định và thúc đẩy trên những trụ cột cơ bản nào? Có ba trụ cột để thực hiện dân chủ hoá toàn cầu.

*Một là, Sự kết nối kinh tế - kỹ thuật* trên toàn cầu. Tiến trình này đang diễn ra mạnh mẽ với dòng chính là toàn cầu hoá kinh tế được sự dẫn dắt, hỗ trợ bởi sự kết nối về khoa học, kỹ thuật: hệ thống Internet.

Trên góc độ này, thế giới đã và đang ngày một “phẳng” hơn.

*Hai là, Sự kết nối về ngôn ngữ.* Ý nghĩa về sự kết nối của ngôn ngữ có lẽ không cần đề cập nhiều thì mọi người đều biết được, muốn sống chung, hợp tác có hiệu quả bắt buộc phải xảy ra tiến trình kết nối về ngôn ngữ. Vấn đề ở đây là cách thức kết nối. Hiện nay đã có máy dịch các ngôn ngữ, xu hướng sử dụng Anh ngữ trên toàn thế giới. Nhưng cả hai cách thức này thực sự không đáp ứng được yêu cầu kết nối ngôn ngữ toàn cầu. Nhân loại cần xác lập một ngôn ngữ chung, dễ học, dễ đọc, dễ viết và dễ hiểu. Một gợi ý là tìm trong số các ngôn ngữ quốc tế (quốc tế ngữ) hiện nay, ngôn ngữ nào đáp ứng được tiêu chuẩn trên, được chỉnh sửa và hoàn thiện bởi các nhà ngôn ngữ học trên thế giới, dùng làm ngôn ngữ chung trên toàn cầu. Chúng ta thử hình dung, một ngôn ngữ dễ học, dễ đọc và dễ

viết được tất cả các quốc gia, ngoài tiếng mẹ đẻ, dùng làm ngôn ngữ giao tiếp trên thế giới sẽ tiện ích đến nhường nào cho sự giao lưu, hợp tác của con người.

*Ba là, sự kết nối tự do.* Đây là đích đến, cũng là nội dung quan trọng nhất của dân chủ hoá toàn cầu. Ở đây có hai tiến trình song song tồn tại và hỗ trợ mạnh mẽ cho nhau. Đó là dân chủ hoá quốc gia và xây dựng thể chế dân chủ toàn cầu. Dân chủ hoá trên bình diện quốc gia có chức năng kiến tạo tự do, còn dân chủ hoá toàn cầu thực hiện việc kết nối tự do. Cả hai tiến trình này cần sự hợp tác để thực hiện nhiệm vụ chung, hết sức quan trọng:

- Xây dựng và phổ biến nhận thức cho mọi người về quyền con người, về tự do, dân chủ. Đây là yêu cầu bắt buộc, cả trên bình diện quốc gia và toàn cầu. Để thực hiện được nội dung này, thế giới cần xây dựng một Học viện Dân chủ Toàn cầu, mỗi quốc

gia đều có một học viện Dân chủ, các trường đại học đều có một khoa Dân chủ học, xây dựng môn học Dân chủ, đưa dân chủ học vào giảng dạy tại các trường trung học trên phạm vi quốc gia. Quá trình chuẩn hoá các kiến thức về dân chủ cần được các học giả trên thế giới thực hiện dưới hình thức dễ hiểu, sinh động và dễ phổ biến nhất. Phải làm sao để kiến thức cơ bản nhất về quyền con người, về tự do, dân chủ đến được với mọi người dân trên thế giới như những bảng Cửu chương trong toán học!

- Đồng nhất hoá quy trình, quy phạm của toà án nhân quyền các cấp của quốc gia với toà án nhân quyền quốc tế. Điều này khá dễ hiểu, các quyền con người có giá trị phổ quát trên toàn cầu, các nguyên lý về dân chủ của các quốc gia là như nhau, vậy thì sự bảo vệ quyền con người ở các cấp độ khác nhau đều phải được thống nhất về quy trình tố tụng, quy phạm pháp luật.

- Toàn bộ tiến trình Dân chủ hoá toàn cầu muốn được chủ động thực hiện cần phải có một phong trào rộng khắp và mạnh mẽ trên thế giới. Đồng thời, cần có lực lượng để dẫn dắt và thực hiện tiến trình vĩ đại này – đó là các đảng phái xuyên, hoặc liên quốc gia.

*Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2011*  
***Nguyễn Vũ Bình***

---

# THƯ NGỎ KÍNH GỬI NHÂN DÂN TRUNG HOA!

---

Kính gửi *Nhân Dân Trung Hoa!*

Tôi xin tự giới thiệu, tôi là Nguyễn Vũ Bình, một công dân của Việt Nam. Tôi xin kính gửi tới quý vị những lời tâm huyết, với tư cách người dân của một quốc gia đang có tranh chấp chủ quyền với quốc gia của quý vị về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như lãnh hải ở Biển Đông.

Theo lẽ tự nhiên, có lẽ quý vị nghĩ rằng tôi viết lá thư này để chứng minh và thuyết phục quý vị rằng Hoàng Sa và

Trường Sa là của Việt Nam và đề nghị quý vị tin vào điều đó.

Xin thưa! Hoàn toàn Không!

Quý vị có thấy rằng, tần suất và cường độ những va chạm, tranh chấp về chủ quyền biển đảo của Trung Quốc với các quốc gia láng giềng tỷ lệ thuận với những khó khăn, nan giải về những vấn đề kinh tế – xã hội bên trong mà nhà cầm quyền Trung Quốc đang phải đương đầu hay không?

Quý vị có biết rằng, hiện nay dư luận thế giới đang có một đồng thuận cao nhất về **“mối đe dọa Trung Quốc”** sau những gây hấn của nhà cầm quyền Trung Quốc về chủ quyền trên Biển Đông với các quốc gia láng giềng hay không? (xin quý vị hãy đọc các báo chí ngoài Trung Quốc)

Quý vị có biết rằng, ***điều duy nhất mà thế giới chưa biết và đang cần biết***, đó là Nhà cầm quyền Trung Quốc có đồng nghĩa với Nhân dân Trung Quốc hay không?

### ***Và theo quý vị thì sao?***

Nếu quý vị tin rằng, nhà cầm quyền Trung Quốc đại diện cho lợi ích của Nhân dân và đất nước Trung Quốc trong vấn đề này thì xin quý vị hãy đồng loạt lên tiếng: Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc! Toàn bộ Biển Đông là của Trung Quốc! Chúng tôi không quan tâm tới Công ước quốc tế về Luật Biển mà chúng tôi góp phần xây dựng nên! Chúng tôi cũng không quan tâm tới Cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế, các toà án quốc tế trong khi chúng tôi là một trong 5 nước thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc!!!

Còn nếu quý vị vẫn cho rằng Hoàng Sa, Trường Sa và toàn bộ Biển Đông là của Trung Quốc, nhưng cách thức để chúng mình điều đó không giống với nhà cầm quyền Trung Quốc hiện nay thì xin quý vị hãy lên tiếng, xin các vị hãy chứng tỏ cho thế giới thấy: ***Nhân Dân Trung Hoa không***



***phải là nhà cầm quyền Trung Quốc và Nhân Dân Trung Hoa không bao giờ là mối đe dọa đối với hoà bình và ổn định của thế giới, bằng cách:***

- Đề nghị nhà cầm quyền Trung Quốc đưa vấn đề tranh chấp Biển Đảo ra các toà án quốc tế!

- Trực tiếp lên tiếng và đề nghị toà án quốc tế giải quyết tranh chấp biển đảo của Trung Quốc với các nước lân cận!

- Đề nghị nhà cầm quyền Trung Quốc tôn trọng và thực hiện đầy đủ các phán quyết của toà án quốc tế sau này!

Kính thưa quý vị!

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay, việc sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp của quốc tế thể hiện tinh thần xây dựng và ý thức tôn trọng các cam kết quốc tế của bất cứ quốc gia nào, đặc biệt

là những quốc gia có vị thế và vai trò to lớn đối với quốc tế.

Cá nhân tôi luôn tin rằng, Nhân Dân Trung Hoa có đủ bản lĩnh và trí tuệ để chấp nhận và thừa nhận các phán quyết của toà án quốc tế, theo các luật lệ giải quyết tranh chấp mà chính Trung Quốc cũng tham gia xây dựng nên, đồng thời Trung Quốc cũng là một trong 5 nước thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc.

Tôi xin kính chúc Nhân Dân Trung Hoa những điều tốt đẹp nhất!

Kính Thư!

*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2011*

***Nguyễn Vũ Bình***

BẠT:

## ***“Tự Do Hay Là Chết !”***

Vào một sáng hùng hực đầu mùa hạ năm Giáp Thân (ngày 5 tháng 5 năm 2004), tại Hà Nội, lời tuyên bố trên đã đồng đặc vang lên trong phiên toà xử nhà trí thức trẻ ngoan cường Nguyễn Vũ Bình.

Nguyễn Vũ Bình sinh ngày 02 tháng 11 năm 1968 tại Hành Thiện, Nam Định. Anh tốt nghiệp khoa Kinh tế - trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, trở thành nhà báo tại Tạp chí Cộng sản. Sau 8 năm công tác, anh bị đuổi khỏi biên chế nhà nước chỉ vì cái tội dám nộp "Đơn xin thành lập đảng Tự do-Dân chủ".

Không có điều kiện tìm hiểu quá trình hình thành nhân cách của chàng thanh niên đã lớn lên trên một miền quê có nhiều nhà cách mạng như Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Mai Chí Thọ, Đinh Đức Thiện ... (không nói đến những tha hoá, sai lầm sau này mà tưởng niệm về cái lý tưởng ban đầu đuổi giặc ngoại xâm, xoá bỏ áp bức bất công của các ông), chỉ điểm qua những hành động dũng cảm, những phát biểu rất trí tuệ và đầy trách nhiệm qua một số trang viết cũng đủ thấy cái sức nghĩ lớn lao, cái bản lĩnh cao cường của con người ưu thời mẫn thế này. Từ những bức xúc, trăn trở ...

Theo Nguyễn Vũ Bình, *"Có thể khái quát trạng thái hiện nay của tình hình đất nước ta là: bế tắc về đường lối, đình trệ về kinh tế và dồn nén về xã hội"* (1)

Thật vậy, về sự bế tắc đường lối, không chỉ Nguyễn Vũ Bình mà tất cả những đầu óc tinh táo đều dễ dàng nhận thấy:

*"Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một khái niệm rất mâu thuẫn. Chủ nghĩa xã hội, với tư cách là một thể chế xã hội (theo định nghĩa kinh điển), là một chế độ mà về mặt kinh tế phải xây dựng trên cơ sở công hữu hoá về tư liệu sản xuất, quản lý tập trung và kế hoạch hoá,... rõ ràng mâu thuẫn với kinh tế thị trường" (1). Song, vì cứ phải đa đoan, vướng víu với tôn chỉ mục đích "Định hướng xã hội chủ nghĩa" nên Đảng cứ phải ngoan cố duy trì chủ trương ưu tiên bằng mọi giá để giành vai trò chủ đạo cho kinh tế quốc doanh và doanh nghiệp nhà nước. Nguyễn Vũ Bình thì khẳng định rằng: "Với quan điểm kinh tế nhà nước (nòng cốt là doanh nghiệp nhà nước) giữ vai trò chủ đạo, nền kinh tế Việt Nam không thể phát triển được. Trên thế giới chưa có một nước nào mà doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả" (1). Anh đưa dẫn liệu cụ thể để chứng minh hiện*

tương "ăn tàn phá hại" của DNNN. *"Phần lớn lượng vốn xã hội đầu tư vào khu vực DNNN không có hiệu quả. DNNN sử dụng hơn 80% lượng vốn xã hội, giữ vai trò quan trọng trong sản xuất và đóng góp vào ngân sách nhà nước nhưng khả năng tích lũy còn rất hạn chế. Trên thực tế, tổng số nợ của DNNN năm 1999 đã lên tới khoảng 200 000 tỷ đồng"* (1)

Bế tắc nhưng không dám tự sám hối để tìm đường mới tiến lên mà cứ phải quanh co, biến báo qua chủ trương "Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước", Nguyễn Vũ Bình thẳng thắn chỉ rõ: *"Với quan điểm kinh tế nhà nước mà nòng cốt là DNNN giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, một điều hiển nhiên là nếu những doanh nghiệp này làm ăn có lãi (có hiệu quả) thì chúng ta sẽ không bao giờ bán (cổ phần hoá) chúng. Ngược lại, những doanh nghiệp thua lỗ, thử hỏi, nếu bán chúng thì ai mua ? DNNN được ưu*

*tiên, ưu đãi mọi điều kiện mà còn làm ăn thua lỗ thì ai là người có khả năng kinh doanh hiệu quả trong môi trường hiện nay? Còn nếu dùng tỷ lệ vốn khổng lồ của nhà nước thì bản chất nó vẫn là DNNN và không thể có hiệu quả. Một chính sách mà mâu thuẫn ngay từ trong lý luận thì làm sao thực hiện được trên thực tế!" (2)*

Lẽ ra phải chính thức thừa nhận sự tồn tại cần thiết của kinh tế tư nhân và có các chủ trương chính sách cởi mở tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển từ sớm hơn. Bởi vì, thực tế đã cho thấy, kinh tế tư nhân là động lực phát triển của tất cả các nền kinh tế thị trường phát triển trên thế giới. Khu vực này không phát triển thì nền kinh tế cũng không phát triển được. Anh nóng lòng vạch ra 3 nguyên nhân quan trọng làm cho khu vực kinh tế tư nhân không phát triển được là:

1) Không thừa nhận sở hữu tư nhân, dẫn tới việc tư nhân kinh doanh không được bảo đảm và bảo vệ bằng pháp luật.

2) Kinh tế thị trường chưa chín muồi (chưa tạo lập đầy đủ và đồng bộ các thị trường), chưa có hệ thống pháp luật cho kinh tế thị trường phát triển, dư luận đối với kinh tế tư nhân còn nhiều nặng nề, định kiến (mãi sau này ta mới có những hoạt động biểu dương và tôn vinh các nhà doanh nghiệp và mới đây, ngày 13 tháng 10 hằng năm mới được chọn là ngày Doanh nghiệp Việt Nam).

3) Sự méo mó của hoạt động sản xuất kinh doanh do việc ưu tiên quá mức cho các DNNN.

Những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội không cho phép thiết chế một nền kinh tế thị trường đích thực và vững mạnh, do đó không thể không gây nhiều trắc trở trong tiến trình hội nhập tất yếu. Nguyễn Vũ Bình



tiên đoán: *"Để thu hút vốn, kỹ thuật và trình độ quản lý cho phát triển kinh tế thì hội nhập là yêu cầu nhất thiết đối với bất kỳ nền kinh tế nào. Song hội nhập lại đòi hỏi các nền kinh tế phải đáp ứng đầy đủ những nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. Và bất kỳ nền kinh tế nào đi ngược lại hoặc chưa bảo đảm về cơ bản các nguyên tắc thị trường thì đều bị tổn thương trong quá trình hội nhập"* (1). Lời phán bảo này, Nguyễn Vũ Bình viết từ năm 2000. Quả nhiên, chỉ sau đó mấy năm nó đã ứng nghiệm nhõn tiền vào mấy vụ kiện tôm và cá basa làm cho ta bị xiềng liềng.

Bế tắc về đường lối như trên dẫn đến nhiều tai hoạ cho đất nước, trước hết là đình trệ về kinh tế. Những người lãnh đạo thường đem chỉ tiêu tăng trưởng cao ra để tự khích lệ và làm vũ khí tuyên truyền. Bằng tri thức của nhà kinh tế, Nguyễn Vũ Bình phân tích: *"Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế có một khuyết*

điểm rất lớn là nó không chỉ cho người ta biết được khả năng thanh toán hay khả năng trả nợ của một nền kinh tế mà đây là điểm quan trọng nhất. Tôi hình dung nền kinh tế Việt Nam như một quỹ tín dụng nhân dân khổng lồ (dân gian gọi là chủ hụi) chưa bị vỡ nợ. Đặc điểm của những quỹ tín dụng này là khả năng che đậy thực lực tài chính bằng phương pháp vay của người sau, trả cho người trước và nó chỉ bị vỡ tung khi bị phát hiện hoặc không vay được nữa. Theo số liệu công bố chính thức, tổng số nợ của nước ta là 11 tỷ USD, nhưng số thực có thể là gấp rưỡi hoặc gấp đôi (xấp xỉ 20 tỷ USD), tức là số nợ tương đương hoặc bằng 2/3 tổng sản phẩm quốc nội của nước ta." (1)

"Vấn đề đói nghèo cũng có kịch bản tương tự. Đằng sau những con số mỹ miều về thành tích xóa đói giảm nghèo là cuộc sống cùng cực của những người công nhân,

*nông dân, những người lao động. Bởi vì những con số chỉ phản ánh được mức tăng đơn thuần về lượng của thu nhập mà không biết tới một chu kỳ "tiêu dùng mới" của toàn xã hội trong những năm qua". Trong 10 năm (1990 - 1999) qua, chúng ta đã bước sang một chu kỳ tiêu dùng mới với những chỉ tiêu cho giáo dục, y tế, những khoản đóng góp mới, với những chỉ tiêu cho những hủ tục ở nông thôn mới trỗi dậy và những khoản tiêu cực phí cho bất kỳ công việc nào ... Những con số tăng lên nhỏ nhoi về thu nhập liệu có lấp đầy những chi phí phát sinh trong chu kỳ tiêu dùng mới của những hộ đói nghèo? (1)*

*Đánh giá về công trạng của Đảng đối với đất nước, Nguyễn Vũ Bình thấy cả hai mặt: "Được: Độc lập dân tộc. Mất: 1) hy sinh khoảng 4-5 triệu người, thương tật cũng khoảng con số đó; 2) Việt Nam là một trong vài chục nước nghèo nhất thế giới; 3)*

*Nền tảng đạo đức bị phá huỷ nghiêm trọng"*(4). Ngày nay, bế tắc về đường lối còn dẫn đến một hệ quả đau lòng hơn là nó làm cho "những nền tảng cơ bản của xã hội Việt Nam đã bị phá huỷ hoàn toàn"(1). Anh cụ thể hoá khái luận này như sau:

- "*Tính trung thực xã hội đã bị phá huỷ hoàn toàn ... Sự không trung thực bắt nguồn từ hệ thống chính trị, thâm thấu vào hệ thống quản lý và lan toả ra toàn xã hội. Một đặc trưng của xã hội hiện nay là không ai dám nói thật và rất sợ sự thật ... - Đạo đức xã hội đã bị phá huỷ nghiêm trọng. - Những quan hệ xã hội, trong đó quan hệ con người với con người là cơ bản, và quan hệ tình cảm hợp thành nền tảng đạo đức xã hội bị phá huỷ nghiêm trọng bởi sự ra đời và lên ngôi của một thứ quan hệ "đồng chí" ... tồn tại bằng một sự lên gân và tiêu diệt các mối quan hệ khác... - Những giá trị xã hội và thước đo giá trị xã hội đã bị đảo lộn do sự*

*can thiệp sâu rộng của chính trị vào tất cả các lĩnh vực và trên mọi phương diện ...- Con người bị tha hoá ... người ta không được phép nói ra những điều mình suy nghĩ, hành động theo những gì người ta cho là đúng, tức là mình không phải là mình. Có người nói rằng, con người ngày nay là con người nhị nhân cách nhưng theo tôi thì những người nhị nhân cách đó là những người không có nhân cách. Làm sao mà có nhân cách được trong khi tất cả các phát biểu chính thức, những cuộc họp, hội thảo, anh nghĩ một đảng lại nói một nẻo".(1)*

Nguyễn Vũ Bình chỉ ra 3 nguyên nhân dẫn đến những dồn nén xã hội. Một là: do điều kiện sống, sinh hoạt khổ cực của nông dân và công nhân. Nông dân bị huy động đóng góp quá mức (thời điểm Nguyễn Vũ Bình bàn luận, nông dân, tùy theo từng địa phương, bị đóng góp từ 13 đến 21 khoản, chiếm tới trên dưới 70% thu nhập).

Hai là: bất công giữa phân hoá giàu nghèo, giữa nông thôn và thành thị ngày càng sâu sắc. Trong khi những người nông dân ở nông thôn và những người công nhân phải vật lộn rất vất vả với cuộc sống khổ cực thì những người có quyền có chức câu kết với gian thương hình thành một tầng lớp tư bản đó ăn tiêu quá phè phỡn. Ba là: cảm nhận về sự bế tắc đối với tương lai. Công nhân, nông dân nhiều người mù mịt trong khả năng tìm kiếm việc làm và xây dựng cuộc sống. Trí thức không thấy được triển vọng đất nước phát triển lành mạnh và bền vững.

... đến quyết định đệ đơn thành lập đảng Tự do - Dân chủ.

Từ những nhận định trên đây, Nguyễn Vũ Bình cho rằng đất nước Việt Nam nhất định cần phải có biến đổi mạnh mẽ. Có 3 kịch bản: Hoặc là, sự sụp đổ về kinh tế dẫn tới động loạn xã hội và thay đổi về chính trị (như ở Anbani và Indonêxia). Nguyễn Vũ

Bình cho rằng tình huống này khó xảy ra bởi khả năng can thiệp và tinh thần cảnh giác cao của Nhà nước trước những biến động kinh tế. Hoặc là có sự thay đổi chế độ bắt nguồn từ sự thay đổi đường lối chính trị do những người lãnh đạo cao nhất khởi xướng. Nguyễn Vũ Bình loại bỏ hoàn toàn khả năng này vì cho rằng: *"Tất cả sự lựa chọn và thay đổi khó khăn nhất của ĐCS tập trung vào hai điểm mấu chốt là DNNN và chống tham nhũng. Nếu từ bỏ được quan điểm DNNN giữ vai trò chủ đạo, đồng nghĩa với việc phát triển kinh tế tư nhân, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế của đất nước và chống tham nhũng, đồng nghĩa với việc làm trong sạch Đảng và lấy lại được uy tín trước nhân dân ... Nhưng than ôi! điều đó nằm ngoài khả năng hiện thực. Bởi vì loại bỏ DNNN cũng chính là từ bỏ lợi ích sống còn của tầng lớp lãnh đạo, lợi ích được bao phủ bởi vẻ đẹp huyền ảo (không ai hiểu*

được) của định hướng XHCN, của con đường đi lên CNXH hiện nay. Còn chống tham nhũng ư? Tham nhũng ở Việt Nam là phương thức tự tồn tại của tất cả những người có điều kiện tham nhũng"(1)

Trong thư gửi Bộ Chính trị ngày 20 tháng 9 năm 2000, anh thẳng thắn bày tỏ sự bất tín đối với Đảng: "Ở đây có 3 tầng lợi ích riêng và tương ứng là 3 tầng sự nghiệp chung. Một là, chưa sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân cho đơn vị, cơ quan mình. Hai là, chưa sẵn sàng hy sinh lợi ích của tầng lớp lãnh đạo cho sự nghiệp chung của Đảng. Ba là, chưa sẵn sàng hy sinh lợi ích riêng của Đảng cho lợi ích chung của đất nước, dân tộc"(2). "Với cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tất cả những tiêu cực, lãng phí, tham nhũng, vô trách nhiệm không thể nào diệt trừ được tận gốc để làm trong sạch đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước. Nhiều lúc tôi cứ nghĩ, bây giờ chỉ cần gắn



*trách nhiệm cá nhân với tất cả mọi công chức, đảng viên, nhà lãnh đạo, nhà quản lý vào công việc hàng ngày, hàng giờ của họ thì mọi việc sẽ được giải quyết êm đẹp. Nhưng có lẽ tôi nhầm, bởi vì trong tình hình hiện nay, nếu gán trách nhiệm cá nhân như vậy, phần lớn mọi người sẽ bỏ nhiệm sở và tổ chức. Đối với đảng Cộng sản cũng tương tự, thực chất Đảng không phải chịu trách nhiệm trước bất kỳ ai, bất kỳ lực lượng nào"(2).*

Anh càng tỏ rõ sự bất tín và phản ứng quyết liệt trước hành động cắt nhượng đất đai, lãnh thổ một cách tội lỗi của Đảng: "Đối với giới lãnh đạo hiện nay, một tâm lý và phong cách ứng xử phổ biến là chỉ quan tâm đến phạm vi, lĩnh vực và đơn vị mình quản lý để làm sao không xảy ra sự cố nào có thể ảnh hưởng tới chiếc ghế quyền lực hiện tại và khả năng thăng tiến trong tương lai. Ngoài ra người ta không quan tâm tới

*những gì xảy ra trước khi tiếp nhận và sau khi thay đổi đối tượng quản lý. Hay nói cách khác, với sự tha hoá nhân cách và cảm nhận sự bế tắc của tương lai, thực chất giới lãnh đạo hiện nay không có trách nhiệm gì trước vận mệnh của dân tộc cũng như không hề đại diện quyền lợi của nhân dân. Chính với lối suy nghĩ như vậy về trách nhiệm mà ban lãnh đạo đảng Cộng sản đã ký kết hiệp định biên giới vừa qua".(5)*

Nguyễn Vũ Bình kỳ vọng ở phương án thứ ba với các tình huống: sự gia tăng mức bức xúc của cả ba yếu tố: khó khăn về kinh tế, sự dồn nén xã hội, sự phân hoá của các tầng lớp lãnh đạo mở đường cho sự xuất hiện lực lượng đối lập. Anh quả quyết, sẽ không còn con đường nào khác, "ĐCS Việt Nam phải có một quyết tâm và một sự hy sinh cực kỳ to lớn nhưng cần thiết. Đó là ĐCS cần tự đặt mình vào thử thách sống còn trước khi bị xã hội làm điều đó.. và tôi

*tin rằng, nếu ĐCS thực sự vì dân, vì nước, thực sự muốn lấy lại lòng tin của nhân dân để tiếp tục lãnh đạo đất nước thì quyết định duy nhất đúng hiện nay là từ bỏ độc quyền lãnh đạo, thực hiện đa nguyên tư tưởng, đa đảng đối lập". (1)*

Nguyễn Vũ Bình không chỉ rất lý trí, anh còn là một người "ưa hành động" (3). Bài "Tiến sỹ Nguyễn Thanh Giang - một tấm gương đấu tranh cho tự do và dân chủ" của anh được kết thúc bằng câu: "Tôi cho rằng đã đến lúc phải hành động chứ không chỉ bàn luận và góp ý". Đây vừa là lời phê phán vừa là tuyên bố của anh. Trong bài trả lời phỏng vấn đài BBC ngày 15 tháng 6 năm 2002, anh nói: "Tôi nghĩ rằng việc viết là rất quan trọng nhưng tôi không cho rằng đây là vấn đề quan trọng nhất đối với tôi. Vấn đề quan trọng nhất đối với tôi là hình thành được một lực lượng đối lập và mạnh mẽ của nó là một tổ chức công khai ... Đó là vấn đề

thiệt tha nhất của tôi từ khi tôi bắt đầu tham gia đấu tranh cho đến bây giờ và tôi tin là sau này cũng vậy." Và anh đã hành động quyết đoán.

Ngày 2 tháng 9 năm 2000, anh đệ trình tờ đơn sau đây:

*Đơn xin thành lập đảng Tự do - Dân chủ*

*Kính gửi: Ông Trần Đức Lương  
Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa  
Việt nam*

*Đồng kính gửi ông: Nông Đức Mạnh  
Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hoà xã  
hội chủ nghĩa Việt Nam*

*Tên tôi là : Nguyễn Vũ Bình, phóng  
viên Tạp chí Cộng sản, thường trú tại số  
nhà 26, tổ 67b, phường Vĩnh Tuy, quận Hai  
Bà Trưng- Hà Nội.*

Sau một thời gian nghiên cứu, tìm hiểu về tình hình đất nước, tôi có nhận thức rằng Việt Nam hiện nay đang đứng trước một cuộc tổng khủng hoảng toàn diện về kinh tế, chính trị và xã hội. (Tôi xin gửi kèm một bài, viết về vấn đề này). Theo nhận định của tôi, trong tương lai không xa nữa, sẽ có một sự thay đổi lớn của lịch sử đất nước và đó chính là sự thay đổi về chế độ xã hội. Việc có một lực lượng đối lập, mà đại diện là một chính đảng trong lòng xã hội hiện nay là yêu cầu bức thiết và tất yếu để giảm thiểu những tổn thất mà nhân dân phải gánh chịu trong quá trình thay đổi. Trên cơ sở nhận thức như vậy, tôi mạnh dạn làm đơn này đề nghị và kính mong các Ông, vì tương lai đất nước, vì lợi ích dân tộc, cho phép tôi thành lập đảng Tự do-Dân chủ. Tôi xin chân thành cảm ơn.”

Anh bộc bạch về động cơ đứng ra thành lập đảng: *"Tôi vì Tôi là một phần (mà các Ông cho là như người đốt đèn), Tôi vì nhân dân, đất nước một phần (Tôi cho là phần lớn), mà Tôi cũng vì cả đảng Cộng sản Việt Nam nữa"(2). "Tôi chỉ có một mong muốn duy nhất là làm sao góp phần giảm thiểu tới đa những tổn thất mà nhân dân phải gánh chịu nảy sinh từ bước chuyển biến đau đớn nhưng đầy vinh quang sắp tới. Lý do cũng rất đơn giản, một thay đổi lớn của lịch sử nếu không có sự chuẩn bị về tinh thần của nhân dân sẽ rơi vào hỗn loạn, dẫn tới hậu quả khôn lường cho xã hội. Chính vì vậy, cần có một lực lượng đổi lập ngay trong lòng xã hội hiện nay để một mặt, thúc đẩy tất cả các yếu tố sẵn có đi tới chín muồi, và mặt khác, cùng với thời gian và sự thay đổi, tạo ra một nền tảng vững chắc cho một cơ cấu dân chủ trong tương lai"(1).*

Về tôn chỉ, mục đích: *"Đảng Tự do-Dân chủ có mục đích tự thân là đấu tranh cho Tự do cá nhân và Dân chủ xã hội... Mục tiêu cơ bản và lâu dài của đảng Tự do - Dân chủ là xây dựng một xã hội: Nhân dân tự do-giàu có, Quốc gia hùng mạnh, Xã hội dân chủ - công bằng - văn minh"(1).*

Anh nhấn mạnh cả Tự do cá nhân và Dân chủ xã hội vì cho rằng: *"Tự do là cứu cánh phát triển. Một cá nhân hay một dân tộc xét cho cùng sự hơn kém phụ thuộc vào khả năng sáng tạo, mà tiền đề của sự sáng tạo là tự do. Dân chủ là phương thức xã hội bảo đảm cao nhất tự do của con người, và trên nền tự do, mỗi một cá nhân phát huy tối đa khả năng sáng tạo của mình để thúc đẩy xã hội tiến lên"(4).*

Anh phác họa tiên đề, nội dung và điều kiện cho sự phát triển đất nước là:

*"Dân chủ hoá xã hội, Xây dựng nền kinh tế hiện đại và phát triển, Quốc tế hoá mọi hoạt động, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ...*

*Dân chủ hoá xã hội là phải thừa nhận những quyền cơ bản của con người, quyền công dân mà bất kỳ chế độ dân chủ nào cũng phải thừa nhận. Đó là quyền được sống và mưu cầu hạnh phúc, quyền được tự do ứng cử và bầu cử. Mặt khác, cần xây dựng hệ thống luật pháp làm nền tảng cơ bản cho chế độ chính trị dân chủ ...*

*Xây dựng nền kinh tế thị trường mà trong đó quyền tư hữu tài sản là nền tảng phát triển, quyền sở hữu trí tuệ là động lực phát triển ..."(1) "... xoá bỏ cơ chế cũ (cơ chế kế hoạch hoá, quan liêu bao cấp và sự biến dạng của nó dựa trên sự độc quyền lãnh đạo của đảng Cộng sản), xây dựng các thiết chế dân chủ. Điều này có thể là đúng nhưng hoàn toàn chưa đủ, tất cả những thay đổi trên phải dựa vào sự thay đổi về tâm lý*



*và văn hoá dân tộc mới bảo đảm sự phát triển ổn vững trong tương lai"(4).*

Người ta thường phân chia các nước dân chủ trên thế giới thành hai nhóm nước: dân chủ tự do và dân chủ tuyên cử. Các nước phát triển như Mỹ, Nhật, Đức, Anh, Pháp... thuộc về dân chủ tự do. Phần lớn các nước khác tuy cũng có đầy đủ các thiết chế dân chủ, nhưng nền kinh tế chưa phát triển thường thuộc về dân chủ tuyên cử. Nguyễn Vũ Bình nghiên cứu về chế độ dân chủ đại nghị vì anh cho rằng: *"chế độ dân chủ đại nghị dựa trên cơ chế tản quyền sẽ phát huy tối đa tiềm năng cũng như đem lại tất cả phúc lợi cho người dân ... phúc lợi mà một chế độ dân chủ tản quyền đem tới như sự phát triển đồng đều ở tất cả các khu vực, giảm thiểu những thủ tục hành chính của cơ chế tập trung, loại bỏ ảnh hưởng tiêu cực của giới quân nhân đối với sinh hoạt chính trị ..."*(4)

...Và tai hoạ ập xuống. Tháng 12 năm 2000 Nguyễn Vũ Bình bị đình chỉ công tác ở Tạp chí Cộng sản và bị đuổi khỏi biên chế nhà nước. Ngày 20 tháng 7 năm 2001, công an xộc đến khám nhà, tịch thu tài liệu, bắt anh lên đồn thẩm vấn nhiều ngày. Điện thoại nhà anh bị cắt. Sau đó đúng một năm, anh bị tổng giam thực sự. Phiên toà sơ thẩm mở ngày 31 tháng 12 năm 2003 ghép anh vào tội gián điệp theo điều 80 Bộ Luật Hình sự với mức án 7 năm tù giam và 3 năm quản chế. Ngay sau đó, anh đã gửi đơn kháng án. Phiên toà phúc thẩm mở ngày 5 tháng 5 năm 2004 vẫn y án sơ thẩm mặc dù trong phiên xử anh đã bác bỏ mọi điều luận tội vô lý và các luật sư đã biện giải hết sức thuyết phục.

Luật sư Trần Lâm tranh luận: *"Theo điều 80 BLHS muốn kết tội một người làm gián điệp thì phải chứng minh đủ rõ người đó đã làm tay sai cho nước ngoài, làm theo*

sự chỉ đạo của nước ngoài ... Nước ngoài ở đây phải hiểu là một nước khác, một quốc gia khác, phải là đại diện của một chính phủ hay là một tổ chức tình báo, chứ không phải một công dân của nước đó, càng không phải là một ngoại kiều nào đang sống ở nước đó". Bản án gian trá, bất nhân còn làm luật sư không thể không bình luận một cách hài hước: "Những Việt kiều ở Canada, ở Úc ... ở khắp nơi trên thế giới đều là người nước ngoài, vậy thì Nguyễn Vũ Bình làm gián điệp cho năm châu bốn biển, cho khắp thế giới à ?!"

Luật sư Đàm Văn Hiếu biện minh rõ hơn: "Tin tức, tài liệu đã cung cấp, theo lời khai của Nguyễn Vũ Bình chỉ là trao đổi quan điểm về dân chủ với cá nhân đó, chứ không có gì liên quan đến an ninh hay bí mật quốc gia ... Một điều đáng chú ý nữa là: Hoạt động của bọn gián điệp bao giờ cũng lén lút, kín đáo, bí mật, tránh để nhà nước

và mọi người phát hiện. Còn Nguyễn Vũ Bình lại công khai tuyên bố quan điểm của mình về dân chủ, nhân quyền và chống tham nhũng. Không hề lén lút, giấu giếm... Các bài viết của Bình đều để trên bàn làm việc, không hề cất giấu khi bị khám xét nhà. Không những thế, Bình còn đường hoàng gửi đến Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước, Chủ tịch Quốc hội lá đơn xin thành lập đảng Tự do - Dân chủ với tư cách là một lực lượng đối lập ... Như vậy, việc làm của Bình là hợp Hiến, đúng với pháp luật nước ta và luật pháp quốc tế. Qua những trình bày ở trên, tôi cho rằng Nguyễn Vũ Bình không phạm tội gián điệp, bản án sơ thẩm xử phạt Bình theo tội danh gián điệp là trái với tinh thần và nội dung của điều 80 BLHS. Tôi đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm".

Cựu viện trưởng Viện Triết học Việt Nam Hoàng Minh Chính còn quyết liệt hơn:

*"Tôi - Hoàng Minh Chính - Bào chữa viên nhân dân hợp pháp của bị cáo nhà báo vô tội Nguyễn Vũ Bình chính thức đưa đơn kiện Viện Kiểm sát và Toà án Thành phố Hà Nội về tội vu khống cho nhà báo Nguyễn Vũ Bình tội gián điệp".*

Vì bất chính và phi nghĩa nên phiên toà xử Nguyễn Vũ Bình tuyên bố là xử công khai nhưng thực tế rất lén lút. Chỉ có vợ và cha để được vào dự phiên toà (Tuy nhiên, người ta cũng đã dùng thủ đoạn xấu để ngăn trở. Cụ thân sinh Nguyễn Vũ Bình đã ngót nghét 80 lại ở cách xa Hà Nội trên 130 km nhưng chỉ nhận được giấy báo trước một ngày. Đã thế trước khi vào xử, cụ còn bị đe là không nên phát biểu gì trong phiên toà).

Thế là, tất cả anh em ruột thịt, bạn bè, thân thích, phóng viên báo chí và thông tấn nước ngoài, đại diện các đại sứ quán Hoa Kỳ và Châu Âu ..., rất đông, đều phải đứng ngoài cổng. Tại đây đã xảy ra lộn xộn, ẩu

đả. Mấy tên lưu manh (mà ai cũng cho là tay chân của công an) đã xông vào chửi bới, đánh đập và cào rách mặt chị ruột Nguyễn Vũ Bình (trước mặt công an nhưng công an không can thiệp). Các nhà báo nước ngoài động lòng trắc ẩn đã đứng quây thành vòng che chắn cho người đang bị hành hung. Bọn đầu gấu thực thi nhiệm vụ quá tích cực nên đánh nhầm cả vào người nước ngoài. Một nữ phóng viên Châu Âu nhún vai, lắc đầu: *"Trước kia người Việt Nam rất đẹp, dừng cảm chống ngoại xâm, bây giờ thì người Việt Nam rất xấu ..."*

Cựu ký giả Trường Sơn đã tường thuật và bình luận: *"Phiên toà phúc thẩm đã làm điều thất nhân tâm lại thất chính trị. Thất nhân tâm ở chỗ đã làm mất niềm tin trong nhân dân. Nhân dân không tin vào toà án, vì pháp luật không được tôn trọng, kết tội bừa bãi, không đủ chứng cứ, do đó càng không tin vào chế độ dân chủ gấp triệu lần*

tư bản, như lãnh đạo vẫn nói. Nhân dân thì bảo, có mà ngược lại thì mới đúng, nghĩa là chuyên chế và độc tài gấp triệu lần tư bản. Còn thất chính trị ở chỗ, làm nước ta bị cô lập với thế giới. Thế giới thường lên án, chỉ trích Việt Nam vi phạm nhân quyền. Đây lại là một chứng cứ để họ kết tội mình".

Khinh bỉ đến tột độ bọn người chỉ biết úp mặt vào miếng cơm tấm áo, sẵn sàng bán rẻ lương tâm để làm nô lệ cho cường quyền, nhà trí thức Tuệ Minh sỉ vả: "Lũ người máy" đại diện cho pháp luật, được chủ của chúng bấm nút, ngang nhiên phỉ nhổ vào pháp luật. Nói thật, tôi không thể nào gọi họ là "những con người", chỉ trừ một kẻ mà tôi cho rằng còn có thể có chút tính người, đó là kẻ đọc lời tuyên án. Mặt anh ta cúi gằm, không dám nhìn lên. Dường như anh ta cũng nhận thấy chính anh ta mới là kẻ đang làm điều tội lỗi"

Kết thúc phiên xử, khi được chánh án cho nói lời cuối cùng, Nguyễn Vũ Bình đồng dặc phủ nhận hoàn toàn phiên toà và tuyên bố *"Đối với tôi bây giờ chỉ có tự do hay là chết!"* Quả vậy, trong tù anh đã tuyệt thực nhiều ngày trước khi được hứa hẹn lừa mị rằng sẽ xét lại bản án.

Tuệ Minh, trong bài viết: *"Nguyễn Vũ Bình - Ngọn hải đăng trong đêm tối"* đã nhiệt thành vinh danh và kêu gọi: *"Nước Việt Nam thân yêu của chúng ta đang rất cần một xã hội dân chủ - tự do để phát triển. Chúng ta cần biết bao những con người tham gia tranh đấu cho lẽ phải, cho nền dân chủ của đất nước chúng ta. Trong cuộc đấu tranh gian nan ấy, Nguyễn Vũ Bình xứng đáng là một trong những biểu tượng sáng ngời cho tuổi trẻ noi theo. Ngọn hải đăng Nguyễn Vũ Bình đang soi đường cho các bạn"*.



Riêng tôi, tôi không thể không xót xa, cảm giận mỗi khi nghĩ đến cảnh tù đầy nghiệt ngã, đã man dành cho một con người từng khao khát và tin tưởng ở tự do như Nguyễn Vũ Bình. Anh từng viết những dòng có cánh khi trao đổi với một tác giả nước ngoài: *"Thưa tác giả, ở Việt Nam đã có chim. Tôi đã nhìn thấy những đàn chim 5 đến 7 con, ở nông thôn nhiều hơn. Cân bằng sinh thái đang trở lại, hy vọng sự cân bằng cũng sẽ trở lại trong tâm hồn người Việt nam"* (4).

Tôi càng thương xót hai cháu nhỏ: Thanh Hà và Thuận Linh, con gái Nguyễn Vũ Bình, trong những năm tháng tuổi thơ bơ vơ vắng bố, càng cảm phục Bùi Kim Ngân. Cũng như Vũ Thuý Hà - vợ bác sỹ Phạm Hồng Sơn, Bùi Kim Ngân đang không những phải "Sầu ôm nặng xếp chồng làm gôi" qua đặng đặng tuổi thanh xuân vò võ mà còn phải nai lưng một mình kiếm sống,

nuôi dạy con cái và tháng tháng vượt non  
trăm cây số đi tiếp tế cho chồng song vẫn  
tĩnh táo kiên cường đấu tranh chống cường  
quyền, bảo vệ lý tưởng của chồng, góp sức  
cổ súy mạnh mẽ cho công cuộc đấu tranh  
chung vì sự nghiệp dân chủ hoá đất nước.  
Họ xứng đáng là những nữ anh hùng trên  
chiến tuyến mới gian nan hôm nay.

Nghĩ về ý chí ngoan cường và sự hy  
sinh lớn lao của họ: những Nguyễn Vũ  
Bình, Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn,  
Bùi Kim Ngân, Vũ Thuý Hà - tôi thường  
liên tưởng đến Petofi - nhà thơ cách mạng  
Hungary:

*Tự do và ái tình*  
*Vì các người, ta sống*  
*Vì tình yêu lỏng lẻo*  
*Tôi hiến cả đời tôi*  
*Vì tự do muôn đời*  
*Tôi hy sinh tình ái*

Đáng vinh danh biết bao những con người thấy trước hiểm nguy mà vẫn hiên ngang xốc tới: *"Tôi biết rằng, có thể tôi sẽ phải hy sinh nhưng vẫn tin tưởng tuyệt đối là: Lịch sử sẽ sang trang, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ được hưởng Tự do và Dân chủ trong một tương lai không xa nữa. Và, trên nền của Tự do và Dân chủ, nhân dân Việt Nam sẽ làm cho cả thế giới phải kinh ngạc về dân tộc mình, đất nước mình không kém những gì họ đã làm trong lịch sử"*(1) Và vững tin: *"Dù có bất kỳ trở ngại nào, dù có ý muốn chủ quan của bất kỳ cá nhân nào, lực lượng nào cản trở, dân tộc Việt Nam vẫn đi tới đích của lịch sử: Tự do của cá nhân và Dân chủ cho toàn xã hội"*(1)

Hà Nội, sinh nhật lần thứ 36 của  
Nguyễn Vũ Bình

**Nguyễn Thanh Giang**

Số nhà 6- Khu tập thể Địa Vật lý Máy  
bay Trung Văn - Từ Liêm - Hà nội  
Điện thoại : 5 534370

***Ghi chú:***

(1) Việt Nam và con đường phục hưng đất nước.

(2) Thư gửi Bộ Chính trị - Một số vấn đề giải trình, bổ sung và kiến nghị.

(3) Nguyễn Thanh Giang - Một tấm gương đấu tranh cho tự do và dân chủ.

(4) Tổ quốc ăn năn - Cầm nang dân chủ và phát triển Việt Nam.

(5) Về vấn đề biên giới Việt – Trung.